

Danh mục bảng biểu

| | | |
|-------------|--|----|
| Bảng 2.2.3 | Lượng khách du lịch đến làng gốm Chu Đậu (2007 - 2011) | 51 |
| Sơ đồ 2.2.5 | Mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu | 58 |

LỜI CẢM ƠN

Vậy là gần 5 năm đã trôi qua, mái trường Đại học Dân lập Hải Phòng thân thương cho em thật nhiều kỷ niệm sâu sắc mà em sẽ không thể nào quên.

Ngày ngày đến lớp, chúng em không chỉ được sống trong một môi trường học tập chuyên nghiệp, thu được những kiến thức bổ ích làm hành trang trên đường đời sau này mà còn được sống trong tình cảm quan tâm, triu mến của các thầy, cô.

Đối với những sinh viên năm cuối như chúng em, được làm khóa luận tốt nghiệp là một niềm vui, niềm hạnh phúc vô cùng lớn lao và đầy tự hào.

Để bài khóa luận được hoàn thành và có kết quả tốt như ngày hôm nay em xin gửi lời tri ân và lời cảm ơn sâu sắc nhất tới:

Thầy hiệu trưởng Trần Hữu Nghị.

Ban giám hiệu nhà trường cùng các thầy cô giáo bộ môn ngành Văn hóa du lịch đã tận tình chỉ bảo, dạy dỗ, truyền đạt kiến thức cho chúng em nên người.

Và em xin dành lời cảm ơn đặc biệt từ tận đáy lòng đến thầy giáo, Th.s Lê Thành Công. Trong suốt thời gian qua thầy đã giúp đỡ em rất nhiều, nếu không nhận được sự hướng dẫn của thầy có lẽ bài khóa luận tốt nghiệp của em không được hoàn thành thuận lợi như ngày hôm nay.

Bên cạnh đó, em cũng vô cùng biết ơn gia đình đã động viên, ủng hộ em khi em lựa chọn mái trường Dân Lập Hải Phòng là ngôi nhà thứ hai của mình.

Do kiến thức bản thân còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều sai sót, vì vậy em mong nhận được sự góp ý của các thầy, cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, 20 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Hoàng Thị Huyền Trang

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1 MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ DU LỊCH BỀN VỮNG | 5 |
| 1.1. Tổng quan về du lịch cộng đồng | 5 |
| 1.1.1. <i>Khái niệm</i> | 5 |
| 1.1.2. <i>Các nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng</i> | 10 |
| 1.1.3. <i>Các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch cộng đồng</i> | 11 |
| 1.1.4. <i>Các tiêu chí phát triển du lịch cộng đồng</i> | 13 |
| 1.1.5. <i>Ý nghĩa của việc phát triển du lịch cộng đồng.</i> | 14 |
| 1.2. Tổng quan về phát triển du lịch bền vững | 16 |
| 1.2.1. <i>Khái niệm</i> | 16 |
| 1.2.2. <i>Mục tiêu của du lịch bền vững</i> | 17 |
| 1.2.3. <i>Các nguyên tắc cơ bản đảm bảo phát triển du lịch bền vững</i> | 18 |
| 1.2.4. <i>Các tiêu chí để phát triển du lịch bền vững.</i> | 24 |
| 1.3. Mối quan hệ giữa du lịch cộng đồng và phát triển du lịch bền vững | 28 |
| Tiểu kết Chương 1 | 30 |
| CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG GÓM CHU ĐẬU THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 31 |
| 2.1. Giới thiệu chung về làng gốm Chu Đậu | 31 |
| 2.1.1. <i>Vị trí địa lý</i> | 31 |
| 2.1.2. <i>Lịch sử phát triển của làng gốm Chu Đậu</i> | 32 |
| 2.1.3. <i>Đặc điểm sản xuất của làng gốm Chu Đậu</i> | 36 |
| 2.2. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững | 40 |
| 2.2.1. <i>Về tài nguyên du lịch</i> | 41 |
| 2.2.2. <i>Cộng đồng dân cư và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</i> | 42 |
| 2.2.3. <i>Về thị trường khách du lịch và doanh thu du lịch</i> | 46 |
| 2.2.4. <i>Về thu nhập du lịch</i> | 48 |
| 2.2.5. <i>Về cơ chế, chính sách và công tác quản lý</i> | 49 |
| 2.2.6. <i>Về sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính phủ, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước</i> | 58 |

| | |
|---|-----------|
| 2.3. Đánh giá chung về tác động của hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững..... | 61 |
| Tiểu kết chương 2..... | 66 |
| CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG GỐM CHU ĐẬU THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG..... | 67 |
| 3.1. Định hướng phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững | 67 |
| 3.1.1. Định hướng không gian du lịch | 67 |
| 3.1.2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch | 67 |
| 3.1.3. Định hướng về đào tạo phát triển nguồn nhân lực..... | 68 |
| 3.1.4. Định hướng về vốn đầu tư..... | 69 |
| 3.2. Kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững..... | 70 |
| 3.2.1. Du lịch văn hóa bản địa ở Rio Blanco (Ecuador) | 70 |
| 3.2.2. Kinh nghiệm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của Malaysia | 71 |
| 3.2.3. Du lịch nông thôn ở Hạ Casamance (Senegal) | 73 |
| 3.3. Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững | 74 |
| 3.3.1. Lựa chọn loại hình du lịch phù hợp với định hướng phát triển du lịch..... | 74 |
| 3.3.2. Khuyến khích hợp tác, đầu tư | 77 |
| 3.3.3. Nghiên cứu mô hình “Hợp tác xã du lịch” | 78 |
| 3.3.4. Các nhóm giải pháp cụ thể | 81 |
| 3.3. Một số khuyến nghị..... | 91 |
| 3.3.1. Với chính quyền địa phương | 91 |
| 3.3.2. Với các công ty du lịch..... | 92 |
| Tiểu kết chương 3..... | 94 |
| KẾT LUẬN | 95 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 96 |
| PHỤ LỤC | 97 |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trên thế giới, du lịch đã và đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, tại nhiều quốc gia, cũng vì tốc độ phát triển quá nhanh của ngành du lịch, du lịch lại phát triển theo hướng đại chúng dẫn đến tình trạng suy thoái tài nguyên du lịch, huỷ hoại môi trường và làm xói mòn các giá trị tốt đẹp của văn hoá truyền thống. Phát triển du lịch theo cách đó đã bộc lộ tính không bền vững, không chỉ về lĩnh vực môi trường tự nhiên mà còn bao trùm các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội. Các quốc gia đang cố gắng tìm kiếm các giải pháp cho một cách thức phát triển tối ưu mà ở đó, lợi ích đến với toàn bộ các bên tham gia và “đáp ứng các nhu cầu hiện tại nhưng không ảnh hưởng đến thế hệ tương lai”. Đặc biệt, phát triển du lịch bền vững tạo cơ hội vàng cho các nước đang phát triển và kém phát triển giảm tỉ lệ nghèo đói và tạo công ăn việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, trong đó, phát triển du lịch gắn với cộng đồng được coi là một giải pháp hữu hiệu.

Ở Việt Nam, du lịch còn là một ngành khá non trẻ và đầy tiềm năng, hứa hẹn nhiều cơ hội phát triển hơn nữa trong tương lai. Trong những năm gần đây, ngành du lịch Việt Nam cũng đã và đang chú trọng đến phát triển du lịch cộng đồng theo hướng phát triển bền vững, loại hình du lịch này đã và đang được triển khai tại nhiều địa phương trong cả nước: Làng cổ Đường Lâm và làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), Bản Lác – Mai Châu (Hòa Bình), Suối Voi – Lộc Tiên – Phú Lộc (Thừa Thiên Huế), Vườn quốc gia Ba Bể, thôn Sín Chải – Sa Pa... Những điểm du lịch này vốn đa dạng về tài nguyên du lịch tự nhiên và phong phú về tài nguyên du lịch nhân văn, đã thu hút số lượng lớn khách du lịch (đặc biệt là khách du lịch quốc tế) và như một lẽ tự nhiên, du lịch đã tác động một phần lên đời sống của cộng đồng dân cư địa phương. Làng gốm Chu Đậu (Hải Dương) cũng là một trong những điểm du lịch như thế, một địa danh làng nghề nổi tiếng trong miền Bắc cũng như trong cả nước.

Từ năm 2001, nhận thấy vai trò quan trọng trong việc khôi phục làng nghề gốm cổ Chu Đậu kết hợp với du lịch làng nghề, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã thành lập xí nghiệp Gốm Chu Đậu, đầu tư xây dựng nhà xưởng, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để khôi phục lại dòng gốm cổ đã thất truyền. Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu (tiền thân là Xí nghiệp Gốm Chu Đậu) xây dựng khu du lịch sinh thái làng nghề có tất cả các mô hình sản xuất về gốm từ thời sản xuất thô sơ đến nay, đưa Chu Đậu thành một vùng sản xuất gốm sứ, một trung tâm du lịch làng nghề tại phía bắc Việt Nam. Nơi đây đang trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Hàng năm, làng gốm Chu Đậu đón hàng nghìn lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Bên cạnh những tác động tích cực của hoạt động du lịch lên cuộc sống của cộng đồng dân cư làng gốm Chu Đậu, vẫn còn những vấn đề bất cập đi ngược lại với nguyên tắc của phát triển bền vững như: tác động xấu của xu thế thương mại hoá, sự bất bình đẳng trong chia sẻ lợi ích...khiến cho vấn đề phát triển bền vững lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Hơn nữa, phát triển du lịch ở làng gốm Chu Đậu vẫn chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng để phát huy hết tiềm năng và lợi thế của mình sao cho vừa đa dạng hoá sản phẩm vừa tạo cơ hội thu hút cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch, tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của họ, tạo đà phát triển bền vững cho du lịch tại làng gốm Chu Đậu.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu em đã chọn đề tài “ *Tìm hiểu hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu - Hải Dương theo hướng phát triển bền vững*” làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình, hy vọng sẽ góp một phần nhỏ cho sự phát triển hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu, hướng đến sự phát triển bền vững cho làng nghề truyền thống của miền đất văn hóa Hải Dương .

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đề xuất một số giải pháp có thể vận dụng góp phần phát triển du lịch gắn với cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững.

Căn cứ vào mục tiêu đặt ra, luận văn tiến hành giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận mới về du lịch cộng đồng và du lịch bền vững; các điều kiện để phát triển du lịch bền, những bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển du lịch cộng đồng theo hướng phát triển bền vững.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu về tiềm năng, lợi thế sẵn có, những thuận lợi và khó khăn của làng gốm Chu Đậu trong phát triển du lịch nói chung.

- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để giải quyết các tồn tại trong phát triển du lịch gắn với cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu trên địa bàn làng Chu Đậu và làng Mỹ Xá thuộc các xã Minh Tân và Thái Tân huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập nguồn dữ liệu thứ cấp: từ các kết quả nghiên cứu, sách báo tạp chí, các trang web điện tử, các tài liệu, báo cáo của cơ quan quản lý du lịch và chính quyền địa phương.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân tích mối quan hệ chặt chẽ giữa du lịch, cộng đồng và phát triển bền vững, từ đó đề xuất giải pháp thực hiện.

Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến và kinh nghiệm từ các báo cáo của các chuyên gia thuộc các tổ chức tài trợ các dự án phát triển du lịch cộng đồng và phát triển bền vững tại Chu Đậu.

Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Công tác thực địa có mục đích cơ bản là kiểm tra chính lý và bổ sung những tư liệu, đối chiếu và lên danh mục cụ thể từng đối tượng nghiên cứu, sơ bộ đánh giá các yếu tố cần thiết cho việc xây dựng các yếu tố hợp phần của mô hình tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu.

5. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến tên đề tài

Ở nước ngoài đã có một số chuyên khảo về du lịch cộng đồng và du lịch bền vững như:

- Honey M. (1999), *Ecotourism and Sustainable Development. Who Owns Paradise?* Island Press, Washington D.C.

- Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development, Capacity Building for Tourism Development in Viet Nam*, VNAT and FUEDSO, Vietnam.

Trong nước, về những vấn đề du lịch cộng đồng, du lịch bền vững được đề cập không chính thức ở một số giáo trình, bài viết như: Du lịch với dân tộc thiểu số ở Sa Pa (nghiên cứu của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế tại Việt Nam, 2000), Đề án phát triển du lịch cộng đồng kết hợp với xoá đói giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn đến năm 2020 (Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, 2010), Phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai (Luận án tiến sĩ kinh tế của tác giả Phạm Ngọc Thắng, 2010).

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào về “ *Tìm hiểu hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu- Hải Dương theo hướng phát triển bền vững.*”

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu gồm ba chương:

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về du lịch cộng đồng và du lịch bền vững

Chương 2: Thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu

theo hướng phát triển bền vững

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ DU LỊCH BỀN VỮNG

1.1. Tổng quan về du lịch cộng đồng

1.1.1. Khái niệm

*** Cộng đồng**

Khái niệm về cộng đồng là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn với nhiều định nghĩa khác nhau.

Cộng đồng là nền tảng phát triển của mọi xã hội. Khái niệm cộng đồng có thể được hiểu ở nhiều mức độ với quy mô khác nhau từ làng, bản đến bộ tộc, dân tộc, quốc gia.

Cộng đồng thường được hiểu là những nhóm dân cư sinh sống trên cùng một lãnh thổ qua nhiều thế hệ, cùng có những đặc điểm chung về sinh hoạt và văn hoá truyền thống, cùng sử dụng chung các nguồn tài nguyên, môi trường.

Cộng đồng thường xem các nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nguồn nước... là nơi mà họ có thể dựa vào để sinh sống. Cộng đồng sử dụng các nguồn tài nguyên nơi mình sinh sống cùng với việc phát triển các tập quán quản lý riêng. Họ khai thác tài nguyên theo nhiều phương thức và chia sẻ lợi ích từ việc khai thác cho những thành viên khác trong cộng đồng của mình. Việc chia sẻ nguồn lợi luôn đi liền với chia sẻ trách nhiệm bảo tồn được xem là triết lý sống của cộng đồng được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Khái niệm cộng đồng bao gồm các thực thể xã hội có cơ cấu tổ chức chặt chẽ cho đến các tổ chức ít có cấu trúc chặt chẽ, là một nhóm xã hội có lúc khá phân tán, được liên kết bằng lợi ích chung trong một không gian tạm thời, dài hay ngắn như phong trào quần chúng, công chúng khán giả, đám đông... Đây là một định nghĩa rất hay được sử dụng trong khoa học xã hội, gắn với các thực thể xã hội nhất định.

Ngoài ra còn có một định nghĩa khác nhìn nhận cộng đồng như một đặc thù chỉ có ở nền văn minh con người, ở đó, con người hợp tác với nhau vì những lợi ích chung, thường được gọi là tính cộng đồng.

Tóm lại, có hai cách hiểu về cộng đồng: một là cộng đồng tính và hai là cộng đồng thể. Hai cách hiểu về cộng đồng này khác nhau nhưng không đối lập nhau. Cộng đồng tính là thuộc tính hay là quan hệ xã hội có những đặc trưng mà các nhà xã hội học đã cố gắng xác định và cụ thể hoá, chẳng hạn như tình cảm cộng đồng, tinh thần cộng đồng, ý thức cộng đồng... Cộng đồng thể tức là những nhóm người, những nhóm xã hội có tính cộng đồng với rất nhiều thể có quy mô khác nhau, đó là các thể nhỏ, thể vừa, thể lớn và thể cực lớn, kể từ gia đình, quốc gia đến nhân loại.

Mác- Lênin cũng đã có quan điểm, cộng đồng là mối liên hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự cộng hưởng lợi ích của các thành viên có sự tương đồng về điều kiện tồn tại và phát triển, gồm có: hệ tư tưởng, tín ngưỡng, hệ giá trị và chuẩn mực, nền sản xuất. Trong quá trình triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển cộng đồng, các nhà nghiên cứu đã tổng hợp ba yếu tố hình thành nên một khái niệm tương đối đầy đủ về cộng đồng bao gồm: yếu tố địa vực, yếu tố kinh tế (yếu tố nghề nghiệp) và yếu tố văn hoá.

- Yếu tố địa lý: Đây là yếu tố thứ nhất để khu biệt một cộng đồng. Ý thức cương vực lãnh thổ là một trong những ý thức sâu sắc và lâu bền của con người trong lịch sử, là hạt nhân tạo nên tâm thức chung của cộng đồng. Nhắc đến cộng đồng là nhắc đến một tập thể người định cư trên một vùng đất đai nào đó hay nhóm người sống thường xuyên trên một khu vực nhất định, có ý thức mình thuộc về cả đoàn thể, địa phương và hoạt động cùng nhau trong đời sống. Trên cơ sở này, ta có thể chia theo đặc điểm địa hình thành các nhóm cộng đồng vùng núi, cộng đồng trung du, cộng đồng vùng đồng bằng, cộng đồng ven biển, cộng đồng hải đảo hoặc chia theo vùng miền đất nước như: cộng đồng miền bắc, cộng đồng miền trung và cộng đồng miền nam.

- Yếu tố nghề nghiệp: Trong mối quan hệ tạo nên sự cố kết cộng đồng, nghề nghiệp có một vai trò đặc biệt quan trọng. Các hoạt động kinh tế tạo ra cho

cộng đồng một sự gắn kết và bảo đảm về vật chất để họ cùng nhau tồn tại. Từ đó, xã hội dần dần hình thành nhóm cộng đồng gọi là làng nghề. Làng nghề có thể có một vài nghề chính, có nơi chỉ có thuần một nghề; trong đó, cộng đồng dân cư tương đồng nhau về địa vị kinh tế, thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ, cách thức làm ăn... Có nhiều nơi họ còn thờ chung “ông tổ nghề” tạo nên sự gắn kết về mặt tinh thần bên cạnh yếu tố về kinh tế, vật chất. Đây là cơ sở hình thành làng nghề thủ công (ở vùng nông thôn) và các phường hội (trong các đô thị cổ).

- Yếu tố văn hoá: Đây là yếu tố mang tính tổng hợp để nhận biết các cộng đồng, trong đó chú ý đặc biệt đến ba khía cạnh cơ bản về văn hóa đó là: tộc người, hệ giá trị và chuẩn mực.

+ Tộc người: Gồm có nhóm tộc người chủ thể quốc gia và các nhóm tộc người thiểu số. Trong vai trò ở bình diện quốc gia, hệ tư tưởng, ý thức hệ, các giá trị và chuẩn mực hay các yếu tố văn hoá khác của tộc người chủ thể được khuôn mẫu hoá trong toàn quốc. Tuy nhiên, được quy định bởi các điều kiện sinh thái, kinh tế và xã hội tại khu vực cư trú, văn hoá mỗi tộc người lại khác nhau, hình thành nên các “đặc trưng văn hoá” có vai trò cố kết cộng đồng như: các biểu tượng, các phong tục tập quán, các nghi lễ, ngôn ngữ...

+ Tôn giáo - tín ngưỡng: Để cộng đồng có sự cố kết một cách bền vững thì còn phải dựa trên cơ sở niềm tin. Cùng chung một niềm tin tín ngưỡng tôn giáo là cùng chia sẻ những ước nguyện về mặt tinh thần và củng cố đạo lý chung của cộng đồng.

+ Hệ giá trị và chuẩn mực: Mỗi cộng đồng xác định cho mình một hệ thống giá trị và chuẩn mực riêng thông qua các định chế xã hội quy định nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng, đảm bảo sự thống nhất trong xã hội.

Cộng đồng trong phát triển du lịch cộng đồng là nhóm người sinh sống, làm ăn bên trong hoặc liền kề các điểm tài nguyên du lịch, tham gia vào quá trình hoạt động du lịch tại địa phương, có trách nhiệm nâng cao chất lượng tài

nguyên và môi trường du lịch cũng như giảm thiểu những tác động tiêu cực từ việc khai thác tài nguyên và hoạt động của khách du lịch.

** Du lịch cộng đồng*

Thuật ngữ “du lịch cộng đồng” xuất phát từ hình thức du lịch làng bản, khách du lịch thường gọi là chuyến du lịch có sự hỗ trợ của người bản xứ vào những năm 1970. Khái niệm này được đưa ra đầu tiên do khách du lịch khi đi tham quan các làng bản, tìm hiểu phong tục tập quán, cuộc sống hoang dã, lễ hội, khám phá hệ sinh thái, núi non tại những vùng mang tính tự nhiên hoang dã, khi đó họ cần sự hỗ trợ giúp đỡ của người dân bản địa như dẫn đường, cung cấp đồ ăn thức uống... Đây chính là tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng. Nhìn chung, các nhà nghiên cứu du lịch đều xác định các khái niệm, quan niệm về mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí và các điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng dựa trên những tư tưởng gốc rễ căn bản và nhất quán sau đây:

- Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được tạo bởi khách du lịch đến tham quan các khu vực có nhiều tài nguyên hấp dẫn phục vụ khách du lịch.

- Địa điểm tổ chức phát triển du lịch cộng đồng là những khu vực, điểm có tài nguyên thiên nhiên và nhân văn phong phú, hấp dẫn khách du lịch, có độ nhạy cảm về đa dạng sinh học, chính trị văn hoá và xã hội, dễ bị tác động bởi cả khách du lịch và dân cư bản địa.

- Vấn đề cần quan tâm nhất trong du lịch cộng đồng đó là mang lại lợi ích cho cộng đồng trong vùng có nhiều tài nguyên thông qua việc khuyến khích họ tham gia vào hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch, tạo công ăn việc làm, nâng cao điều kiện sống, đồng thời cho họ nhận thấy vai trò quyết định của họ đối với sự phát triển bền vững tài nguyên tại khu vực đó.

Như vậy, du lịch cộng đồng nhấn mạnh cả yếu tố tự nhiên, xã hội và con người. Nội dung chính của du lịch cộng đồng được các nhà nghiên cứu thống nhất bao gồm các yếu tố cơ bản sau: mức độ tham gia của cộng đồng địa phương, lợi ích mà cộng đồng nhận được, bảo vệ và giữ gìn nguồn tài nguyên và môi trường. Điều này có nghĩa là hoạt động kinh doanh du lịch dựa vào cộng đồng khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia, làm chủ và quản lý, đồng

thời chính họ là người quan tâm đến sự bảo tồn, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường nơi gắn liền với sự tồn tại cũng như lợi ích cá nhân họ và của cộng đồng. Tùy theo các góc độ quản lý và nghiên cứu mà mỗi khái niệm có cái nhìn thiên về yếu tố này hơn hay yếu tố kia hơn. Hai nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas đưa ra khái niệm nhấn mạnh trước hết sự tham gia của cộng đồng: Du lịch cộng đồng là một hình thái du lịch trong đó có sự tham gia đáng kể của người dân địa phương trong việc quản lý và phát triển du lịch. Lợi ích kinh tế từ du lịch sẽ góp phần vào nền kinh tế chung của địa phương. Tham gia vào hoạt động du lịch sẽ khiến cộng đồng tăng thêm lòng tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống cũng như các nguồn tài nguyên tự nhiên mà chính họ là chủ nhân đích thực. Nhận thức của cộng đồng về du lịch, các giá trị tài nguyên, bản sắc văn hoá... sẽ được nâng cao thông qua các chương trình giáo dục, đào tạo, tập huấn về du lịch, môi trường. Chính họ sẽ là người quay trở lại tham gia tích cực vào công tác tôn tạo, gìn giữ tài nguyên và các bản sắc văn hoá của địa phương, bởi hơn ai hết, chính họ nhận thấy tầm quan trọng của các “giá trị” đó khi nó gắn liền với lợi ích cá nhân của họ, tạo công ăn việc làm, giúp họ có thêm nguồn thu nhập và cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống. Trong suốt quá trình tham gia vào các hoạt động du lịch, tiếp xúc và cung cấp các sản phẩm phục vụ khách du lịch, cộng đồng có cơ hội học hỏi thêm nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, đồng thời chất lượng cuộc sống của họ được nâng cao sẽ làm giảm đi phương thức sống bản năng dựa vào tự nhiên gây nhiều tổn hại đến tài nguyên, môi trường. Hơn ai hết, chính họ là người tham gia tích cực vào việc tạo ra các sản phẩm du lịch mới. Họ truyền lại cho con cháu họ cách làm các đồ thủ công mỹ nghệ, bảo tồn các nghề truyền thống và cung cấp cho khách du lịch nhiều loại hình dịch vụ mới theo nhu cầu.

Tùy theo góc nhìn, quan điểm nghiên cứu mà du lịch cộng đồng có những khái niệm khác nhau.

Nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas đưa ra khái niệm: *“Du lịch cộng đồng là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ*

động lại nền kinh tế địa phương” [11]. Quan niệm trên nhấn mạnh đến vai trò chính của người dân địa phương trong vấn đề phát triển du lịch ngay trên địa bàn họ quản lý.

Du lịch cộng đồng là *“phương thức tổ chức du lịch đề cao về môi trường, văn hóa xã hội. Du lịch cộng đồng do cộng đồng sở hữu và quản lý, vì cộng đồng và cho phép khách du lịch nâng cao nhận thức và học hỏi về cộng đồng, về cuộc sống đời thường của họ”* [12]

Theo tiến sĩ Võ Quê: *“Du lịch dựa vào cộng đồng là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch, đồng thời tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất và tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên”* [6]

1.1.2. Các nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng

Các nguyên tắc cơ bản để phát triển du lịch cộng đồng đó là:

- Phù hợp với khả năng của cộng đồng. Khả năng bao gồm các điều kiện, khả năng tài chính và nhân lực của cộng đồng để đáp ứng các yêu cầu phát triển du lịch. Bên cạnh đó còn là khả năng nhận thức về vai trò và vị trí của mình trong việc sử dụng tài nguyên, nhận thức được tiềm năng to lớn của du lịch đối với sự phát triển của cộng đồng cũng như biết được các bất lợi từ hoạt động du lịch và khách du lịch đối với tài nguyên, cộng đồng.

- Cộng đồng có quyền tham gia thảo luận các kế hoạch, quy hoạch, thực hiện, quản lý và đầu tư phát triển du lịch, trong một số trường hợp có thể trao quyền làm chủ cho cộng đồng.

- Xác lập quyền sở hữu và tham gia của cộng đồng đối với tài nguyên thiên nhiên và văn hóa hướng tới sự phát triển bền vững. Nguyên tắc này cho thấy du lịch cộng đồng là một phương thức, là một quá trình tương tác giữa chủ (người tạo ra sản phẩm du lịch) và khách (người sử dụng sản phẩm du lịch) vì sự phát triển du lịch bền vững, dài hạn. Mối quan hệ này mang hàm ý khuyến khích sự tham gia của cả hai bên và tạo ra được các lợi ích kinh tế và đồng thời bảo

tồn tài nguyên và môi trường địa phương.

- Chia sẻ lợi ích từ du lịch cho cộng đồng. Theo nguyên tắc này cộng đồng phải cùng được hưởng lợi như các thành phần khác tham gia vào hoạt động kinh doanh cung cấp các sản phẩm cho khách du lịch, nguồn thu từ hoạt động du lịch được phân chia công bằng cho mọi thành viên tham gia hoạt động, đồng thời lợi ích đó cũng được trích để phát triển lợi ích chung cho xã hội như: tái đầu tư cho cộng đồng xây dựng đường sá, cầu cống, điện và chăm sóc sức khỏe, giáo dục...

- Tiếp cận bền vững đối với tài nguyên về nhân văn, tài nguyên thiên nhiên, cân bằng với các tiêu chuẩn kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa được khai thác hợp lý. Du lịch cộng đồng chính là cách tốt nhất vừa làm du lịch vừa giữ gìn bản sắc văn hóa: sử dụng dịch vụ tại chỗ, trân trọng và phát triển văn hóa truyền thống của các địa phương, trong đó có việc làm sống lại các làng nghề truyền thống.

1.1.3. Các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch cộng đồng

**** Về tài nguyên tự nhiên và nhân văn***

Đây là điều kiện có ý nghĩa quyết định đến phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Tài nguyên thiên nhiên và nhân văn được xem xét phong phú về số lượng, chủng loại và giá trị về chất lượng của từng loại, được đánh giá cả về mặt quý hiếm. Điều kiện tài nguyên cũng nói lên mức độ hấp dẫn thu hút khách du lịch đến tham quan hiện tại và tương lai.

**** Về yếu tố cộng đồng dân cư***

Đây được xem xét đánh giá trên các yếu tố số lượng thành viên, bản sắc dân tộc, phong tục tập quán, trình độ học vấn và văn hóa, nhận thức trách nhiệm về tài nguyên và phát triển du lịch. Xác định phạm vi cộng đồng là những dân cư sống, sinh hoạt và lao động cố định, lâu dài trong hoặc liền kề vùng có tài nguyên thiên nhiên.

**** Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch***

Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân tham gia phục vụ du lịch: thương nghiệp, dịch vụ...

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng có những chức năng và ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện các sản phẩm du lịch. Để đảm bảo cho việc tham quan du lịch trên qui mô lớn cần phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng như các khách sạn, nhà hàng, camping, cửa hiệu, trạm cung cấp xăng dầu, trạm y tế, nơi vui chơi thể thao... Khâu trung tâm của cơ sở vật chất kỹ thuật là phương tiện phục vụ cho việc ăn ngủ của khách, tức là nguồn vốn cố định của du lịch.

** Thị trường khách*

Gồm có thị trường khách trong nước và quốc tế đến tham quan du lịch, nghiên cứu và nguồn khách trong tương lai. Điều kiện về thị trường khách du lịch cũng nói lên bản chất của vấn đề phát triển du lịch và vấn đề công ăn việc làm cho cộng đồng. Nơi nào thu hút được nhiều khách du lịch và với khả năng chi trả cao tức là nơi đó tạo được nhiều công ăn việc làm và tăng thu nhập cho cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống. Khi đó, du lịch đã làm đúng vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nói chung, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội

** Về cơ chế, chính sách*

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở các cấp cần phải có cơ chế, chính sách hợp lý, tối ưu nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển du lịch và sự tham gia của cộng đồng.

** Về sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính phủ, tổ chức phi chính phủ trong và*

ngoài nước

Bao gồm sự hỗ trợ về nhân lực, tài chính và kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng và cũng như sự hỗ trợ của các công ty lữ hành trong vấn đề tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan.

1.1.4. Các tiêu chí phát triển du lịch cộng đồng

Phát triển cộng đồng bao gồm những tiêu chí sau :

- Huy động nguồn lực: Đề cập tới phương hướng huy động các nguồn lực xã hội bên ngoài và bên trong cộng đồng, không chỉ bao gồm các nguồn lực về tài chính, nhân lực, vật lực, tài nguyên thiên nhiên, tài sản văn hóa mà còn các nguồn lực về quản lý. Bản chất của du lịch dựa vào cộng đồng là hoạt động mang tính đa thành phần kinh tế, đa phương thức đầu tư và quản lý, có sự cân bằng quyền lực (theo nghĩa rộng, đó là một quá trình tương tác của các nhóm xã hội) bên trong cộng đồng, cân bằng các lợi ích của các nhóm xã hội bên trong và bên ngoài cộng đồng. Đó là lý do Đảng và Nhà nước ta đã xác định du lịch nước nhà là ngành kinh tế mũi nhọn được ưu tiên phát triển dựa trên sự hỗ trợ từ nguồn lực tổng hợp của các ngành và các thành phần kinh tế khác.

- Khuyến khích sự tham gia và chia sẻ trách nhiệm của cộng đồng: Xác định đúng vai trò và vị trí của cộng đồng trong quá trình tạo ra các sản phẩm du lịch. Theo một trong các nguyên tắc của phát triển du lịch cộng đồng là phát triển đồng bộ và từ dưới lên nên cộng đồng phải là người làm chủ chủ động, tích cực chứ không chỉ ngồi đó đón đợi các kế hoạch từ trên xuống. Họ là một thành phần, một đối tác bình đẳng tham gia tích cực trong quá trình phát triển du lịch. Đây là sự chia sẻ trách nhiệm với các cơ quan hữu quan, với các công ty lữ hành. Còn nếu nhìn từ góc độ nội bộ cộng đồng, sự chia sẻ sẽ bao hàm sự phân công trách nhiệm giữa các thể chế trong cộng đồng, từ chính quyền, các tổ chức xã hội, các gia đình và các cá nhân trong cộng đồng.

- Tăng tính tổ chức: Xác lập những năng lực cần có để tổ chức các sản phẩm du lịch do cộng đồng làm ra. Đây không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh doanh mà là một hoạt động tổ chức xã hội, năng lực ở đây bao gồm việc

vận dụng các bài toán kinh tế, từ vốn, nhân lực, vật lực, việc quảng bá sản phẩm, tiếp thị, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, năng lực vận động và tổ chức xã hội. Tuy nhiên, năng lực quản lý của cộng đồng trong phát triển du lịch là yêu cầu hàng đầu trong việc phát triển du lịch cộng đồng.

- Có sự lãnh đạo: Sự lãnh đạo ở đây bao gồm cơ chế và quy trình ra quyết định (dân chủ hay quan liêu, trực tiếp hay gián tiếp), quá trình thực hiện và cuối cùng là quá trình giám sát. Sự lãnh đạo chủ yếu sẽ là hoạt động của chính quyền, nhưng nó không đơn thuần chỉ là hoạt động của riêng tổ chức này. Sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư vào các quyết định đầu tư, triển khai cũng là rất cần thiết.

1.1.5. Ý nghĩa của việc phát triển du lịch cộng đồng.

Để phát triển du lịch cộng đồng, các nhà quản lý cần quan tâm đến bốn mục tiêu căn bản sau đây:

- Du lịch cộng đồng là công cụ cho cộng đồng cùng tham gia, thảo luận các vấn đề, cùng làm việc và giải quyết các vấn đề mang tính cộng đồng.

- Du lịch cộng đồng là công cụ phát triển chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, nghĩa là du lịch cộng đồng phải đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tăng doanh thu về du lịch và những lợi ích khác cho cộng đồng cũng như mang lại thu nhập cho họ.

- Du lịch cộng đồng là công cụ cho hoạt động bảo tồn, nghĩa là du lịch cộng đồng phải mang đến cho khách những sản phẩm du lịch có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hoá, bao gồm sự đa dạng sinh học, tài nguyên nước, rừng, bản sắc văn hoá...

- Du lịch cộng đồng là công cụ để nâng cao nhận thức, kiến thức và sự hiểu biết cho cộng đồng, mở ra các cơ hội trao đổi kiến thức giữa cộng đồng và khách du lịch, khích lệ họ tham gia tích cực vào hoạt động du lịch.

Để đạt được các mục tiêu căn bản nói trên thì du lịch cộng đồng mang lại ý nghĩa vô cùng to lớn đối với nhiều vấn đề như kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng, tài nguyên môi trường:

- Đối với công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn:

+ Du lịch cân bằng với các tiêu chuẩn về kinh tế, văn hoá xã hội và môi trường.

+ Nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn được quản lý, khai thác một cách hợp lý.

+ Môi trường văn hoá được bảo tồn: Du lịch cộng đồng chính là cách thức tốt nhất để vừa làm du lịch vừa giữ gìn bản sắc văn hoá, sử dụng dịch vụ tại chỗ, phát triển và tôn trọng văn hoá địa phương thông qua việc thúc đẩy nghề nghiệp truyền thống, bảo tồn các di sản văn hoá cộng đồng, chống trào lưu du nhập.

+ Môi trường sinh thái cảnh quan được bảo vệ: Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường và giữ gìn hệ sinh thái được nâng cao, sự thay đổi về tài nguyên môi trường ở địa phương này làm cho cộng đồng địa phương khác nhận ra trách nhiệm của mình đối với nguồn tài nguyên môi trường và văn hoá địa phương nơi mình đang cư trú.

- Đối với ngành du lịch:

+ Góp phần tạo ra một môi trường thu hút, hấp dẫn khách du lịch.

+ Tạo ra sự đa dạng của sản phẩm, dịch vụ du lịch trong một vùng, một quốc gia hoặc một khu vực.

+ Các loại hình du lịch cộng đồng đã và đang được nhiều địa phương, nhiều quốc gia quan tâm phát triển như là một giải pháp hữu hiệu cho phát triển du lịch nói chung.

- Đối với cộng đồng:

+ Du lịch cộng đồng mang lại cơ hội cho các thành viên của cộng đồng trong việc bảo tồn nguồn tài nguyên, môi trường tự nhiên và văn hoá. Những thành viên trong cộng đồng có thể có cơ hội được học hỏi nâng cao trình độ tay nghề chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo tập huấn, từ đó đóng góp lại cho sự phát triển cộng đồng. Cộng đồng địa phương sẽ phát triển ngành nghề, tạo ra công ăn việc làm và tăng thu nhập.

+ Phát triển du lịch cộng đồng giúp cộng đồng địa phương được hưởng lợi

từ phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và làm thay đổi bộ mặt xã hội của địa phương.

+ Mang lại lợi ích kinh tế cho các thành viên cộng đồng tham gia trực tiếp và gián tiếp cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch, đồng thời các thành viên khác cũng được hưởng lợi từ sự đóng góp của du lịch.

+ Sự tham gia tích cực của cộng đồng sẽ trở thành mô hình khích lệ các cộng đồng khác, tạo cơ hội cho các nhà quản lý xây dựng các kế hoạch và hành động cụ thể cho du lịch cộng đồng, đồng thời tạo cơ hội cho các tổ chức phát triển các chiến lược công tác với cộng đồng địa phương.

1.2. Tổng quan về phát triển du lịch bền vững

1.2.1. Khái niệm

**** Du lịch bền vững***

Để đảm bảo sự tăng trưởng hợp lý và lâu dài, du lịch cũng là hoạt động cần thiết phải triển khai theo các quan điểm, nguyên tắc của phát triển bền vững như một đòi hỏi tất yếu khách quan. Nói cách khác, khái niệm phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững.

Từ những năm 1980, khi các vấn đề về phát triển bền vững bắt đầu được đề cập thì nhiều công trình nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các khía cạnh tác động của hoạt động du lịch liên quan đến phát triển bền vững, trong đó đặc biệt nghiên cứu sự cần thiết đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hoá trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ du lịch. Như vậy, phát triển du lịch bền vững là quá trình đáp ứng các nhu cầu về du lịch ở hiện tại mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch cho các thế hệ tương lai.

Đến những năm 1990, cùng với tốc độ phát triển mạnh mẽ của kinh tế thế giới, các nhà khoa học đã đề cập nhiều đến việc phát triển du lịch với mục đích kinh tế đơn thuần đã, đang và sẽ đe dọa đến môi trường và các nền văn hoá bản địa. Thực tế đó làm nảy sinh yêu cầu cấp bách trong việc nghiên cứu “phát triển du lịch bền vững” nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch

đảm bảo sự phát triển lâu dài của xã hội. Một số loại hình du lịch bước đầu quan tâm đến khía cạnh môi trường và tài nguyên đã xuất hiện và dần dần trở nên phổ biến như “du lịch sinh thái”, “du lịch khám phá”, “du lịch mạo hiểm”, “du lịch nông thôn”... Điều đó đã góp phần nâng cao hình ảnh về một hướng phát triển loại hình du lịch có trách nhiệm, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Theo tổ chức United National World Tourism Organization thì: Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững phải có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống con người. Hiện nay, trong quá trình thống nhất về nhận thức, quan niệm về du lịch bền vững vẫn có những trường phái khác nhau nhưng đa số đều nhất trí cho rằng: du lịch bền vững là hoạt động khai thác môi trường tự nhiên và văn hoá nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn, đồng thời tiếp tục duy trì các khoản đóng góp cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương.

Tóm lại, trọng tâm của phát triển du lịch bền vững là đấu tranh cho sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hoá cộng đồng trong khi vẫn quan tâm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

1.2.2. Mục tiêu của du lịch bền vững

Sự phát triển du lịch bền vững đòi hỏi có sự nỗ lực chung và đồng bộ của toàn xã hội do du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên rõ rệt, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Chính vì vậy, phát triển du lịch bền vững cần hướng tới việc đảm bảo đạt được 3 mục tiêu cơ bản sau:

- Đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường: Thể hiện ở việc sử

dụng hợp lý các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch cho phát triển cần được quản lý sao cho không chỉ thoả mãn nhu cầu hiện tại mà cũng đảm bảo nhu cầu phát triển du lịch qua nhiều thế hệ. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, các tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sẽ được hạn chế, đồng thời có những đóng góp trong việc nỗ lực tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế: Nghĩa là đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của du lịch, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của quốc gia và của cộng đồng.

- Đảm bảo sự bền vững về xã hội: Sự phát triển du lịch có những đóng góp cụ thể cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển.

1.2.3. Các nguyên tắc cơ bản đảm bảo phát triển du lịch bền vững

**** Khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý***

Mọi hoạt động phát triển kinh tế đều liên quan đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Nhiều nguồn tài nguyên trong số đó không thể tái tạo hay thay thế được hoặc khả năng tái tạo phải trải qua một thời gian rất dài hàng triệu năm. Chính vì vậy, đối với các ngành kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, việc khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên là nguyên tắc quan trọng hàng đầu. Nếu các tài nguyên du lịch được khai thác một cách hợp lý, bảo tồn và sử dụng bền vững, đảm bảo quá trình tự duy trì hoặc tự bổ sung được diễn ra theo những quy luật tự nhiên hoặc thuận lợi hơn do có sự tác động của con người thông qua việc đầu tư, tôn tạo thì sự tồn tại của các tài nguyên đó sẽ lâu dài đáp ứng nhu cầu phát triển của du lịch qua nhiều thế hệ. Việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên cần dựa vào trên cơ sở các nghiên cứu kiểm kê, đánh giá, quy hoạch sử dụng cho mục tiêu phát triển cụ thể.

Sự phát triển bền vững nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng cần đảm bảo việc lưu lại cho thế hệ tương lai. Điều này có nghĩa là trong quá trình khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên cần phải tính đến các giải pháp nhằm ngăn chặn sự mất đi của các loại sinh vật, sự suy giảm những chức năng

thiết yếu các hệ sinh thái có giá trị du lịch như các khu rừng nguyên sinh, các vùng đất ngập nước, các rạn san hô...và khả năng bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Điều này cũng còn có nghĩa là tài nguyên và môi trường du lịch cần được hiểu đó không phải là “hàng hóa cho không” mà phải được tính vào chi phí đầu vào của sản phẩm du lịch để có được nguồn đầu tư cần thiết cho việc bảo tồn và tái tạo tài nguyên, kiểm soát và ngăn chặn sự xuống cấp môi trường. Nguyên tắc này có thể được cụ thể hóa bằng một số hành động cụ thể cần được tính đến trong quá trình phát triển như sau:

Ngăn chặn sự phá hoại các nguồn tài nguyên tự nhiên, các giá trị văn hóa lịch sử, truyền thống dân tộc.

Phát triển và thực thi các chính sách môi trường hợp lý trong mọi lĩnh vực của du lịch.

Nguyên tắc “phòng ngừa” cần được tính đến trong tất cả các hoạt động và phát triển mới.

Bảo vệ việc thừa hưởng các di sản văn hóa và lịch sử của các dân tộc cũng như tôn trọng các quyền lợi của người dân địa phương trong việc khai thác các tài nguyên du lịch.

Duy trì hoạt động du lịch trong giới hạn “sức chứa” (carrying capacity) được xác định. Vấn đề xác định sức chứa đối với một điểm (khu) du lịch, cho một loại hình du lịch cụ thể là hết sức cần thiết song tương đối phức tạp, đòi hỏi phải có những nghiên cứu nghiêm túc trên cơ sở thực nghiệm. Khái niệm “sức chứa” ở đây thường được xem xét ở cả năm khía cạnh: vật lý, sinh học, tâm lý, xã hội và quản lý. Trên quan điểm bảo vệ tài nguyên, môi trường đảm bảo cho phát triển bền vững, khái niệm “sức chứa” cần được hiểu từ khía cạnh sinh học và xã hội.

+ Về khía cạnh sinh học, sức chứa sinh thái tự nhiên được hiểu là giới hạn về lượng khách đến một khu vực mà nếu vượt giới hạn đó sẽ xuất hiện các tác động của khách du lịch tới môi trường, tới tập tục sinh hoạt của các loài thú hoang dã và làm cho các hệ sinh thái xuống cấp (ví dụ như phá vỡ tập quán kết

bày của thú, làm đất bị xói mòn...).

+ Về khía cạnh văn hóa - xã hội, sức chứa được hiểu là giới hạn về lượng khách mà nếu vượt quá sẽ xuất hiện những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến đời sống văn hóa xã hội, đến những tập tục và truyền thống sinh hoạt của người dân bản địa.

Đối với các hoạt động du lịch nhằm thoả mãn tâm lý khách du lịch (vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng,...) thì xét ở khía cạnh tâm lý và quản lý là rất quan trọng. Khi đó, sức chứa được hiểu là giới hạn về lượng khách trong một không gian hoạt động du lịch cụ thể mà nếu vượt giới hạn đó sẽ nảy sinh sự khó chịu của khách du lịch do cảm thấy không thoải mái bởi “sự đông đúc” đem lại. Về khía cạnh quản lý, sức chứa được hiểu là giới hạn về lượng khách du lịch ở một điểm du lịch mà nếu vượt quá giới hạn đó nảy sinh những vấn đề (những tác động) tiêu cực đến môi trường hoặc đến việc tổ chức hoạt động du lịch, đến khách du lịch do sự hạn chế về năng lực quản lý (trình độ, các phương tiện, biện pháp quản lý...).

** Phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội*

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng cao, vì vậy, mọi phương án khai thác tài nguyên để phát triển phải phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành nói riêng và quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội nói chung ở phạm vi quốc gia, vùng và địa phương. Ngoài ra, đối với mỗi phương án phát triển cần tiến hành đánh giá tác động môi trường nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường. Điều này sẽ góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác cũng như với việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đảm bảo môi trường.

** Hạn chế việc sử dụng quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải ra môi trường*

Việc khai thác sử dụng quá mức tài nguyên và không kiểm soát được lượng chất thải từ hoạt động du lịch sẽ góp phần dẫn đến sự suy thoái môi trường mà hậu quả của nó là sự phát triển không bền vững của du lịch nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

** Phát triển phải gắn liền với nỗ lực bảo tồn tính đa dạng*

Tính đa dạng về thiên nhiên, về văn hóa và xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng tạo nên sự hấp dẫn của du lịch, làm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch, tăng cường sự phong phú về sản phẩm du lịch. Nơi nào có tính đa dạng cao về tự nhiên, văn hóa và xã hội, nơi đó sẽ có khả năng cạnh tranh cao về du lịch và có sức hấp dẫn lớn, đảm bảo cho sự phát triển. Chính vì vậy, việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa xã hội là hết sức quan trọng cho sự phát triển bền vững lâu dài của du lịch và cũng là chỗ dựa sinh tồn của ngành du lịch.

** Chú trọng việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương trong phát triển*

Thực tế cho thấy trên một địa bàn lãnh thổ nếu mỗi ngành chỉ biết đến lợi ích của mình mà không có sự hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế và chia sẻ quyền lợi với cộng đồng địa phương thì sẽ làm cho kinh tế và cuộc sống người dân địa phương gặp nhiều khó khăn, kém phát triển. Chính vì vậy, việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương là một nguyên tắc quan trọng trong phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương còn được thể hiện thông qua những chi phí cần thiết từ nguồn thu du lịch cho việc bảo tồn tài nguyên và duy trì môi trường. Điều này sẽ góp phần đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và sự phát triển bền vững nói chung của lãnh thổ.

**Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động phát triển du lịch*

Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch không chỉ giúp họ tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống mà còn làm cho họ có trách nhiệm hơn với tài nguyên, môi trường du lịch, cùng ngành du lịch chăm lo đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Điều này rất có ý nghĩa, góp phần quan trọng đối với sự phát triển bền vững của du lịch. Khi cộng đồng địa phương được tham gia chỉ đạo phát triển du lịch thì sẽ tạo ra được những điều

kiện đặc biệt thuận lợi cho du lịch bởi cộng đồng là chủ nhân và là người có trách nhiệm chính với tài nguyên và môi trường khu vực. Điều này sẽ tạo ra khả năng phát triển lâu dài của du lịch, sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch được thực hiện thông qua việc khuyến khích họ sử dụng các phương tiện, cơ sở vật chất của mình để phục vụ khách như chuyên chở, cho thuê nhà để ở, nấu ăn cho khách, sản xuất các hàng thủ công mỹ nghệ và đồ lưu niệm...

** Tăng cường trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch*

Xúc tiến, quảng cáo luôn là một hoạt động quan trọng đối với phát triển du lịch, đảm bảo sự thu hút khách, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm du lịch. Chiến lược quảng cáo, tiếp thị đối với du lịch bền vững bao gồm việc đánh giá và rà soát để xác định đúng khả năng đáp ứng của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, cũng như việc cân đối các sản phẩm du lịch cụ thể.

Hoạt động quảng cáo, tiếp thị thiếu trách nhiệm sẽ tạo cho khách những hi vọng không thực tế do thông tin không đầy đủ và thiếu chính xác dẫn đến sự thất vọng của khách du lịch về các sản phẩm du lịch được quảng cáo. Kết quả của hoạt động này sẽ là thái độ tẩy chay của khách du lịch đối với cộng đồng và những sản phẩm du lịch của địa phương, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của du lịch. Việc quảng cáo, tiếp thị cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của khách du lịch đối với môi trường thiên nhiên, văn hóa và xã hội và các giá trị nhân văn nơi tham quan, đồng thời sẽ làm tăng đáng kể sự thỏa mãn của khách đối với các sản phẩm du lịch. Điều này sẽ góp phần làm giảm những tác động tiêu cực từ hoạt động thu hút khách, đảm bảo cho tính bền vững trong phát triển du lịch.

** Thường xuyên trao đổi tham khảo ý kiến với cộng đồng địa phương và các đối tượng có liên quan trong hoạt động phát triển du lịch*

Trao đổi, tham khảo ý kiến quần chúng là một quá trình nhằm dung hòa giữa phát triển kinh tế với những mối quan tâm lớn hơn của cộng đồng địa

phương, với những tác động tiềm ẩn của sự phát triển lên môi trường tự nhiên, văn hóa - xã hội. Sự tham khảo ý kiến của các ngành kinh tế với cộng đồng địa phương là cần thiết để có thể đánh giá được tính khả thi của một dự án, các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tối đa hóa sự đóng góp tích cực của quần chúng địa phương.

Trong lĩnh vực du lịch, thiếu sự tham khảo ý kiến cộng đồng thường là nguyên nhân gây khó khăn về đời sống vật chất, tinh thần của người dân địa phương nơi có sự phát triển du lịch. Đó là việc tăng giá đất, thay đổi cơ cấu sử dụng đất theo chiều hướng thu hẹp đáng kể đất canh tác và đất thổ cư, dẫn đến tình trạng di cư, mất đi nghề truyền thống, làm thay đổi lối sống theo hướng đô thị hóa, làm thay đổi cảnh quan, tổn hại đến tài nguyên và môi trường..

** Chú trọng việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực*

Đối với bất kỳ sự phát triển nào, con người luôn đóng vai trò quyết định. Một lực lượng lao động được đào tạo có trình độ nghiệp vụ không những đem lại lợi ích về kinh tế cho ngành mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Một nhân viên được trang bị tốt những kiến thức về môi trường, văn hóa sẽ có thể làm cho khách du lịch có ý thức trách nhiệm và nhận thức đúng về môi trường, và những giá trị văn hóa truyền thống. Sự phát triển bền vững đòi hỏi ở đội ngũ những người thực hiện không chỉ trình độ nghiệp vụ mà còn nhận thức đúng đắn về tính cần thiết của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. Việc nâng cao nhận thức về quản lý môi trường vào chương trình đào tạo của ngành du lịch sẽ đảm bảo việc thực hiện tốt những chính sách và luật pháp về môi trường tại các cơ sở du lịch. Công tác đào tạo đúng hướng sẽ tạo cho đội ngũ cán bộ nhân viên thái độ có trách nhiệm hơn với đất nước, với văn hóa truyền thống, tôn giáo và lối sống và với tài nguyên, môi trường.

Để đảm bảo lợi ích lâu dài của ngành du lịch, các nhà nghiên cứu du lịch khuyến cáo nên sử dụng và đào tạo cán bộ nhân viên là người địa phương bởi họ có những hiểu biết sâu sắc hơn về tự nhiên, văn hóa bản địa cũng như mối quan tâm nhiều hơn tới chính cộng đồng địa phương mình. Điều này sẽ góp phần tích

cực vào việc đảm bảo cho sự phát triển bền vững về du lịch. Chính vì vậy, việc chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ là một trong những nguyên tắc then chốt đối với sự phát triển bền vững của du lịch.

** Coi trọng việc thường xuyên tiến hành công tác nghiên cứu*

Công tác nghiên cứu là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của bất cứ ngành kinh tế nào, đặc biệt là những ngành có nhiều mối quan hệ trong phát triển và phụ thuộc vào nhiều điều kiện về tự nhiên, môi trường, văn hóa - xã hội như ngành du lịch.

Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững cần có những căn cứ khoa học vững chắc dựa trên việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan. Hơn thế nữa, trong quá trình phát triển nhiều yếu tố chủ quan và khách quan nảy sinh sẽ có những tác động cần phải nghiên cứu để có những giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh sự phát triển. Như vậy, việc thường xuyên cập nhật các thông tin, nghiên cứu và phân tích chúng là cần thiết, không chỉ đảm bảo cho hiệu quả của hoạt động kinh doanh mà còn đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong mối quan hệ với cơ chế chính sách, với việc bảo vệ tài nguyên và môi trường...

Những nguyên tắc cơ bản trên đây nếu được thực hiện đầy đủ sẽ là đảm bảo chắc chắn cho sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch, phát triển bền vững chính là chìa khóa cho sự thành công lâu dài của ngành du lịch.

1.2.4. Các tiêu chí để phát triển du lịch bền vững.

Du lịch bền vững đang trên đà phát triển. Nhu cầu tiêu dùng ngày càng gia tăng, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch triển khai ngày càng nhiều chương trình du lịch “xanh”, trong khi các chính phủ cũng đang xây dựng những chính sách nhằm khuyến khích hoạt động du lịch bền vững.

Từ năm 2007, Hiệp hội Tiêu chuẩn toàn cầu về du lịch bền vững - một liên minh với 27 tổ chức thành viên, đã nhóm họp các nhà lãnh đạo để cùng nhau phát triển bộ tiêu chuẩn du lịch bền vững. Trong vòng 15 tháng, Hiệp hội này đã trao đổi, thảo luận với các chuyên gia về tính bền vững của ngành du lịch và phân tích 4.500 tiêu chí của hơn 60 chứng chỉ hiện hành với sự tham gia của hơn

80.000 người bao gồm những nhà bảo tồn, các nhà lãnh đạo ngành, các cơ quan chức năng của chính phủ và Liên hợp quốc. Dự án xây dựng Tiêu chí toàn cầu về du lịch bền vững là một nỗ lực nhằm hướng đến mục tiêu giúp mọi người hiểu biết thấu đáo về du lịch bền vững. Đối với các nhà kinh doanh du lịch đó là những tiêu chí đầu tiên cần đạt đến. Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu hướng tới 4 mục tiêu chính: hoạch định phát triển bền vững và hiệu quả, nâng cao lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương, gìn giữ di sản văn hóa và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường. Những tiêu chí này là một phần trong các nỗ lực của cộng đồng kinh doanh du lịch trước những thách thức toàn cầu hướng đến mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Trong bộ tiêu chuẩn này vấn đề xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường - bao gồm cả vấn đề biến đổi khí hậu - là những vấn đề chính được đề cập:

Tiêu chí 1: Quản lý hiệu quả và bền vững

Các công ty du lịch cần thực thi một hệ thống quản lý bền vững, phù hợp với quy mô và thực lực của mình để bao quát các vấn đề về môi trường, văn hóa xã hội, chất lượng, sức khỏe và an toàn.

Tuân thủ các điều luật và quy định có liên quan trong khu vực và quốc tế. Tất cả nhân viên được đào tạo định kỳ về vai trò của họ trong quản lý môi trường, văn hóa xã hội, sức khỏe và các thói quen an toàn. Cần đánh giá sự hài lòng của khách hàng để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Quảng cáo đúng sự thật và không hứa hẹn những điều không có trong chương trình kinh doanh.

Thiết kế và thi công cơ sở hạ tầng:

- + Chấp hành những quy định về bảo tồn di sản tại địa phương.
- + Tôn trọng những di sản thiên nhiên và văn hóa địa phương trong công tác thiết kế, đánh giá tác động, quyền sở hữu đất đai và lợi nhuận thu được.
- + Áp dụng các phương pháp xây dựng bền vững thích hợp tại địa phương.
- + Đáp ứng yêu cầu của các cá nhân có nhu cầu đặc biệt.

Cung cấp thông tin cho khách hàng về môi trường xung quanh, văn hóa địa

phương và di sản văn hóa, đồng thời giải thích cho khách hàng về những hành vi thích hợp khi tham quan các khu vực tự nhiên, các nền văn hóa và các địa điểm di sản văn hóa.

Tiêu chí 2: Gia tăng lợi ích kinh tế xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương

Công ty du lịch tích cực ủng hộ các sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và phát triển cộng đồng như xây dựng công trình cho giáo dục, y tế và các hệ thống thoát nước.

Các hoạt động của công ty không được gây nguy hiểm cho nguồn dự trữ cơ bản như nước, năng lượng hay hệ thống thoát nước của cộng đồng lân cận.

Công ty du lịch cung cấp phương tiện cho các doanh nghiệp nhỏ tại địa phương để phát triển và kinh doanh các sản phẩm bền vững dựa trên đặc thù về thiên nhiên, lịch sử và văn hóa địa phương (như thức ăn, nước uống, sản phẩm thủ công, nghệ thuật biểu diễn và các mặt hàng nông sản).

Các dịch vụ và hàng hóa địa phương nên được doanh nghiệp bày bán rộng rãi ở bất kỳ nơi nào có thể.

Sử dụng lao động địa phương, có thể tổ chức đào tạo nếu cần thiết, kể cả đối với vị trí quản lý.

Công ty phải thi hành chính sách chống bóc lột thương mại, đặc biệt đối với trẻ em và thanh thiếu niên, bao gồm cả hành vi bóc lột tình dục.

Đối xử công bằng trong việc tiếp nhận các lao động phụ nữ và người dân tộc thiểu số, kể cả ở vị trí quản lý, đồng thời hạn chế lao động trẻ em.

Thiết lập một hệ thống quy định cho các hoạt động tại cộng đồng bản địa hay địa phương, với sự đồng ý và hợp tác của cộng đồng.

Tuân thủ luật pháp quốc tế và quốc gia về bảo vệ nhân công và chi trả lương đầy đủ.

Tiêu chí 3: Gia tăng lợi ích đối với các di sản văn hóa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực

Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng địa phương khi sử dụng nghệ

thuật, kiến trúc hay các di sản văn hóa của địa phương trong hoạt động kinh doanh, thiết kế, trang trí, ẩm thực.

Có trách nhiệm đóng góp cho công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa, khảo cổ và các tài sản có ý nghĩa quan trọng về tinh thần, tuyệt đối không cản trở việc tiếp xúc của cư dân địa phương.

Đồ tạo tác khảo cổ hay lịch sử không được phép mua bán hay trưng bày, trừ khi được pháp luật cho phép.

Tuân thủ các hướng dẫn và quy định về hành vi ứng xử khi tham quan các điểm văn hóa hay lịch sử, nhằm giảm nhẹ các tác động từ khách du lịch.

Tiêu chí 4: Gia tăng lợi ích môi trường và giảm nhẹ tác động tiêu cực

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:

+ Ưu tiên buôn bán những sản phẩm thân thiện môi trường như vật liệu xây dựng, thức ăn và hàng tiêu dùng.

+ Cân nhắc khi buôn bán các sản phẩm tiêu dùng khó phân hủy và cần tìm cách hạn chế sử dụng các sản phẩm này.

+ Tính toán mức tiêu thụ năng lượng cũng như các tài nguyên khác, cần cân nhắc giảm thiểu mức tiêu dùng cũng như khuyến khích sử dụng năng lượng tái sinh.

+ Kiểm soát mức tiêu dùng nước sạch, nguồn nước và có biện pháp hạn chế lượng nước sử dụng.

Giảm ô nhiễm:

+ Kiểm soát lượng khí thải nhà kính và thay mới các dây chuyền sản xuất nhằm hạn chế hiệu ứng nhà kính, hướng đến cân bằng khí hậu.

+ Nước thải, bao gồm nước thải sinh hoạt phải được xử lý triệt để và tái sử dụng.

+ Thực thi kế hoạch xử lý chất thải rắn với mục tiêu hạn chế chất thải không thể tái sử dụng hay tái chế.

+ Hạn chế sử dụng các hóa chất độc hại như thuốc trừ sâu, sơn, thuốc tẩy, thay thế bằng các sản phẩm không độc hại, quản lý chặt chẽ các hóa chất được

sử dụng.

+ Áp dụng các quy định giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, ánh sáng, nước thải, chất gây xói mòn, hợp chất gây suy giảm tầng ôzôn và chất làm ô nhiễm không khí, đất, nước.

Bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên:

+ Các hoạt động tương tác với môi trường không được có bất kỳ tác hại nào đối với khả năng tồn tại của quần xã sinh vật, cần hạn chế, phục hồi mọi tác động tiêu cực lên hệ sinh thái cũng như có một khoản phí đóng góp cho hoạt động bảo tồn.

+ Các loài sinh vật hoang dã khai thác từ tự nhiên được tiêu dùng, trưng bày hay mua bán phải tuân theo quy định nhằm đảm bảo việc sử dụng là bền vững.

+ Không được bắt giữ các loài sinh vật hoang dã, trừ khi đó là hoạt động điều hòa sinh thái. Tất cả những sinh vật sống chỉ được bắt giữ bởi những tổ chức có đủ thẩm quyền và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc chúng.

+ Đóng góp ủng hộ cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm việc hỗ trợ cho các khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao.

+ Việc kinh doanh có sử dụng các loài sinh vật bản địa cho trang trí và tôn tạo cảnh quan cần áp dụng các biện pháp ngăn ngừa các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn.

1.3. Mối quan hệ giữa du lịch cộng đồng và phát triển du lịch bền vững

Du lịch bền vững và du lịch cộng đồng có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau trong phát triển du lịch. Nhìn một cách tổng thể, du lịch bền vững là khái niệm bao trùm khái niệm du lịch cộng đồng. Nếu mục tiêu tổng quát của du lịch bền vững đòi hỏi lưu lại cho các thế hệ tương lai một nguồn tài nguyên du lịch không kém hơn so với cái mà các thế hệ trước được hưởng, thì du lịch cộng đồng được xem như một giải pháp hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu đó. Du lịch cộng đồng khuyến khích các hoạt động du lịch phát triển lâu dài, dựa trên việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, đem lại lợi ích thiết thực cho ngành du lịch và cho chính cộng đồng. Từ đó, du

lịch lại tạo ra động lực mạnh mẽ khuyến khích cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống. Không ai có thể phủ nhận tầm quan trọng của du lịch cộng đồng trong việc góp phần hoàn thành những mục tiêu đó. Vì vậy, du lịch bền vững và du lịch cộng đồng có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, cùng hướng tới mục tiêu lớn lao nhất là vì lợi ích cộng đồng, lấy cộng đồng vừa làm trung tâm vừa làm chủ thể hành động trong các quá trình phát triển.

Tiểu kết Chương 1

Trong chương 1, khóa luận đã nghiên cứu lý luận về hai nội dung lớn đó là: Du lịch cộng đồng và du lịch bền vững.

Trong đó gồm có : Khái niệm cơ bản về cộng đồng, du lịch cộng đồng và du lịch bền vững, các nguyên tắc, các tiêu chuẩn phát triển du lịch cộng đồng và phát triển du lịch bền vững, các yếu tố cần thiết để phát triển du lịch cộng đồng, mục tiêu của phát triển du lịch bền vững... Từ đó nêu lên mối quan hệ giữa du lịch cộng đồng và phát triển du lịch bền vững.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG GÓM CHU ĐẬU THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. Giới thiệu chung về làng gốm Chu Đậu

Gốm Chu Đậu thuộc dòng gốm cổ cao cấp nhất Việt Nam, được phát triển rực rỡ trong suốt thời Lý - Trần - Lê - Mạc. Năm 1593 do chiến tranh Trịnh - Mạc xảy ra đã tàn phá vùng Nam Sách, gốm Chu Đậu bị thất truyền từ đó.

Gốm Chu Đậu được coi là gốm Đạo, gốm bác học, gốm thấm đẫm chất văn hoá tâm linh thuần Việt, in đậm dấu ấn lịch sử những giá trị nhân văn của quốc đạo phật giáo, đạo giáo, đạo nho.

" Có gốm Chu Đậu trong nhà
Như là có cả ông bà, tổ tiên"

Gốm Chu Đậu hiện đang được trân trọng lưu giữ tại 46 bảo tàng danh tiếng của 32 quốc gia trên thế giới.

2.1.1. Vị trí địa lý

Gốm Chu Đậu - Mỹ Xá, còn được biết đến là gốm Chu Đậu, là gốm sứ cổ truyền Việt Nam đã được sản xuất tại vùng mà nay thuộc làng Chu Đậu và làng Mỹ Xá, thuộc các xã Minh Tân (làng Mỹ Xá) và Thái Tân (làng Chu Đậu), huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Men theo quốc lộ 5 qua thành phố Hải Dương khoảng 8km rồi rẽ theo quốc lộ 183, đi thêm khoảng 20km nữa là tới thôn Chu Đậu - làng gốm danh tiếng mà sản phẩm làng nghề từng có mặt khắp nơi trên thế giới, từ Ai Cập đến Trung Cận Đông, từ Đông Nam Á đến Tây Á...

Nằm tại vùng tả ngạn sông Thái Bình, Chu Đậu ngày xưa là Trần triều hải khẩu (cảng nhà Trần) thuộc tổng Thượng Triệt, huyện Thanh Lâm, châu Nam Sách, nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Hiểu theo ngữ nghĩa thì “Chu” là thuyền, “Đậu” là bến – “Chu Đậu” bao hàm nghĩa bến thuyền, nơi tàu bè ra vào neo đậu.

Gốm Chu Đậu thuộc xã Mỹ Xá, huyện Nam Sách nằm ở trung tâm của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có hệ thống giao thông tổng thể không phải là không thuận lợi, mặc dù có sông bao bọc gần như bốn phía: Đường 37 nối Hà Nội, Hải Phòng với Quảng Ninh (qua cầu Bình), có đường sông dài gần 50 km. Đây là một huyện có đầy đủ các điều kiện về địa lý, giao thông, cơ sở hạ tầng để phục vụ cho việc phát triển các khu công nghiệp, kinh tế trang trại, du lịch dịch vụ, mặt khác theo chủ trương phát triển tổng thể của Tỉnh đến năm 2015 thì việc xây dựng thêm Cầu nối liền Thành phố Hải Dương (chạy thẳng từ Thành phố Hải Dương xuyên qua đường vành đai các Thôn Trúc Khê, Nham Cáp, Nhân Lễ và La Xuyên nối thẳng với đường quốc lộ 37 để hình thành một tuyến lộ Hải Dương - Quảng Ninh). Đây chính là tiền đề để biến Nam Sách thành một trung tâm khu vực, điểm liên kết với các Tỉnh và thành phố như: Quảng Ninh, Hà Nội và Hải Phòng. Nhờ điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, giao thông mà Nam Sách đang dần trở thành một huyện có lợi thế thu hút vốn đầu tư lớn nhất so với các huyện trong toàn Tỉnh.

Như vậy, khách du lịch có thể đến với làng gốm theo đường sông hoặc đường bộ, tạo cho khách du lịch có nhiều khám phá mới mẻ với mỗi loại hình di chuyển. Mỗi loại hình sẽ mang đến cho khách du lịch những sự trải nghiệm riêng biệt. Điều đó góp phần làm phong phú thêm cho chuyến đi. Để đến với làng gốm, khách du lịch không phải thay đổi nhiều loại phương tiện cũng như tốn quá nhiều thời gian, như vậy sẽ đảm bảo được sức khỏe và tăng thêm thời gian thăm quan. Và nếu loại hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu được quan tâm phát triển hơn nữa sẽ đem lại cho khách du lịch ấn tượng không chỉ về cảnh đẹp đất nước mà còn cả sự thân thiện, lòng mến khách của con người Việt Nam.

2.1.2. Lịch sử phát triển của làng gốm Chu Đậu

Theo một số tài liệu nghiên cứu, ở Chu Đậu vào các thế kỷ 14, 15 đã ra đời và phát triển hết sức rực rỡ nghề làm đồ gốm. Gốm Chu Đậu đã đạt tới đỉnh cao về kỹ thuật và nghệ thuật từ thế kỷ 14 - 15. Từ đó gốm Chu Đậu tản rộng ra một

vùng trong châu thổ đồng bằng Bắc Bộ mà Bát Tràng cho đến nay đã lưu tại được một phần thân thái của gốm Chu Đậu.

Ở Chu Đậu, niên đại phát triển rực rỡ nhất của gốm là vào thế kỷ thứ 16. Đó cũng là thế kỷ mà mỹ thuật Việt Nam trở về các làng xã, mang hơi thở trực tiếp của đời sống gốm Mạc. Nói một cách cụ thể, gốm Chu Đậu có thể được coi là chìa khóa mở ra niên đại của mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 16, đồng thời nó chính là đỉnh cao nhất của nghệ thuật gốm mang tính chất thuần Việt.

Gốm Chu Đậu bị lụi tàn đi ở thế kỷ 17. Điều này do nhiều nguyên nhân: Nội chiến Lê Mạc kéo dài từ thế kỷ 16 đến đầu thế kỷ 17 rất khốc liệt. Nhà Mạc thất thủ phải lên ngàn. Nơi đây là vùng chiêm trũng của huyện Nam Sách. Mãi những năm cuối thập niên 20 thế kỷ trước Nam Sách mới có đê. Có nghĩa trước đó nước sông vào ra tự nhiên, tránh sao khỏi hư hại đến lò nung, sản xuất gặp nhiều khó khăn. Giặc Minh xâm lược nước ta, bắt đi nhiều nghệ nhân giỏi. Một số khác tìm đường đi làm ăn ở Nhật, Nam, Bắc Triều Tiên.

Người có công lớn với nghề gốm cổ truyền Chu Đậu là nghệ nhân Đặng Mậu Nghiệp tự là Huyền Thông. Ông quê ở thôn Cổ Phường, xã Hùng Thắng, huyện Thanh Lâm, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Đặng Huyền Thông đã để lại những tác phẩm gốm quý, gồm những chân đèn với các thốt vẽ men màu lam, rồng đắp nổi, trang trí rậm, được coi là điển hình cho quan điểm thẩm mỹ thời Mạc, đậm chất dân gian; cùng những bát hương lớn cùng một thể loại, hiện vẫn còn lưu truyền tại nhiều đền, chùa Bắc Bộ. Toàn bộ các tác phẩm của ông đều được phủ một loại men trong, dày và có màu xanh sẫm, đôi khi lẫn màu ghi xám hay ngả vàng. Sử dụng loại men màu lam xám, ông đã kết hợp với các chi tiết được chạm thủng chạm nổi, dán ghép kết hợp với khắc chìm để thể hiện nhiều đề tài phong phú khác nhau.

Công đức của Đặng Huyền Thông được ghi lại trong nhiều văn bia (khắc trên bia đá) còn tồn tại đến ngày nay. Chủ yếu các bia đá này nằm ở thôn Hùng Thắng trong đó ghi lại một số việc làm quan trọng của Đặng Huyền Thông như

phát triển sản xuất, xây dựng chùa chiền (chùa An Ninh Tự) và đặc biệt là việc cử nghệ nhân Vương Quốc Doanh đem thợ đến Bát Tràng, góp một phần làm cho gốm sứ Bát Tràng hưng thịnh như ngày nay.

Bên cạnh đó, Bà Bùi Thị Hý, nghệ nhân gốm xuất sắc thế kỷ XV - được xem là bà tổ của gốm Chu Đậu (Nam Sách - Hải Dương). Người ta xác định rằng kỹ tài phu nhân Bùi Thị Hý hiệu Vọng Nguyệt là người đã chế tác nhiều hoa văn và kiểu mẫu cho gốm Chu Đậu. Trong số các hiện vật còn sót lại, có chiếc la bàn bằng đá trên đó khắc: Châm bàn chu hải khứ Bùi Thị Hý và gia phả do chính phu quân của bà là ông Đặng Phúc lập bia gồm 379 chữ ghi rằng: “Bùi Thị Hý, người vợ kỳ tài, hiệu là Vọng Nguyệt, là con gái trưởng của quan mã vũ Bùi Đình Nghĩa, cháu ba đời lão tướng Bùi Quốc Hưng. Cụ Bùi Quốc Hưng là 1 trong 18 người ở hội thê Lũng Nhai. Cụ tham gia cuộc chiến chống quân Minh cùng với Lê Lợi và đã được phong tướng, cấp đất. Phu nhân sinh năm Canh tý (1420), thời Bình Định Vương, mất ngày 12 tháng 8 năm Cảnh thống Kỷ mùi (1499).” Phu nhân có tài văn chương, chữ viết đẹp, lại có kỹ tài về họa, từng cải trang đi thi Đại khoa đến kỳ thi thứ ba, khoa Nhâm Tuất, năm đại bảo thứ ba (1442), bị quan trường (phát giác) kỷ luật, đuổi khỏi trường thi. Theo năm sinh phỏng đoán của bà Bùi Thị Hý, rất có thể người chủ khảo trong kỳ thi mà bà bị đuổi chính là cụ Nguyễn Trãi. Sau đó, bà lập gia thất cùng ông Đặng Sĩ, một đại gia về đồ gốm sứ ở làng Chu Nhãm tức Chu Đậu, huyện Thanh Lâm châu Nam Sách. Bà có biệt tài làm bình gốm. Năm Thái Hoà thứ 10 (1452), bà cùng chồng về Quang Ảnh giúp em trai dựng lò gốm, giao thương với Chu Đậu làm đặc sản gốm sứ cống Hoàng triều và xuất cho thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, phương Tây. Bà Hý không có con nên cuối đời về quê cha và mất tại đó vào ngày 12.8 năm Kỷ Mùi (1499), thọ 80 tuổi.

Người dân ở làng gốm Chu Đậu hầu như không ai hiểu, thậm chí nhiều người còn không hay biết ở làng có nghề gốm truyền thống nổi tiếng mà chỉ biết đến nghề dệt chiếu truyền thống có từ đầu thế kỷ XIX. Sống trên mảnh đất đã sản sinh ra dòng gốm quý giá nhưng chẳng có người dân Chu Đậu nào ngày nay

còn biết đến nghề này. Họ chỉ quần quanh với đồng ruộng và nghề dệt chiếu nên cuộc sống rất khó khăn.

Lai lịch làng gốm cổ Chu Đậu được phát hiện một cách hết sức tình cờ và là một câu chuyện kỳ thú :

Năm 1980, ông Makato Anabuki, nguyên là Bí thư đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, trong một chuyến đi công tác tại Thổ Nhĩ Kỳ đã trông thấy một chiếc bình gốm hoa lam cao 54cm được trưng bày tại Viện Bảo tàng Takapisaray (Istanbul). Trên bình có ghi dòng chữ Hán: "Thái Hòa bát niên Nam Sách châu, tương nhân Bùi thị Hý bút", tạm dịch là "Năm Thái Hòa thứ tám (1450) thợ gốm họ Bùi, người châu Nam Sách vẽ chơi". Và ông Makatô Anabuki đã viết thư nhờ đồng chí Ngô Duy Đông, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương thời bấy giờ xác minh giúp ông xem chiếc bình gốm quý giá đó có xuất xứ từ làng gốm nào.

Những thông tin quý báu này giúp các cơ quan chức năng thúc đẩy việc điền dã, sưu tầm những dấu vết về làng gốm cổ. Tháng 4/1986, Sở Văn hóa - Thông tin Hải Dương tiến hành khai quật di tích Chu Đậu. Kết quả thật bất ngờ, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều di vật của một trung tâm gốm mỹ nghệ cao cấp mà từ trước đến nay chưa từng được phát hiện. Từ đó đến nay, qua tám lần khai quật ở tầng sâu 2m trên diện tích 70 nghìn m² tại xã Thái Tân và xã Minh Tân, các nhà khảo cổ phát hiện được rất nhiều hiện vật gốm cổ cùng hơn 100 đáy lò gốm dưới lòng đất. Kết quả những cuộc khai quật không chỉ làm giới chuyên môn kinh ngạc, mà còn giúp người dân địa phương khám phá quá khứ lẫy lừng của tổ tiên mình. Trước đây, khi đào ao, xây nhà, họ thường hay bắt gặp những chiếc mâm bông, con kê vành khăn (những công cụ chống dính của lò gốm), nhưng không ai biết những thứ đó dùng để làm gì, nên thường cho trẻ nhỏ chơi.

Sau những kết quả của các cuộc khai quật, sản phẩm gốm Chu Đậu còn được tìm thấy ở những hai con tàu bị đắm ở vùng biển Pandanan (Philippines) và Cù Lao Chàm (Việt Nam) vào năm 1993 và 1997. Hơn 340 nghìn hiện vật

gốm Chu Đậu, trong đó có khoảng 240 nghìn hiện vật còn lành đã được trục vớt, chứng tỏ gốm Chu Đậu đã được xuất cảng rộng rãi thời bấy giờ. Đến nay, những sản phẩm gốm Chu Đậu đã được tìm thấy ở rất nhiều nơi trên thế giới. Từ Ai Cập đến Trung Cận Đông và toàn bộ các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Nhật Bản là nước có sản phẩm gốm Chu Đậu nhiều nhất, 46 bảo tàng trên thế giới đang trưng bày các hiện vật gốm Chu Đậu.

Giá trị của gốm Chu Đậu, sau khi được tìm thấy ở Cù Lao Chàm, đã làm sừng sốt trong giới học giả và mọi người. Tờ Việt Mercury số ra tháng 6/2000 đã đăng lời bà Dessa Goddard – Giám đốc ngành nghệ thuật Á Châu của nhà bán đấu giá Butterfields tại San Francisco: “Phát hiện này đang trả lại cho Việt Nam một chương của di sản nghệ thuật mà người ta từng nghĩ là đã hoàn toàn biến mất”.

Một sự kiện mang tính lịch sử đối với làng gốm cổ truyền Chu Đậu. Năm 2000, ông Nguyễn Hữu Thắng, giám đốc Công ty Sản xuất, Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hà Nội (HAPRO), người quê Nam Sách đã về Chu Đậu để thực hiện một dự án đầu tư sản xuất mặt hàng gốm xuất khẩu theo phương pháp phục chế gốm cổ và tạo mẫu sản phẩm mới theo phong cách gốm cổ Chu Đậu, nhằm khôi phục thương hiệu nổi tiếng của quê hương mình.

Tháng 10/2011, Làng gốm đã trở thành một điểm đến của khách du lịch khi đến Hải Dương. Các di tích lò gốm cổ, bảo tàng gốm thôn Chu Đậu - nơi lưu giữ nhiều hiện vật gốm cổ được tìm thấy qua các lần khai quật được sửa sang, mở cửa đón khách.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất của làng gốm Chu Đậu

Từ hàng trăm năm trước, nói đến lĩnh vực gốm sứ, dân gian đã truyền khẩu: Sứ Giang Tây, gốm Chu Đậu, đủ thấy rằng dòng gốm thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã được đánh giá rất cao trong thị trường gốm sứ khu vực và thế giới. Rất nhiều bảo tàng ở nước ngoài lưu giữ dòng gốm này. Rất nhiều người lầm tưởng dòng gốm Chu Đậu phải là dòng đồ xuất xứ từ Trung Quốc, bởi những nét vẽ làm mê hoặc lòng người, cùng những dáng vẻ tạo hình của hiện vật

đậm chất Á Đông. Như vị giám đốc bảo tàng mỹ thuật cung đình Huế cho biết: Ở Nhật có một bảo tàng làm tương đồ Chu Đậu là đồ xuất xứ từ Trung Quốc, họ không xác định được niên đại, để cất trong kho và chỉ ghi xuất xứ là Trung Quốc. Khi khẳng định đây là đồ Việt Nam, họ thực sự ngỡ ngàng vì không ngờ trình độ và kỹ thuật làm gốm, nét vẽ, kỹ thuật men của những nghệ nhân Việt Nam thực sự đáng kinh ngạc.

Thông thường, khi nhắc đến nghệ thuật gốm Việt Nam, người ta nghĩ ngay đến gốm Bát Tràng. Nhưng ít ai biết rằng, nếu xét về lịch sử và tính thuần Việt thì gốm Chu Đậu, Nam Sách, Hải Dương vẫn được giới chuyên môn đánh giá cao hơn Bát Tràng.

Gốm Chu Đậu là sự kế thừa của gốm Vạn Yên (Kiếp Bạc) thế kỷ XIII, gốm Lý – Trần về lớp men ngọc và tạo khắc hoa văn chìm nổi, kiểu dáng thanh thoát. Bởi vậy gốm Chu Đậu thời đó đã đạt được 4 tiêu chuẩn: "Mỏng như giấy, trong như ngọc, trắng như ngà, kêu như chuông". Từ dáng vẻ, chất men, họa tiết, hoa văn trang trí...tất cả đều đẹp hoàn hảo.

Đồ gốm Chu Đậu cũng có nhiều thứ như men ngọc (celadon), men nâu, men trắng, men lục. Chỉ với tro trấu, vôi, đất, cao lanh mà các nghệ nhân xưa đã làm nên một thứ men cao cấp kỳ lạ. Tuy nhiên tiêu biểu nhất là men trắng trong với hoa văn màu xanh (men trắng chàm) và men trắng trong với hoa văn ba màu vàng, đỏ nâu và xanh lục (men tam thái). Khi nói về gốm Chu Đậu, người ta chỉ thường biết về loại này mà ít để ý đến các loại men khác.

Tuyệt vời nhất là hoa văn trên men, hình ảnh thuần túy Việt nam. Họ vẽ tàu lá chuối, nhánh rong, chim sẻ, chim chích chòe, con tôm, con cá bống, con cóc, con rùa, cọng rau muống, bong hoa cúc, hoa sen. Cùng như các bình âm Việt Nam đời trước, nơi quai cầm của bình âm Chu Đậu chỉ là một vật trang trí như con rùa, cá bống, hoa sen....

Về thứ loại, về hình dáng thì đồ gốm Chu Đậu rất phong phú: Bát chân cao, bát chân thấp, tô, đĩa, chén, tước, bình, ấm, âu, chậu, lu, hũ, chậu, bát hương, bát trầm, chân đèn, hộp, lọ, bình, vôi, nghiên mực thì cũng dùng những hình ảnh

nông thôn như nghiên mực hình con trâu, con cua, rồi lại còn đồ chơi của trẻ em như các hình tượng: con gà, con cóc, con lợn...đủ cả từ các món đồ dùng trong nhà, trong đình chùa, trong nhà giới trưởng giả cho đến đồ xuất cảng... với hình dáng được chất lọc kế thừa sự thanh thoát của thời Lý, chắc khoẻ của thời Trần. Được các nghệ nhân làm ra từ chất đất đặc biệt của vùng Long Động “Lục thủy, tứ linh”, Lục thủy là nước Lục đầu giang, tứ linh là: Long, ly, qui, phượng.

Mỗi sản phẩm gốm được chia làm 3 phần: đầu, thân, gốc. Phần đầu là những chiếc lông chim hoặc lá lúa, nếu để ý có thể thấy rất giống chiếc vương miện của các vua Hùng ngày xưa. Điều đó thể hiện khát khao độc lập, tự cường của dân tộc Việt Nam. Phần thân thể hiện triết lý nho học: sinh, lão, bệnh, tử qua các họa tiết về cây cối như cành trúc, cành tre hoặc 4 mùa xuân, hạ, thu, đông...Chỗ phân cảnh hình sóng nước Bạch Đằng, Bình Than. Phần gốc là những cánh sen được cách điệu...

Đồ gốm Chu Đậu là những món tuyệt phẩm, được thể hiện dưới nhiều hình thức như vẽ, khắc, họa, đắp nổi đều phóng khoáng, trữ tình, hài hòa, tinh xảo. Một trong những điểm nổi bật của gốm Chu Đậu là các đường nét hoa văn. Những họa tiết, hoa văn trên gốm thể hiện đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đó là khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng như cảnh mực đồng chăn trâu, chim đậu trên cành hoa, đàn cá bơi dưới nước, mái nhà tranh ven sông... Hoa văn cổ của Chu Đậu phần nhiều là sen, cúc, dưới nhiều dạng khác nhau và hàng chục loại hoa văn cách điệu khác. Người thợ gốm xưa đã thổi hồn dân tộc vào những nét hoa văn phong phú, phản ánh sinh động thiên nhiên vào cuộc sống dân dã: hình người đội nón, áo dài, mực đồng chăn trâu, chim đậu trên cành hoa đào, đàn chim ngói, chim cu bay trên cánh đồng...

Phương pháp chế tạo và kỹ thuật của Chu Đậu đã đạt trình độ cao: chuốt, tạo dáng trên bàn xoay, ngắt sản phẩm thành nhiều đoạn rồi lắp ghép lại, gia công bằng cách đắp nổi, vẽ, khắc, vạch, nặn, đúc. màu tam thái.

Hai trong số hàng chục loại gốm Chu Đậu gây ấn tượng, trở thành sản

phẩm nổi tiếng, được ưa chuộng nhất với người sành đồ cổ là Bình gốm Hoa Lam (còn gọi là bình củ tỏi) và Bình Tỳ Bà. Theo triết học phương Đông, bình củ tỏi mang tính dương, là trời, là cha, là trụ cột, là nền tảng, là chỗ dựa vững chắc cho gia đình và xa hơn nữa là trời đất, vũ trụ. Hoa văn được trang trí bằng hoa cúc đại đoá thể hiện cho người chính nhân quân tử. Hoa cúc là biểu tượng của người quân tử, cúc vàng đặc trưng cho sự thủy chung, son sắt, màu vàng là màu sang trọng, thanh cao, tôn quý. Chỉ có những bậc đế vương, quân tử mới xứng dùng. Bình tỳ bà đại diện cho tính âm, đất mẹ, hiện thân cho người phụ nữ Việt Nam dịu dàng, hiền thực, nết na. Trên chiếc bình, những hoạ tiết lông chim lạc Việt quanh miệng bình, thể hiện truyền thống con Rồng, cháu Lạc. Trên vai bình là những hoạ tiết ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Thân bình thể hiện 4 mùa tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai) và sóng nước Bình Than. Hai chiếc bình này còn gọi là bình âm dương, chính là tượng trưng cho bình cha, bình mẹ, tượng trưng cho nền nếp của một gia đình hạnh phúc...

Một sản phẩm vẽ dưới men, nung trong lửa lò, sau lấy ra phủ men tam thái lên trên, lại đem nung nhẹ lửa để giữ màu, hai công đoạn nung rất mất thời gian và công sức. Điều này chứng tỏ những nghệ nhân Chu Đậu xưa rất chú trọng về kỹ thuật và công phu chế tác.

Các nhà nghiên cứu mới đúc kết quy trình sản xuất ra gốm Chu Đậu mang đầy tính tâm linh: đất tạo nên xương cốt, nước tạo ra hình hài, lửa tạo ra thần thái.

Để làm ra đồ gốm người thợ phải trải qua các khâu chọn, xử lý và pha chế đất, tạo dáng, tạo hoa văn, phủ men, và cuối cùng là nung sản phẩm.

Người thợ gốm quan niệm hiện vật gốm không khác nào một cơ thể sống, một vũ trụ thu nhỏ trong đó có sự kết hợp hài hòa của Ngũ hành, đòi hỏi sang tạo trong quá trình lao động với những quy trình kỹ thuật chặt chẽ, chuẩn xác.

Công cụ sản xuất gốm.

+ Con kê: Chúng là vật chống dính giữa các sản phẩm gốm có men trong khi nung. Con kê trong gốm Chu Đậu có nhiều loại: Hình vành khăn, hình nón

cụt, hình đĩa, cao từ 1 – 7cm, đường kính từ 4 – 7 cm.

+ Đỉnh gốm: Chức năng của đỉnh gốm trong lò nung hiện nay vẫn chưa được làm rõ.

+ Bao nung: Muốn cho sản phẩm gốm sứ không bị sụn, đở, ám muối, đồng thời có thể chồng lên nhau nhiều tầng để tận dụng không gian lò thì đều phải dùng đến bao nung.

+ Ăc và song bàn xoay: Ăc bàn xoay còn có tên là lú hay cối, vì nó giống cái cối đá nhỏ, phía ngoài có hình bát giác, đường kính 5 – 6cm, cao 4 – 5cm.

+ Lò nung: Lò gốm Chu Đậu là loại lò Cóc.

Nguyên liệu và nhiên liệu: Nguyên liệu nung gốm Chu Đậu là củi. Còn nguyên liệu làm xương gốm có khả năng được khai thác ở Hồ Lao (Đông Triều – Quảng Ninh), mỏ Cao Lanh đã phát hiện đến nay vẫn khai thác.

Phương pháp chế tạo: Phần lớn sản phẩm được chuốt trên bàn xoay, trước khi trang trí hoa văn và tráng men.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững

Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng là hình thức du lịch đã được nhiều nước trên thế giới tiến hành và có hiệu quả cao như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Malaysia, Thái Lan... là hình thức du lịch phát huy lợi thế về tài nguyên tự nhiên, nhân văn của một quốc gia dựa trên sự phát triển kinh tế xã hội mang nặng bản sắc văn hóa dân tộc

Ở nước ta cũng đã có nhiều nơi hoạt động du lịch này đạt hiệu quả cao: Hòa Bình, Lào Cai (Sa Pa), Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu và đồng bằng Sông Cửu Long.

Làng gốm Chu Đậu thuộc hai xã Chu Đậu và Mỹ Xã, huyện Nam Sách- Hải Dương có vị trí và tài nguyên du lịch thuận lợi để phát triển du lịch, nhất là du lịch cộng đồng. Làng nghề truyền thống nơi đây được tỉnh Hải Dương quan tâm, chú trọng để phát triển.

Thực tế, trong những năm qua, với sự quan tâm của Nhà nước và tỉnh Hải Dương, cùng với sự cố gắng nỗ lực của chính quyền và nhân dân huyện Nam Sách nói chung, 2 thôn có làng nghề gốm nói riêng, kinh tế du lịch đã dần từng bước đạt mức cao trong cơ cấu kinh tế của huyện Nam Sách và công ty cổ phần gốm Chu Đậu. Tốc độ phát triển du lịch hàng năm đều đạt mức ổn định.

2.2.1. Về tài nguyên du lịch

Làng Chu Đậu không chỉ là một nơi có tài nguyên du lịch tự nhiên mà nơi đây còn ẩn chứa những tài nguyên du lịch văn hóa hết sức đa dạng. Các di tích khảo cổ học, di tích lịch sử – văn hóa – cách mạng, các truyền thuyết giàu tính nhân văn, tất cả đã tạo nên một Chu Đậu giàu truyền thống văn hóa và văn hiến. Nơi đây có gốm Chu Đậu, chùa An Ninh, đền thờ Đặng Huyền Thông, nhà thờ bà Bùi Thị Hý, hàng năm từ ngày 12 đến 18 tháng Giêng có lễ hội Vạn Niên... Đây chính là cơ sở để phát triển loại hình du lịch văn hóa mà trong đó, hình thức du lịch dựa vào cộng đồng là chủ yếu, nhằm đa dạng thêm sản phẩm du lịch của Chu Đậu. Loại hình du lịch này phát triển sẽ là một sự bổ sung, hỗ trợ lớn cho du lịch ở đây. Những giá trị văn hóa lịch sử truyền thống với chiều sâu của mình sẽ là chất keo níu bước chân khách du lịch ở lại với Chu Đậu lâu hơn để thưởng thức và cảm nhận vẻ đẹp hồn Việt của tỉnh Hải Dương.

Có thể nói tài nguyên nhân văn của thôn Chu Đậu và thôn Mỹ Xá khá thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng tìm hiểu về văn hóa gốm cũng như văn hóa bản địa. Song các hoạt động văn hóa tại địa phương vẫn chưa được tổ chức nhiều, quy mô lớn để thu hút khách.

Tài nguyên tự nhiên ở đây mang nét đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng với địa hình bằng phẳng, những cảnh quan đơn sơ, giản dị mà đậm chất trữ tình như cánh đồng lúa, hoa màu... nó cũng là một nét đặc biệt để hút khách du lịch đến với nơi đây.

Để hoạt động du lịch cộng đồng phát triển hơn nữa, bên cạnh việc khai thác tối đa lợi thế tài nguyên tự nhiên, ngành du lịch cần có biện pháp khôi phục và bảo tồn nguồn tài nguyên nhân văn vừa là phục vụ cho mục đích phát triển du

lịch vừa phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề để quá trình khai thác được lâu dài và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, cùng với những chính sách phù hợp với cơ chế mở cửa, hội nhập của tỉnh Hải Dương và của huyện Nam Sách, tiềm năng du lịch làng nghề gốm Chu Đậu được đánh thức để trở thành nguồn lực quan trọng cho sự phát triển trong thời kỳ mới, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh Hải Dương và sự phát triển du lịch của cả nước.

2.2.2. Cộng đồng dân cư và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Diện tích toàn thôn là 59,3ha, dân số là 1.230 người (tính đến tháng 12/2007).

****Về cộng đồng cư dân địa phương:***

Các gia đình được đào tạo qua các khóa về quản lý và phục vụ khách du lịch. Gia đình nào đón và phục vụ khách thì tất cả các thành viên của gia đình đó đều tham gia vào quá trình phục vụ khách nhằm nâng cao số lượng cũng như chất lượng người lao động tại làng Chu Đậu và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Hải Dương cũng có chương trình mời các hộ mở lò sản xuất gốm sang tập huấn, đào tạo về kỹ thuật làm gốm, những gia đình mở lò sản xuất sẽ được ưu tiên vay không lãi 100 triệu đồng/ gia đình. Ngày 31 tháng 5 năm 2005 bắt đầu triển khai với việc khai giảng lớp học nghề, đối tượng tham gia học nghề là gần 100 người dân Chu Đậu. Họ được đào tạo, truyền dạy kỹ thuật cơ bản và bí quyết trong từng công đoạn chế tác, nhằm tạo họ thành những tay thợ đầu đàn trong các lò gốm gia đình trong tương lai. Qua thời gian đào tạo, đến nay những người thợ nơi đây đã khá thành thục với các thao tác làm gốm.

Xí nghiệp gốm Chu Đậu đã tạo việc làm cho hơn 250 lao động địa phương.

Song song với việc nâng cao số lượng nguồn lao động thì chất lượng lại càng là vấn đề quan trọng bởi ngành du lịch còn được coi là ngành kinh doanh ấn tượng nên chất lượng của hoạt động du lịch sẽ được phản ánh qua mức độ hài

lòng của khách. Điều này càng nhấn mạnh được vai trò không thể thiếu của chất lượng nguồn lao động trong mỗi hoạt động du lịch. Một thực tế cho thấy là chất lượng lao động tại làng Chu Đậu đối với hoạt động du lịch cộng đồng còn rất thấp. Hầu hết trong số họ là những người dân quen với cuộc sống lao động nông nghiệp, chưa có chuyên môn nghiệp vụ, lần đầu tiên tham gia đón và phục vụ khách du lịch nên trong quá trình phục vụ khách còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhưng do đặc điểm loại hình du lịch cộng đồng là khách được cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt với người dân bản địa nên du khách cũng dễ chấp nhận tình trạng phục vụ không chuyên nghiệp của các hộ tham gia đón khách.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực để phát triển du lịch còn mỏng và yếu đặc biệt là đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ trực tiếp cho ngành du lịch như cán bộ quản lý du lịch, hướng dẫn viên du lịch. Hiện nay làng gốm Chu Đậu chưa có một cán bộ nào được đào tạo qua các trường lớp, có chuyên môn nghiệp vụ về du lịch, chỉ mới có một vài con em trong làng theo học chuyên ngành du lịch, được đào tạo chính quy, có chuyên môn nghiệp vụ nhưng lại không về công tác, phục vụ tại làng.

Đối tượng khách mà các hộ phục vụ hầu hết là khách nước ngoài muốn thăm quan, tìm hiểu về sinh hoạt đời sống của cư dân bản địa trên đảo và tìm về với nét hoang sơ chốn núi rừng. Do vậy, ngôn ngữ chính là rào cản và khách có thể hiểu nhau chính là ngôn ngữ. Ngoài mấy câu giao tiếp thông thường thì người dân gần như không thể nói gì hơn được với khách. Và những câu giao tiếp đơn giản ấy họ cũng chỉ có thể nói ra mà không thể hiểu khách đang nói lại với mình những gì. Vì thế, tất cả những gì họ phục vụ đều xuất phát từ những lời đề nghị của hướng dẫn viên. Hướng dẫn viên chính là cầu nối giúp người dân có thể giao tiếp được với khách. Do đó, để tạo nên một mối quan hệ tốt giữa khách với chủ nhà thì chất lượng hướng dẫn viên lại là yếu tố quyết định tạo nên thành công của một gia đình. Và với các hộ gia đình này thì việc quan hệ tốt với hướng dẫn viên đôi khi lại là vấn đề cần quan tâm nhiều hơn là tạo mối quan hệ với khách. Nhà nào phục vụ khách tốt, tạo được mối quan hệ tốt, nhà ấy mới có cơ hội được phục vụ khách lần sau. Cũng chính vì lẽ đó mà có những nhà đón được

hiều khách, ngược lại cũng có những nhà cả năm không đón được khách nào. Đây cũng là một hạn chế cần được các cơ quan quản lý quan tâm hơn nữa trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Nhìn chung, thôn Chu Đậu có tiềm năng lớn để phát triển mạnh về du lịch, bằng chứng là lượng khách đến tham quan làng nghề không ngừng tăng trong những năm qua và còn tiếp tục tăng mạnh trong các năm tới. Tuy nhiên, việc sử dụng các nguồn tài nguyên này phục vụ du lịch của làng nghề vẫn chưa khai thác hết tiềm năng vốn có.

**Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại làng gốm Chu Đậu:*

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật là một trong hai điều kiện để phát triển du lịch tại một vùng. Nếu như cơ sở hạ tầng mang tính nền tảng cơ bản thì cơ sở vật chất – kỹ thuật lại mang tính thực tiễn và trực tiếp. Nó tạo ra sản phẩm du lịch và quyết định mức độ khai thác sản phẩm. Đây là yếu tố cơ bản có vai trò quan trọng trong việc thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch khi đến các điểm du lịch.

Hiện nay, các đường làng ngõ xóm của Chu Đậu đã được bê tông hóa nhưng ngoài một số trục đường chính lớn thì các đường ngõ còn rất nhỏ khó cho việc đi lại của người dân, đặc biệt rất dễ gây ra lạc đường cho người lạ nhất là khách du lịch.

Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp cho du lịch còn rất yếu kém. Trong thôn không có các cơ sở lưu trú hay nhà hàng phục vụ ăn uống. Phần lớn là các địa điểm ăn nhỏ phục vụ khách lẻ hoặc khách đoàn với số lượng ít. Chất lượng phục vụ còn thấp.

Trước hết, 2 thôn Chu Đậu và Mỹ Xá nói riêng trình độ dân trí còn hạn chế, kinh tế chậm phát triển, vẫn còn nhiều hộ nghèo. Do vậy, các điều kiện vệ sinh, cơ sở vật chất của những hộ gia đình đón khách, các lao động thường ở trình độ thấp, khó khăn cho việc tiếp cận, giao lưu, đặc biệt là với khách du lịch nước ngoài.

Tính cộng đồng trong sinh hoạt và tính xã hội trong sản xuất kinh doanh dịch vụ vẫn còn hạn chế, mang dáng dấp người Việt Nam thời phong kiến là sản xuất nhỏ, tự sản, tự tiêu.

Công tác vệ sinh môi trường còn nhiều điều bất cập như vệ sinh lương thực, thực phẩm, vệ sinh sinh hoạt (các hệ thống cấp nước sạch, xử lý nước thải, nhà vệ sinh tự hoại, vệ sinh tại nơi nuôi gia súc, gia cầm), các loại cùn tập trung gây hại đến đời sống con người do tự nhiên mang lại như muỗi, gián, mối, mọt, rắn, rết...

Còn cơ sở lưu trú và các cơ sở hạ tầng phục vụ vui chơi giải trí thì chưa có. Nhiều khi khách muốn tham quan tìm hiểu sâu hơn về làng cần phải lưu trú lại nhưng họ lại phải lưu trú tại 1 vài khách sạn gần đây, như: Khách sạn 1 sao Thanh Long, cách 4.09km. Khách sạn 2 sao Phương Đông, cách 6.35km, khách sạn 2 sao Asean, cách 6.42 km. Khách sạn 3 sao có khách sạn 555 Hương Nguyên và Khách sạn Phan Anh (Đồng Xanh) cách 6.15km và 6.3 km. Khách sạn Business, Khách sạn Thanh Đông , cách 5.74km.

Mặt khác, một số khách đến đây ngoài mục đích chính là tham quan, mua sắm, nghiên cứu tìm hiểu họ cũng có những nhu cầu khác về vui chơi giải trí nhưng Chu Đậu chưa hề có những cơ sở phục vụ nhu cầu này của khách.

Hạ tầng cơ sở du lịch là một trong những điểm hạn chế lớn của Chu Đậu cần phải khắc phục ngay để thu hút và phát triển du lịch. Những vấn đề trên cần được quan tâm hỗ trợ của chính quyền các cấp cũng như của Nhà nước trong việc giáo dục, đào tạo, hỗ trợ ban đầu cũng như bằng kết quả hoạt động du lịch cộng đồng để tái tạo, nâng cấp khắc phục.

Khách du lịch, đặc biệt khách du lịch quốc tế không chỉ đến đây để tham quan làng nghề một cách đơn thuần, mà họ còn muốn tránh xa không khí ồn ào, náo nhiệt của các đô thị phát triển để thư giãn trong không gian tĩnh lặng, không khí thanh bình của cảnh làng quê. Như vậy không khí làng quê tại đây vẫn còn giữ được nét giản dị vốn có của mình. Sự tập nập, vội vã của thành thị vẫn chưa ảnh hưởng đến không khí trong lành, yên bình và tĩnh lặng nơi đây.

2.2.3. Về thị trường khách du lịch và doanh thu du lịch

** Thị trường khách:*

Từ năm 1990 đến nay, đã có hàng trăm đoàn khách quốc tế, nhiều nhất là từ các nước Nhật, Pháp, Úc, Mỹ về thăm Chu Đậu, trung bình mỗi năm có từ 10 – 15 đoàn khách trong nước. Các đoàn khách nước ngoài đa phần là các nhà khoa học, có nhu cầu nghiên cứu từ không gian, địa bàn cư trú, phong tục tập quán đến các lò nung, di vật gốm...

Khách quốc tế đến đây cũng với nhiều mục đích khác nhau là tham quan mua sắm đơn thuần chiếm 85% còn khách đến đây tham quan tìm hiểu đặt quan hệ làm ăn bằng các đơn đặt hàng chiếm khoảng 25%

Khách nội địa chủ yếu là học sinh, sinh viên; các chuyên gia, nhà nghiên cứu tìm hiểu về gốm Chu Đậu chiếm khoảng 60% và các doanh nhân, một số khách đến tham quan mua sắm đơn thuần chiếm 40%

Nơi đây ngày càng trở thành điểm hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế đến thăm quan, trở thành địa danh trong bản đồ du lịch của tỉnh Hải Dương.

Thị trường khách du lịch nội địa được xác định là thị trường chính đối với du lịch làng gốm Chu Đậu. Sản phẩm chủ yếu gắn với thị trường du lịch nội địa là du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch cuối tuần, du lịch công vụ...

Thị trường khách quốc tế: Ưu tiên thị trường gần và tiếp đến là thị trường có khả năng chi trả cao. Những thị trường nguồn ưu tiên trong giai đoạn 2011 - 2015 theo thứ tự sau:

- + Thị trường ASEAN.
- + Thị trường Đông Bắc Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zeland.
- + Thị trường Châu Âu: Đức, Hà Lan, Pháp, Anh, Thụy Điển, Đan Mạch, Nga.
- + Thị trường Bắc Mỹ: Mỹ, Canada.

Những hoạt động chính trong các sản phẩm du lịch của làng gốm Chu Đậu nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch như:

Tham quan đình, chùa, đền và di chỉ khảo cổ học ngoài trời của làng: Khi

tham quan tại các công trình di tích này khách du lịch sẽ được nghe hướng dẫn viên thuyết minh cung cấp những thông tin về lịch sử hình thành và phát triển của làng cũng như của nghề, những bước đi trong tiến trình lịch sử của làng. Những nhân vật gắn liền với di tích. Đồng thời sẽ được nghe giới thiệu những nét khái quát chung nhất về các công trình di tích này. Khách du lịch sẽ được tự mình quan sát, ngắm nhìn kiến trúc, cách bài trí trong các công trình kiến này để phần nào hiểu được những giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh tinh thần mà nó mang trong mình.

Tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh gốm: Khách du lịch sẽ được tham quan các xưởng sản xuất, trực tiếp quan sát quá trình làm gốm, giao lưu với các nghệ nhân, tham gia vào một công đoạn nào đó để tạo ra sản phẩm.

Tham quan mua sắm tại nhà triển lãm: Khách du lịch sẽ được thỏa sức quan sát, chiêm ngưỡng và mua sắm các sản phẩm theo ý thích.

Những hoạt động tạo hứng thú cho khách du lịch:

Trong các chương trình du lịch đến với Chu Đậu đã được đưa vào khai thác thì theo đánh giá và nhận xét của đa số khách du lịch cho thấy các hoạt động tạo được hứng thú cho họ là: hoạt động tham quan các cơ sở sản xuất gốm, hoạt động tham quan mua sắm, hoạt động tham quan quang cảnh làng.

Tham quan cơ sở sản xuất gốm: Sở dĩ hoạt động tham quan các cơ sở sản xuất gốm gây được hứng thú cho khách du lịch vì tại đây họ được nghe giới thiệu, thuyết minh về toàn bộ quy trình sản xuất gốm; được tận mắt quan sát các khâu khác nhau của quá trình tạo ra một sản phẩm, được ngắm nhìn các sản phẩm thô chưa qua quá trình nung; được giao lưu, trò chuyện, trao đổi trực tiếp với những nghệ nhân trong nghề. Và điều đặc biệt nhất là khách du lịch sẽ được tự mình tham gia vào một công đoạn nào đó trong quá trình làm ra 1 sản phẩm gốm, họ có thể tự do thể hiện tài năng, óc sáng tạo cùng với trí tưởng tượng của bản thân trên sản phẩm của mình, họ sẽ có cơ hội tự mình thử làm một thợ gốm thực thụ tại các xưởng gốm ở Chu Đậu có thể là thợ vẽ gốm cũng có thể là thợ nặn gốm. Các sản phẩm đó sẽ được nhà lò cho vào nung cho khách du lịch.

Bên cạnh đó, hoạt động tham quan mua sắm tại cũng tạo cho khách du lịch nhiều hứng thú.

Tùy vào mục đích của khách mà họ có thể đến và lưu lại tại Chu Đậu với thời gian dài ngắn khác nhau. Khách hay đến với Chu Đậu vào dịp cuối tuần, các ngày lễ, tết và thường tham quan trong vòng một ngày thỉnh thoảng cũng có khách sẽ lưu lại tham quan Chu Đậu 2 ngày (số này rất ít không đáng kể).

Thực tế cho thấy rất ít số hộ có khách đến còn lại cũng chỉ là một hoặc hai lần có khách. Nhiều hộ cả năm qua cũng không đón được đoàn nào, số lượng khách mỗi đoàn cũng không nhiều.

**Về doanh thu di lịch:*

Du lịch tại đây nhìn chung đã mang lại thêm nguồn thu nhập cho các hộ gia đình.

Bảng 2.1: Lượng khách du lịch đến làng gốm Chu Đậu (2007 - 2011)

Đơn vị: Lượt

| Khách \ Năm | Năm | | | | | Tốc độ tăng TB (%/năm) |
|-------------|-------|-------|-------|-------|-------|------------------------|
| | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | |
| Quốc tế | 509 | 749 | 933 | 1002 | 905 | 17,4 |
| Nội địa | 1.387 | 3.869 | 4.651 | 5.026 | 5.103 | 52,2 |
| Tổng số | 1.896 | 4.618 | 5.584 | 6.028 | 6.008 | 43,0 |

Nguồn: Xí nghiệp gốm Chu Đậu – Hapro Hà Nội

2.2.4. Về thu nhập du lịch

Xí nghiệp gốm Chu Đậu là hạt nhân, đầu tàu, tạo công ăn việc làm cho cả một vùng làng nghề, làm thay đổi cơ cấu kinh tế tăng thu nhập cho nhân dân. Giá trị sản xuất của xí nghiệp gốm Chu Đậu tăng bình quân 20 – 25%/ năm. 9 tháng đầu năm 2011, giá trị sản xuất của công ty đạt 20 tỷ đồng, tăng 23 % so vs cùng kỳ năm trước, tạo công ăn việc làm cho 500 lao động là người địa phương với mức thu nhập từ 2,5 – 5 triệu.

Năm 2011 vừa qua là một năm khó khăn của nền kinh tế nhưng gốm Chu

Đậu vẫn theo đà phát triển, sản xuất tăng trưởng bình quân 125% theo đó thu nhập của người lao động cũng tăng lên.

2.2.5. Về cơ chế, chính sách và công tác quản lý

*** Về cơ chế, chính sách**

Thành phố Hải Dương và Sở du lịch có dự án đầu tư song chỉ với quy mô nhỏ hoặc gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai đưa các dự án vào thực tế.

Đền làng Chu Đậu, cái không khí của một làng nghề truyền thống không có bởi duy nhất chỉ có một xí nghiệp gồm Chu Đậu nằm đơn độc ngoài bìa làng, trông giống như một liên doanh sản xuất công nghiệp.

Thực tế này đã làm trăn trở các nhà lãnh đạo thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và cả ông Giám đốc Công ty sản xuất, dịch vụ và xuất nhập khẩu Hà Nội (HAPRO)...

Nhận thấy tầm quan trọng của việc khôi phục và phát triển một làng nghề gồm danh tiếng, Bộ Công nghiệp đồng ý và giao cho Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh cùng Sở Công nghiệp Hải Dương phối hợp thực hiện. Tập thể cán bộ khoa học của Viện, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ThS. Hoàng Bá Thịnh, Viện trưởng, đã thực hiện nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa này thông qua đề tài nghiên cứu khoa học: "*Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm khôi phục và phát triển làng nghề gốm cổ Chu Đậu huyện Nam Sách, Hải Dương*". Nhóm thực hiện nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học gồm: Chủ nhiệm đề tài: KS. Phan Thúy Nga; tham gia thực hiện đề tài: ThS. Hoàng Bá Thịnh - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh, KS. Trần Xuân Bái - Giám đốc Sở Công nghiệp Hải Dương.

Ngày 31 tháng 5 năm 2005 đề tài nghiên cứu khoa học bắt đầu triển khai với việc khai giảng lớp học nghề, đối tượng tham gia học nghề là gần 100 người dân Chu Đậu. Người ít tuổi nhất là cháu Vũ Thị Tươi 16 tuổi và người cao tuổi nhất là ông Trần Quốc Bình, 55 tuổi. Có gia đình cả nhà cùng học như gia đình ông Nguyễn Văn Thời. Bí thư Chi bộ thôn Chu Đậu, ông Nguyễn Quang Tú cũng là thành viên của lớp học. Ngày khai giảng lớp học đã như một ngày hội

với niềm vui, phấn khởi của bà con Chu Đậu và các vị khách quý Bộ Công nghiệp, ủy ban nhân dân tỉnh, huyện Nam Sách, xã Thái Tân, Sở Công nghiệp Hải Dương, Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh, Công ty sản xuất, dịch vụ và xuất nhập khẩu Hà Nội (HAPRO).

Lớp học nghề được tổ chức tại xí nghiệp gốm Chu Đậu và được chia thành 4 lớp nhỏ: Lớp vẽ trang trí sản phẩm, lớp điêu khắc, lớp tạo hình và khuôn, lớp xếp lò và nung đốt.

Đội ngũ giảng viên có: PGS. TS. Phạm Xuân Yên, dạy kỹ thuật sản xuất gốm (phần lý thuyết), ThS. Hoàng Bá Thịnh, Nguyễn Ngọc Ánh và KS. Nguyễn Tuấn Anh dạy kỹ thuật xếp lò và nung đốt (lý thuyết và thực hành), KS. Phan Thuý Nga dạy thiết bị trong dây chuyền sản xuất gốm và an toàn lao động, ThS. Nguyễn Xuân Nghị dạy vẽ mỹ thuật cơ bản; Hoạ sĩ Hạ Bá Định dạy vẽ trên sản phẩm (phần thực hành), Nghệ nhân Nguyễn Duy Hữu dạy điêu khắc và kỹ thuật đồ giót sản phẩm. Thợ kỹ thuật Nguyễn Hữu Chạ dạy sửa sản phẩm.

Mục tiêu của đề tài nghiên cứu khoa học và của các cấp chính quyền, bộ ngành đối với làng gốm cổ Chu Đậu là làm sao để mọi gia đình trong làng đều làm gốm, để không khí làng nghề được trở lại. Thời gian sắp tới, khi mà đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu, lớp học nghề kết thúc. Công ty sản xuất, dịch vụ và xuất nhập khẩu Hà Nội (HAPRO) cụ thể là Xí nghiệp gốm Chu Đậu sẽ cung cấp vật liệu sản xuất gốm, cung cấp một số trang thiết bị và lo đầu ra cho sản phẩm gốm của bà con Chu Đậu, để mỗi gia đình sẽ là một vệ tinh cho xí nghiệp. Sở Công nghiệp Hải Dương dự định bước đầu sẽ cung cấp một phần vốn để bà con xây lò. Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh sẽ tư vấn kỹ thuật.

Như vậy dự án khôi phục, phát triển sản xuất và du lịch làng nghề gốm cổ Chu Đậu sẽ làm sống lại một làng nghề sau nhiều năm bị thất truyền. Bộ mặt vùng quê thuần nông bên sông Thái Bình sẽ được thay đổi toàn diện. Hàng ngàn lao động sẽ có việc làm, đời sống của bà con làng nghề sẽ được cải thiện. Không khí làng nghề sẽ trở lại. Thương hiệu "Gốm Chu Đậu Việt Nam" sẽ hồi sinh, phát triển sau 400 năm bị quên lãng.

Đồng thời với việc tái tạo lại không khí làng nghề , ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cũng đầu tư để thôn Chu Đậu có cơ hội phát triển du lịch làng nghề. Đường từ thành phố về làng và đường nội bộ trong làng được nâng cấp rộng rãi. Đền thờ Ông tổ nghề gốm Chu Đậu là Đặng Mậu Nghiệp được tu sửa khang trang. Các di tích lò gốm cổ được gìn giữ, nhà trưng bày gốm Chu Đậu, nơi lưu giữ nhiều hiện vật gốm cổ cũng được sửa sang đón khách. Cuộc sống của một làng nghề trước đã từng bước được cải thiện.

Để tiếp tục khai thác tiềm năng và đẩy mạnh phát triển du lịch, tỉnh Hải Dương đã điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020, phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển các khu du lịch. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có chất lượng cao, bao gồm khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí - thể thao, vận chuyển du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch khác. Đầu tư khôi phục và phát triển các lễ hội, các làng nghề truyền thống để thu hút và phục vụ phát triển du lịch; đặc biệt là phát triển du lịch văn hóa. Đầu tư quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch, đào tạo nâng cao năng lực trình độ quản lý và trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Trong các lĩnh vực ưu tiên đầu tư kể trên có 3 dự án lớn nhằm tạo sản phẩm du lịch đặc thù, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch thuần túy. Một trong 3 dự án đó có “*Dự án xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt*” với quy mô từ 100 đến 150 ha. Vị trí của dự án nằm trên địa bàn xã Thái Tân, huyện Nam Sách. Những loại hình du lịch chủ yếu có khả năng phát triển ở khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt bao gồm: Du lịch nghỉ dưỡng làng quê vùng đồng bằng, du lịch cuối tuần, du lịch tham quan làng nghề. Đặc điểm của các khu chức năng chính: Khu đón tiếp: có không gian kiến trúc “cửa đến” của một làng Việt cổ với cây đa - bến nước - sân đình nơi khách du lịch được đón tiếp, chỉ dẫn trong thời gian nghỉ lại làng và tham quan các điểm du lịch phụ cận, đặc biệt là làng gốm Chu Đậu. Khu nghỉ dưỡng: với hệ thống các biệt thự nhà vườn có kiến trúc nhà điển hình vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng. Khu biệt thự được thiết kế với những quy mô khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch

(khách nghỉ dưỡng, khách nghỉ cuối tuần, khách công vụ, khách tham dự hội nghị - hội thảo). Khu vui chơi giải trí: với các trò chơi dân gian tiêu biểu của người dân vùng đồng bằng sông Hồng.

Từ tháng 9/2011 đến nay, phòng Nghiệp vụ Du lịch thuộc sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành khảo sát thực tế, thu thập thông tin về các khu, điểm, tuyến du lịch có tiềm năng trên địa bàn toàn tỉnh. Tỉnh Hải Dương đã công nhận điểm du lịch làng nghề Chu Đậu là 1 trong số 8 các khu, điểm du lịch cấp tỉnh. Dự kiến trong năm 2012, phòng Nghiệp vụ Du lịch sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ các khu, điểm, tuyến du lịch cấp tỉnh trình ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời tiếp tục xây dựng kế hoạch, tổ chức mời một số hãng lữ hành thực hiện chương trình thị sát các khu, điểm, tuyến du lịch đã hoàn thiện hồ sơ để đưa vào lịch trình tour, từng bước khai thác phát triển du lịch.

Về định hướng du lịch theo lãnh thổ, tỉnh Hải Dương xác định các trọng điểm phát triển du lịch gồm: Địa bàn Thành phố Hải Dương, địa bàn thị xã Chí Linh, địa bàn làng gốm Chu Đậu. Theo đó tại địa bàn làng gốm Chu Đậu, khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt sẽ là một trong những đặc thù của Hải Dương có sức cạnh tranh cao và có ý nghĩa đối với du lịch vùng đồng bằng sông Hồng, phục hồi, bảo tồn và kết hợp khai thác du lịch đối với các giá trị làng gốm Chu Đậu, phát triển du lịch đường sông từ thành phố Hải Dương đến Chu Đậu (sông Thái Bình).

Chu Đậu đã xây dựng được một số trang web giới thiệu, quảng bá về thương hiệu gốm Chu Đậu cũng như hình ảnh của làng tới khách du lịch trong và ngoài nước. Làng đã có biểu tượng, logo riêng cho gốm sứ Chu Đậu. Xây dựng được thương hiệu gốm trong lòng bạn bè trong nước cũng như quốc tế. Nhân thức được tầm quan trọng của nghệ thuật gốm Chu Đậu và ngày càng vươn xa ra, vươn rộng ra thị trường thế giới. Tổng công ty thương mại Hà Nội đã quyết định đầu tư nâng cấp website Chu Đậu lên một nền công nghệ mới, giao diện chuyên nghiệp hơn, có nhiều tính năng thương mại, khả năng tương tác với khách hàng cao, nhất là khách hàng nước ngoài. Để phục vụ cho mục

tiêu kinh doanh của Tổng công ty Hapro, chiếm lĩnh thị trường Châu Âu và Nhật bản, website được đầu tư xây dựng trên 3 ngôn ngữ Việt, Anh, Nhật.

Điểm mạnh của website này là tính thương mại điện tử, người quản trị có thể trưng bày các gian hàng, thêm các gian hàng dễ dàng, một sản phẩm có thể hiện thị ở nhiều chuyên mục. Đặt hàng qua mạng, người quản trị quản lý thông tin đơn hàng và hàng tháng báo cáo kết quả kinh doanh lên xí nghiệp và Tổng công ty Hapro dựa vào hệ thống này. Giao diện của các chuyên mục sản phẩm cũng khác nhau, do đặc tính, phong cách và ý nghĩa của từng chuyên mục sản phẩm là khác nhau.

Dự án đang trong giai đoạn thiết kế bố cục. Website thương mại điện tử sẽ được công bố ra ngoài vào cuối tháng 8/2009. Với hệ thống website thương mại điện tử mới này, sẽ có nhiều đơn hàng trên toàn thế giới đặt mua sản phẩm Gốm Chu Đậu nổi tiếng này.

Nhận rõ được tầm quan trọng của dự án, lãnh đạo tỉnh đã xếp mức độ ưu tiên dự án Chu Đậu là mức 1 và bố trí nhân sự tập trung triển khai dự án để không để lỡ kế hoạch và cơ hội kinh doanh Tổng công ty thương mại Hà Nội – Hapro và Xí nghiệp gốm sứ Chu Đậu.

Chu Đậu đã tham gia rất nhiều cuộc hội chợ, triển lãm về hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam trong nước cũng như ở nước ngoài. Và đã được công nhận là một trong những làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của Việt Nam. Đặc biệt, là cuộc triển lãm các sản phẩm thủ công truyền thống của Việt Nam tại Hoàng Thành Thăng Long vừa diễn ra từ ngày 29/4 đến 4/5/2008 nhân dịp chuẩn bị kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Qua các cuộc hội chợ, triển lãm này khách du lịch biết được nhiều hơn về làng gốm Chu Đậu cũng như sản phẩm gốm Chu Đậu.

Một trong những yếu tố góp phần tạo nên sự thành công của loại hình du lịch cộng đồng là các công ty lữ hành. Nhưng Chu Đậu chưa thật sự có những hoạt động liên doanh, liên kết với các công ty lữ hành trong việc sắp xếp, tổ chức các chương trình du lịch đến với làng gốm. Hầu hết các công ty lữ hành

đều khai thác du lịch làng gốm theo kiểu hời hợt, dẫn khách đến mua sắm để kiếm tiền hoa hồng là chính, mà chưa nghiên cứu, đầu tư, khai thác một cách khoa học, bài bản để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo giàu hàm lượng văn hóa. Những hướng dẫn viên theo đoàn của các công ty thường có kiến thức rất sơ sài về làng gốm, với cách giải thích vòng vo đôi khi tạo cho khách du lịch những hiểu biết không đầy đủ về làng, về nghề gốm ở đây.

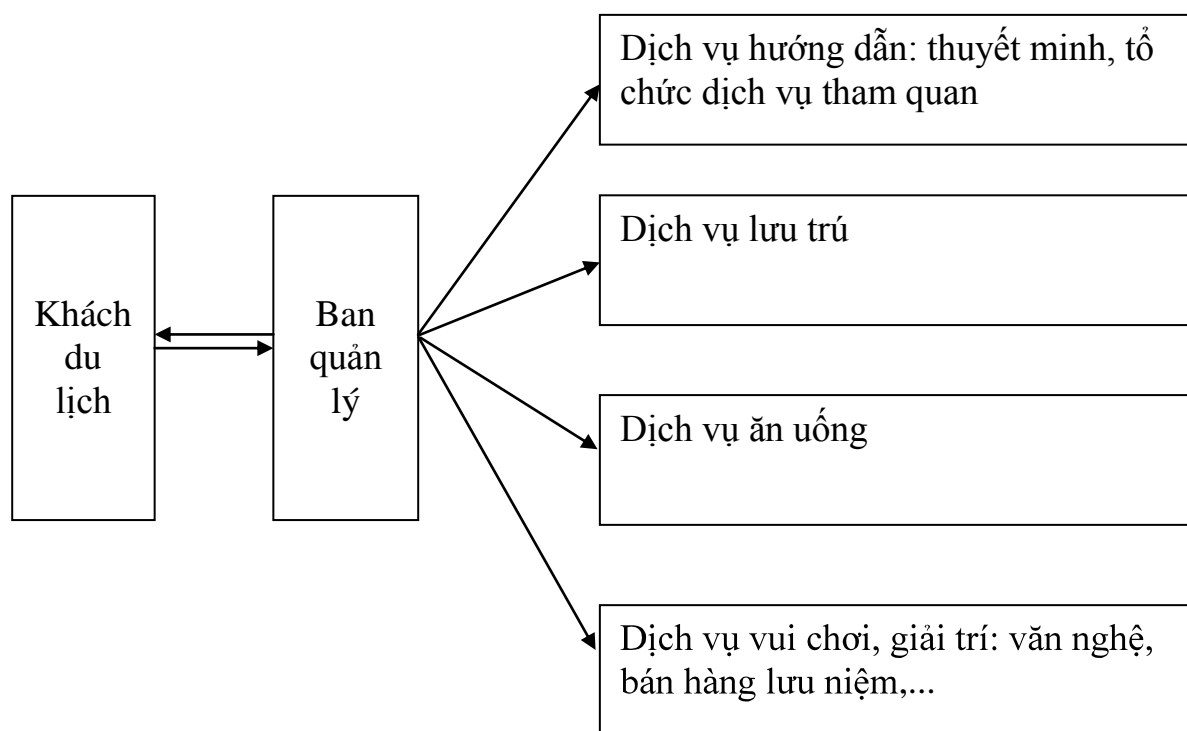
Việc kết hợp giữa làng gốm Chu Đậu và các điểm tham quan du lịch phụ cận đã được thiết lập nhưng chưa được xúc tiến, tuyên truyền quảng bá mạnh, chưa nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các công ty lữ hành nên việc xây dựng các tour, tuyến vẫn còn rất manh mún, nhỏ lẻ.

**Về công tác quản lý*

Trước hết, xác định mô hình du lịch cộng đồng là các cộng đồng địa phương làm du lịch bằng điều kiện sẵn có của mình phù hợp với thị hiếu của khách du lịch. Do vậy, mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu phù hợp với tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư với mục đích mang lại lợi ích trực tiếp cho người hoạt động, đầu tư cho du lịch, sau đó đóng góp cho lợi ích cộng đồng và xã hội. Xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện về môi trường pháp lý, tạo điều kiện cho người tham gia, hỗ trợ các biện pháp đào tạo, hỗ trợ một phần ban đầu, hỗ trợ công tác tuyên truyền quảng bá. Chính quyền địa phương cùng với công ty cổ phần gốm Chu Đậu là 2 đơn tổ chức và quản lý điều hành, xây dựng quy chế hoạt động, xây dựng giá dịch vụ. Mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu tạm dừng ở bốn nội dung sau:

- Dịch vụ hướng dẫn tham quan.
- Dịch vụ nội trú.
- Dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ vui chơi giải trí, văn nghệ, bán hàng.

Mô hình tổ chức được xác lập theo sơ đồ sau:



Mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu

- *Bộ phận ban quản lý điều hành*: Bộ phận này do ủy ban nhân dân xã hoặc xóm (thôn) đảm nhiệm là những người có điều kiện am hiểu nghiệp vụ kinh doanh du lịch và là những người được chính quyền xã, xóm cử, được sự tín nhiệm cao của cộng đồng, có nhiệm vụ tổ chức khai thác, ký kết hợp đồng đón khách với các đơn vị lữ hành hoặc trực tiếp nhận các thông tin về khách hoặc bộ máy đưa về xử lý thông tin, giao trách nhiệm phục vụ cho các tổ dịch vụ, theo dõi giám sát chất lượng phục vụ, thanh toán với khách theo hợp đồng, thanh toán với các bộ phận theo quy chế hoạt động tài chính, tiếp thu ý kiến phản hồi của khách, rút kinh nghiệm trong công tác phục vụ định kỳ. Bộ phận ban điều hành trực tiếp chỉ đạo các bộ phận còn lại: bộ phận dịch vụ hướng dẫn, bộ phận lưu trú, bộ phận dịch vụ ăn uống và bộ phận vui chơi giải trí, văn nghệ, bán hàng lưu niệm để tạo ra dịch vụ tổng hợp phục vụ du khách. Trong đó quy định những công việc cụ thể cho mỗi bộ phận là:

- *Bộ phận dịch vụ hướng dẫn*: là tập hợp những thành viên được đào nắm

được những di tích lịch sử, văn hóa cũng như kết cấu địa lý tự nhiên, các thông tin kinh tế văn hóa trong vùng để giới thiệu cho du khách khi tham quan và có nhiệm vụ:

- + Tiếp nhận nội dung yêu cầu của khách tham quan mà ban quản lý điều hành chuyển giao.

- + Xây dựng chương trình tham quan hợp lý, hấp dẫn thuận tiện cho khách, trực tiếp thuyết minh những điểm cần thiết tại nơi khách tham quan.

- + Tổ chức bố trí phương tiện phục vụ khách tham quan phù hợp với yêu cầu và kinh phí của khách.

- + Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách trong chuyến đi.

- + Phối hợp với các bộ phận khác để tổ chức cho khách sử dụng những dịch vụ đã kí kết trong hợp đồng.

- + Có nhiệm vụ đón và tiếp khách, theo dõi khách trong suốt hành trình du lịch và tiễn khách.

- *Bộ phận lưu trú:* Là tập hợp các gia đình có điều kiện được ban quản lý điều hành lựa chọn để phục vụ nhu cầu lưu trú của khách, có nhiệm vụ:

- + Tiếp nhận khách đến nghỉ với thái độ vui vẻ, ân cần theo nội dung của ban quản lý điều hành.

- + Vệ sinh sạch sẽ những nơi khách nghỉ và khách sử dụng cũng như vệ sinh trong khuôn viên gia đình, xếp đặt các trang thiết bị ngăn nắp gọn gàng theo đúng phong tục địa phương.

- + Đảm bảo cho khách nghỉ an toàn tuyệt đối về sức khỏe và tài sản riêng của khách.

- + Kết hợp với các bộ phận khác để cung cấp các dịch vụ mà khách yêu cầu.

- *Bộ phận dịch vụ ăn uống:* Bao gồm những thành viên có điều kiện chế biến thức ăn, đồ uống để phục vụ khách, được trang bị về kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm và kiến thức cơ bản trong phục vụ ăn uống của ngành du lịch, biết chế biến một số món ăn thông dụng cơ bản cho các đối tượng khách, thành thạo điều luyện trong chế biến các món đặc sản địa phương có nhiệm vụ cụ thể

được ban quản lý giao cho như sau:

- + Tiếp nhận nội dung của Ban chỉ đạo điều hành về nhu cầu của khách.
- + Xây dựng thực đơn, tổ chức khai thác lương thực thực phẩm, thực hành chế biến món ăn theo yêu cầu của khách phù hợp với thị hiếu của khách, đảm bảo mỹ thuật, an toàn.
- + Tổ chức phục vụ chu đáo, nhiệt tình.
- + Phối hợp với các bộ phận khác trong việc cung cấp các dịch vụ khác cho khách.

- *Bộ phận vui chơi giải trí, văn nghệ, cung cấp hàng hóa:* Bao gồm những thành viên có khả năng văn nghệ, có hình thức ưa nhìn, có kiến thức giao tiếp thể hiện sự duyên dáng, chân thực khi tiếp xúc với khách có nhiệm vụ:

- + Tổ chức các chương trình văn nghệ, chương trình giao lưu theo yêu cầu của khách mang đậm tính dân gian cổ truyền địa phương.
- + Tổ chức giới thiệu các mặt hàng, những sản phẩm đặc thù của địa phương để phục vụ khách khi có yêu cầu.
- + Phối hợp với các bộ phận khác để cung cấp dịch vụ tổng hợp có chất lượng cao phục vụ khách du lịch.

Bên cạnh các nhóm dịch vụ, ban chỉ đạo và tổ chức xây dựng mô hình du lịch cộng đồng, các xã còn thành các tổ chức như: Ban bảo vệ an toàn cho khách, ban bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên, ban dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe cho khách khi cần thiết.

Ban quản lý đã tạo mối quan hệ gắn bó giữa Ban quản lý khu du lịch với nhân dân và khách du lịch. Tuy nhiên vì đây là đơn vị cấp cơ sở quản lý về du lịch mới được thành lập và chưa có chuyên môn nghiệp vụ nên hoạt động còn mang tính vùng và địa phương, chưa có sự gắn kết chặt chẽ với các xã khác cùng dự án. Ngoài ra, Ban quản lý cũng gặp khá nhiều khó khăn khi tạo mối quan hệ gắn bó với cộng đồng cư dân địa phương trong việc chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch và tạo mối quan hệ với hướng dẫn viên cũng như với du khách. Hiện tại, đã thành lập các tổ chức quản lý nhưng do lượng khách không

hiều nên cũng chỉ tồn tại lúc ban đầu, lâu dần cũng ít người quan tâm đến hoạt động của du lịch cộng đồng tại đơn vị mình quản lý.

2.2.6. Về sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính phủ, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước

**** Trong nước***

- Đầu năm 2000, anh Nguyễn Hữu Thắng, Giám đốc Công ty sản xuất, dịch vụ và xuất nhập khẩu nam Hà Nội (Hapro) một người con của quê hương Nam Sách đã về Chu Đậu để thực hiện một dự án đầu tư sản xuất mặt hàng gốm xuất khẩu, nhằm khôi phục thương hiệu gốm nổi tiếng, kết hợp với hoạt động du lịch làng nghề.

Được sự ủng hộ của chính quyền và nhân dân địa phương, tháng 10/2001, Xí nghiệp gốm Chu Đậu đã ra đời và bắt đầu đi vào hoạt động với tổng số vốn đầu tư giai đoạn một là 24 tỷ đồng. Cơ sở rộng 33.250m² được xây dựng bên dòng sông cổ chảy qua làng. Ông Nguyễn Hữu Thắng, giám đốc công ty cho biết: Giai đoạn đầu của xí nghiệp là mở cuộc săn lùng, sưu tầm những mẫu gốm cổ độc đáo, chiêu hiền đãi sỹ nhằm tập hợp những chuyên gia, nghệ nhân tài danh nhất trong các làng gốm cổ truyền đến xí nghiệp, cộng tác nghiên cứu để tìm ra từng loại gam màu của gốm cổ. Hơn 20 nghệ nhân từ Hà Nội, Bình Dương, Biên Hoà, Hải Dương... đã hợp tác với xí nghiệp, vừa nghiên cứu những nét đặc sắc của gốm cổ Chu Đậu, vừa thiết kế những mẫu sản phẩm mới để chuẩn bị đưa vào sản xuất. Gần 200 thanh niên, chủ yếu là người của làng Chu Đậu được tuyển chọn và đào tạo, truyền dạy kỹ thuật cơ bản và bí quyết trong từng công đoạn chế tác, nhằm đào tạo họ thành những tay thợ đầu đàn trong các lò gốm gia đình trong tương lai. Tiến tới mời các nghệ nhân đến dạy nghề cho các con em địa phương trong những vùng lân cận.

Công tác xúc tiến quảng bá được xí nghiệp chú trọng, tham gia vào các lễ hội, hội chợ, triển lãm... hình thành mạng lưới phân phối gồm cửa hàng, đại lý tại các tỉnh thành phố.

Bắt đầu từ tháng 5/2003 xí nghiệp gốm Chu Đậu đã xuất khẩu lô hàng đầu

tiên với 8490 sản phẩm trị giá 20.000 USD sang thị trường Tây Ban Nha. Thế là sau gần 400 năm, Chu Đậu lại có hàng xuất khẩu sang Tây Ban Nha, nơi nhập chuyển hàng cuối cùng của Chu Đậu vào thế kỷ XVII.

Theo ông Nguyễn Văn Lưu, Giám đốc xí nghiệp thì: "Từ đó đến nay, xí nghiệp đã xuất khẩu nhiều lô hàng đến nhiều nước trên thế giới và sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng trong nước, gồm Chu Đậu đã thực sự hồi sinh và được đón nhận. Hơn 200 cán bộ và công nhân của xí nghiệp luôn có việc làm, thu nhập bình quân hằng tháng đạt 800 nghìn đồng mỗi người".

Để giới thiệu sản phẩm gốm Chu Đậu mà xí nghiệp đã sản xuất với khách hàng trong nước, nước ngoài và với khách du lịch. Mới đây xí nghiệp đã khánh thành nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm rộng trên 1000m². để trưng bày giới thiệu các sản phẩm phục chế các mẫu mã cổ gồm bình, ang, chậu, bát... Năm 2009, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã đầu tư xây dựng giai đoạn 2 gồm các hạng mục: Không gian vườn gốm thư pháp, nhà thờ tổ gốm linh từ, nhà bát giác, xưởng sản xuất số 2, kho hàng xuất khẩu. Công trình được ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định gắn biển "Công trình chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội".

Xí nghiệp gốm Chu Đậu đã làm thức dậy một làng nghề có một giấc ngủ dài 400 năm. Sản phẩm xí nghiệp bắt đầu có tiếng trong nước và một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, đến làng Chu Đậu, cái không khí của một làng nghề truyền thống không có bởi duy nhất chỉ có một xí nghiệp gốm Chu Đậu nằm đơn độc ngoài bìa làng, trông giống như một liên doanh sản xuất công nghiệp.

Theo chiến lược phát triển từ năm 2013 đến năm 2020, XN Gốm Chu Đậu sẽ xây dựng khu sản xuất làng nghề tập trung với diện tích khoảng 10ha cho các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn sản xuất tập trung. Tiếp theo, Tổng Công ty Hapro chỉ đạo Xí nghiệp Gốm Chu Đậu nghiên cứu, xây dựng khu du lịch làng nghề sinh thái, trong đó nhấn mạnh các mô hình sản xuất đồ gốm từ thời sản xuất thô sơ đến nay, đưa Chu Đậu thành một vùng sản xuất gốm sứ, một trung tâm du lịch làng nghề tại phía bắc Việt Nam...

Xét về thương mại xem ra việc đầu tư xây dựng xí nghiệp tại Chu Đậu là thành công, nhưng để phát triển du lịch không chỉ cần có vậy. Kế hoạch khôi phục làng nghề đang được lãnh đạo tỉnh Hải Dương đặt ra. Xí nghiệp cũng đang có kế hoạch đầu tư cho một vài lò gốm tư nhân làm vệ tinh, vừa làm nghề, vừa làm hạt nhân cho du lịch. Sẽ thực thú vị cho bất kỳ một khách du lịch nào khi được đến Chu Đậu, được tận mắt chứng kiến hậu duệ của những nghệ nhân Chu Đậu cố làm gốm. Và bằng tình cảm, sự mến phục sẵn có, chắc chắn ai cũng sẽ phải có vài đồ vật kỷ niệm của Chu Đậu. Vậy là đời sống người dân sẽ được cải thiện, nghề truyền thống được giữ và cái tên Chu Đậu sẽ tiếp tục trường tồn... Có lẽ cũng thấy tiềm năng này mà Tổng cục Du lịch quyết định chọn Chu Đậu trở thành địa điểm tổ chức kỷ niệm ngày du lịch thế giới tại Việt Nam. "Thực ra, xét về mọi mặt trong thời điểm này, Chu Đậu chưa phải là nơi xứng đáng nhất. Nhưng chúng tôi vẫn quyết định chọn Chu Đậu bởi tương lai mà làng nghề này đem lại và bởi chủ đề ngày du lịch thế giới năm nay chính là du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo. Thông điệp này rất ý nghĩa cho những làng nghề như Chu Đậu" bà Võ Thị Thắng - Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch đã thẳng thắn chia sẻ.

"Chúng tôi không nghĩ nhiều đến tiền vào lúc này đâu, mọi người đến nhiều, biết nhiều đến chúng tôi đã là điều đáng quý rồi. Đó mới là cái mà chúng tôi để lại cho con cháu chúng tôi cũng như các cụ ngày xưa để lại cái tiếng Chu Đậu cho chúng tôi hôm nay". Đó là lời mà ông Trần Hữu Quang - Trưởng ban Quản lý di tích gốm Chu Đậu nói. Câu nói ấy đã gợi nhớ đến câu đề tặng mà Chủ tịch Trần Đức Lương đã viết cho Chu Đậu trong một đợt ghé thăm "Gốm Chu Đậu cần phải trường tồn".

- Kênh VCTV6 truyền hình Cáp Việt Nam đã làm phóng sự quảng bá giới thiệu về Gốm Chu Đậu phát sóng lúc 15h00 ngày 22/2/2012 trong chương trình chương trình "Việt Nam – Đất nước – Con người".

**Ngoài nước :*

Năm 1996, Bảo tàng Gốm sứ Kyushu mở cuộc triển lãm " Gốm sứ xanh trắng của thế giới", quy tụ 249 món gốm sứ thuộc dòng đồ thanh họa của Trung

Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Iran, Hà Lan và Đức, trong đó Việt Nam góp mặt 10 cổ vật thuộc hai dòng gốm Chu Đậu và Bát Tràng.

Tiếp đó, năm 1997, Nhật Bản phối hợp với Trung Quốc và Hàn Quốc, tổ chức cuộc triển lãm lưu động mang tên “ Những chiếc đĩa lớn “ , giới thiệu những chiếc đĩa đến từ các bảo tàng của Trung Hoa và Hàn Quốc, còn có 3 chiếc đĩa gốm Chu Đậu góp mặt trong cuộc triển lãm này.

Năm 1999, một tổ chức Nhật Bản đã tài trợ kinh phí xây dựng khu bảo tàng gốm cổ. Đây quả là những tín hiệu đáng mừng, cho thấy sự cần thiết và triển vọng của việc khôi phục và phát triển một dòng gốm cổ gắn liền với phát triển du lịch tại địa phương.

2.3. Đánh giá chung về tác động của hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững

**Những thành công*

- Hoạt động du lịch góp phần quảng bá một cách rộng rãi và có hiệu quả nhất hình ảnh làng gốm Chu Đậu và các dòng sản phẩm gốm truyền thống của làng.

- Khi mà hoạt động du lịch phát triển một cách thật sự có hiệu quả với quy mô, cơ cấu tổ chức khoa học, chất lượng các dịch vụ du lịch đảm bảo, thái độ phục vụ tốt cộng với sự thiện của người dân nơi đây sẽ để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng mỗi khách du lịch và khi đó mỗi khách du lịch sẽ trở thành một người tuyên truyền, quảng cáo một cách miễn phí mà đem lại hiệu quả cao nhất cho làng gốm Chu Đậu.

Chu Đậu không chỉ được khách du lịch trong nước biết đến mà nó đã và đang thu hút được ngày càng nhiều khách du lịch quốc tế từ các quốc gia khác nhau đến với mình. Du lịch chính là cầu nối trung gian giữa những người yêu, quan tâm, tìm hiểu những giá trị truyền thống của gốm Chu Đậu. Cũng chính từ sự giao lưu, tiếp xúc, tìm hiểu này mà đã tạo nên những cuộc hội thảo, hội nghị lớn về các giá trị truyền thống của làng nghề, từ đó có những cuộc triển lãm quốc gia, khu vực và quốc tế về gốm sứ Chu Đậu đã được diễn ra như triển lãm tại các hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống Việt Nam, triển lãm gốm

Chu Đậu tại Nhật Bản...Đây chính là một hình thức quảng cáo, tuyên truyền đạt hiệu quả cao trong việc giới thiệu hình ảnh của làng gốm Bát Tràng cũng như các sản phẩm gốm của làng tới khách du lịch.

Gốm Chu Đậu ngày nay không sản xuất đồng loạt, dùng máy in hình vào các sản phẩm gốm mà hướng về nghệ thuật của tiền nhân. Mỗi hình vẽ, mỗi bức tranh trên gốm là một sự tích, một câu chuyện đậm chất thần thoại, dân gian xưa kia và còn phải sáng tạo ra cái mới. Vì thế, đến Chu Đậu ngày nay khách du lịch được khám phá các loại hình du lịch nghiên cứu khảo cổ học, du lịch làng nghề, nghệ thuật làm gốm của nền văn minh cổ xưa, trực tiếp tham gia vào quy trình sản xuất gốm như tạo dáng, vẽ hình, viết chữ, ký tên, lên sản phẩm...khiến cho khách du lịch có cảm giác mới lạ, thích thú và hiểu kỹ hơn đến văn hóa gốm Chu Đậu.

- Sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của làng gốm Chu Đậu

Khi du lịch cộng đồng được đưa vào khai thác sẽ tạo ra một thị trường khách mới cho làng gốm Chu Đậu - đó là thị trường khách du lịch. Thị trường này tuy nhỏ bé với số lượng sản phẩm bán ra không lớn nhưng giá trị lợi nhuận mang lại sẽ tăng lên (do giá bán lẻ cho khách du lịch bao giờ cũng cao hơn so với giá bán thông thường). Mặt khác, nếu là khách du lịch quốc tế thì khi bán sản phẩm cũng chính là Chu Đậu đã xuất khẩu được một sản phẩm của mình tại chỗ mà không mất một đồng tiền vận chuyển và thuế xuất hàng như sự xuất khẩu thông thường. Đây là một thị trường khách đầy tiềm năng để làng nghề Chu Đậu khai thác phát triển.

Nhờ có du lịch mà nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đã biết đến và hợp tác kí kết rất nhiều các hợp đồng kinh tế lớn với các doanh nghiệp sản xuất gốm trong làng đem về một nguồn lợi nhuận cho các hộ sản xuất, kinh doanh, từ đó tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập cho người dân đã gián tiếp thúc đẩy kinh tế, văn hóa - xã hội của làng phát triển.

Hoạt động du lịch đem lại nguồn thu nhập cho người dân trong làng. Bên cạnh việc bán các sản phẩm gốm làm ra cho khách du lịch để thu lợi nhuận thì cũng có rất nhiều dịch vụ khác được mở ra để phục vụ khách du lịch như dịch vụ ăn – nghỉ.

Từ năm 2001 đến nay, Tổng công ty thương mại Hà Nội (Hapro) đã phục hồi, phát triển lại làng nghề gốm cổ Chu Đậu. Đến nay, thương hiệu gốm Chu Đậu đã trở nên quen thuộc trên thị trường trong nước và quốc tế. Như vậy sẽ thu hút thêm rất nhiều khách du lịch đến với làng gốm, không chỉ là các đối tượng khách là những nhà khoa học đến nghiên cứu dòng gốm cổ mà còn thu hút rất nhiều khách du lịch thuần túy đến với làng nghề dưới hình thức du lịch cộng đồng.

Trong hoạt động phát triển du lịch thời gian qua, vấn đề xã hội hoá du lịch cũng đã và đang được thực hiện.

- Đời sống người dân

Đối với bất kỳ một dự án du lịch nào, vấn đề cần quan tâm đầu tiên vẫn là những tác động của du lịch đến các môi trường và đời sống dân cư tại điểm diễn ra hoạt động du lịch đó. Đặc biệt là đối với các dự án được xây dựng tại các khu dân cư thì sự thay đổi môi trường sống và văn hóa bản địa luôn là vấn đề được xem xét hàng đầu. Điều đó đảm bảo cho sự phát triển bền vững mà du lịch đang cố gắng đạt được.

Đối với cư dân tại làng Chu Đậu, dự án phát triển du lịch cộng đồng mở ra một hy vọng mới cho người dân nơi đây, bởi họ không những có thể tạo cho mình nhiều cơ hội việc làm, tăng thêm thu nhập và có cơ hội được giới thiệu những nét đẹp văn hóa của dân tộc mình đến khách du lịch trong và ngoài nước, bên cạnh đó, họ vẫn có thể phát huy hơn nữa vốn văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Chính vì lẽ đó, ngay từ khi dự án đi vào hoạt động đã được đông đảo người dân tham gia hưởng ứng rất nhiệt tình, hứa hẹn một sự thay đổi mang tính tích cực đối với đời sống cư dân nơi đây.

Khách du lịch là cơ sở cho sự phát triển của ngành Du lịch bởi lượng khách tăng đồng nghĩa với việc tăng thu nhập du lịch, tăng khả năng đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hoạt động du lịch gián tiếp thúc đẩy làng gốm Chu Đậu phát triển từ đó sẽ làm tăng thu nhập cho người dân, đời sống cả về vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, nhà cửa khang trang sạch

sẽ với đầy đủ các tiện nghi sinh hoạt.

Khi du lịch được đưa vào khai thác người dân Chu Đậu có cơ hội giao lưu, tiếp xúc với nhiều khách du lịch khác nhau trên thế giới tạo điều kiện học hỏi, mở rộng tầm hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

Về vấn đề an ninh trật tự, có thể nói, bất kỳ du khách nào tới làng gồm thăm quan đều nhận thấy nơi đây chính là điểm đến an toàn, thân thiện của khách du lịch. Tình hình an ninh trật tự tại đây luôn được đảm bảo. Du khách đến đảo không chỉ cảm nhận được nét đẹp của thiên nhiên nơi đây mà còn cảm nhận được chất tình người trong mỗi con người trên đảo. Thôn Chu Đậu cố gắng phấn đấu trở thành một điểm đến thân thiện cho mỗi du khách để níu chân du khách ở lại lâu hơn trong mỗi chuyến hành trình.

**Những tồn tại*

Hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gồm Chu Đậu còn có những tồn tại sau:

- Tác động xấu đến môi trường:

Du lịch phát triển đồng nghĩa với việc những tác động xấu của du lịch đối với môi trường sẽ xảy ra. Đặc biệt là vấn đề rác thải do khách du lịch và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch thải ra.

Các nguồn tài nguyên du lịch chưa được khai thác nhiều cho phát triển du lịch.

Vấn đề quản lý tài nguyên du lịch còn chông chéo giữa các cấp, ngành.

Số lượng các khu, điểm du lịch được quy hoạch và đầu tư tôn tạo còn ít.

Cường độ hoạt động du lịch ở một số điểm du lịch chính gây áp lực lớn lên môi trường.

Sự suy thoái môi trường tự nhiên, đặc biệt là sự ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, sự suy giảm đa dạng sinh học gây ảnh hưởng đáng đến phát triển du lịch bền vững.

-Trật tự an ninh, an toàn xã hội:

Khi du lịch phát triển kéo theo một lượng lớn khách du lịch sẽ đến với làng gồm Chu Đậu, điều này cũng có nghĩa là vấn đề trật tự an ninh an toàn xã hội sẽ

phức tạp hơn, một số tệ nạn xã hội sẽ theo khách vào làng. Đây sẽ là môi trường thuận lợi cho các tệ nạn xã hội như trộm cắp, ma túy, mại dâm, tình trạng bắt chẹt khách...có điều kiện hình thành và phát triển.

-Tác động đến truyền thống văn hóa làng xóm Chu Đậu:

Du lịch phát triển sẽ làm mất đi những nét văn hóa truyền thống, làm thương mại hóa làng nghề: Khi du lịch phát triển cũng đồng nghĩa với việc hàng loạt các dịch vụ xuất hiện theo điều này đã tạo ra một sự thay đổi trong cơ cấu lao động trước đây làm chiếu, làm gốm thì nay người dân làng Chu Đậu lại tập trung vào việc kinh doanh buôn bán .

Cùng với việc xuất hiện của khách cũng đồng nghĩa với việc sẽ có sự xâm nhập các lối sống của khách nước ngoài vào làng nghề. Đó là cách ăn mặc, đi đứng, nói năng, cách cư xử của họ...Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa truyền thống làng xóm Chu Đậu mà đối tượng tiếp thu một cách nhanh chóng nhất chính là hệ trẻ những thanh thiếu niên của làng.

- Từ góc độ kinh tế, còn có những tồn tại sau:

Mức tăng trưởng về đầu tư cho du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành.

Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch còn hạn chế và chưa có hiệu quả.

Chất lượng nhân lực du lịch chưa được nâng lên ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ.

- Vấn đề về sản phẩm du lịch: Vấn đề chất lượng sản phẩm du lịch, hay nói một cách khác thì đó là khả năng thu hút và giữ chân khách du lịch còn kém.

- Vấn đề về quảng bá du lịch cho làng nghề: Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch về với xóm Chu Đậu còn hạn chế.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 khóa luận đã tìm hiểu, giới thiệu về làng gốm cổ Chu Đậu cùng với thực trạng của hoạt động du lịch cộng đồng tại đây về các mặt: Tài nguyên du lịch, cộng đồng dân cư và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, thị trường khách du lịch và thu nhập du lịch, cơ chế chính sách cùng công tác quản lý cùng với sự hỗ trợ của chính phủ, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước.

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG
DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG GỐM CHU ĐẬU THEO HƯỚNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

3.1. Định hướng phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững

3.1.1. Định hướng không gian du lịch

Từ năm 2013 đến năm 2020, Xí nghiệp gốm Chu Đậu sẽ xây dựng khu sản xuất làng nghề tập trung với diện tích khoảng 10 ha cho các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn sản xuất tập trung. Tiếp theo, Tổng Công ty Hapro nghiên cứu, xây dựng khu du lịch làng nghề sinh thái, trong đó nhấn mạnh các mô hình sản xuất đồ gốm từ thời sản xuất thô sơ đến nay, đưa Chu Đậu thành một vùng sản xuất gốm sứ, một trung tâm du lịch làng nghề tại phía Bắc. Ưu tiên đầu tư khu vui chơi giải trí, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Với làng gốm Chu Đậu, tỉnh Hải Dương xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt. Khu du lịch này sẽ là một trong những sản phẩm du lịch đặc thù của hải Dương, có sức cạnh tranh cao và có ý nghĩa đối với du lịch vùng đồng bằng sông Hồng.

Tiếp đó là định hướng phục hồi, bảo tồn và kết hợp khai thác du lịch đối với các giá trị làng gốm Chu Đậu.

Phát triển tuyến du lịch đường sông từ thành phố Hải Dương đến Chu Đậu (sông Thái Bình).

3.1.2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

- Phát triển các sản phẩm du lịch văn hoá, du lịch làng nghề; chú trọng xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của làng gốm Chu Đậu.

- Phát triển làng nghề ở Chu Đậu phải đặt trong tổng thể quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp của tỉnh. Đồng thời, cần có chính sách đầu tư liên kết, hợp tác giữa các làng nghề với nhau, giữa làng nghề với

cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và với các doanh nghiệp công nghiệp lớn để hợp tác gia công và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển làng nghề phải xuất phát từ nhu cầu thị trường, sản phẩm của làng nghề phải có sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại được sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu của nước ngoài.

- Phát triển làng nghề cần theo hướng đa dạng hóa hình thức sở hữu, mô hình tổ chức sản xuất, ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, kết hợp với công nghệ cổ truyền trong các làng nghề.

- Cần hình thành các khu sản xuất tập trung ở các làng nghề để tạo thuận lợi về kết cấu hạ tầng, mặt bằng...cho các cơ sở sản xuất đầu tư mở rộng quy mô, phát triển sản xuất kinh doanh.

3.1.3. Định hướng về đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo nghề cho lao động tại làng nghề là một trong những vấn đề được đặt lên hàng đầu. Một thực tế là lao động tại làng nghề vẫn chưa mặn mà với việc đào tạo. Mặc dù người lao động được hỗ trợ học phí học nghề, nhưng rất nhiều thanh niên tại các làng nghề lựa chọn hướng đi làm thuê cho các ngành nghề khác như: Bốc vác, xây dựng, vào khu công nghiệp làm công nhân hoặc ra nước ngoài lao động để kiếm tiền. Vì thế đào tạo nghề đến đâu phải sử dụng nhân lực đến đó, đưa họ vào sản xuất để đảm bảo thu nhập cho người lao động

Đào tạo cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động tại các làng nghề. Nhìn chung thợ thủ công làng nghề cơ bản là nông dân, phần lớn lao động là dựa trên kinh nghiệm, số nghệ nhân rất ít, nên giá thành cao, khó cạnh tranh trên thương trường. Để nâng cao trình độ quản lý và tay nghề cho người lao động cần kết hợp đào tạo như: trung tâm dạy nghề, trường phổ thông, nhóm hộ gia đình, nghệ nhân truyền nghề. Đồng thời cần có chương trình riêng đào tạo cán bộ quản lý nông thôn, doanh nghiệp, như:

- Hướng nghiệp du lịch tại các trường phổ thông trung học hoặc từ năm cuối trung học cơ sở.

- Khuyến khích mở các cơ sở đào tạo du lịch, tổ chức các khóa đào tạo

ng nghiệp vụ du lịch trong huyện song song với việc khuyến khích việc tham gia các chương trình đào tạo về du lịch ở các cơ sở đào tạo du lịch.

- Khuyến khích doanh nghiệp du lịch tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ và ngoại ngữ tại chỗ cho lao động của doanh nghiệp mình và liên kết đào tạo lao động với doanh nghiệp du lịch khác.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch ngành du lịch và các dự án quốc tế.

- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức và trang thiết bị các kỹ năng kinh doanh, giao tiếp cho cộng đồng người dân tại các khu vực trọng điểm phát triển du lịch.

- Chủ đầu tư các dự án du lịch xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực ngay từ khi triển khai xây dựng.

- Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về phát triển nguồn nhân lực với các địa phương và các tổ chức quốc tế.

3.1.4. Định hướng về vốn đầu tư

* Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư :

- Chương trình cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng khu điểm du lịch Chu Đậu bao gồm cả nội dung phát triển, nâng cấp các đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông.

- Xây dựng phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của làng gốm Chu Đậu.

- Cải tạo, xây mới cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

- Chương trình cải tạo đảm bảo môi trường du lịch tại làng gốm Chu Đậu và các xã lân cận.

- Chương trình bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm.

- Chương trình phát triển làng nghề phục vụ du lịch.

- Chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch làng gốm Chu Đậu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thống kê du lịch làng gốm Chu Đậu.

* Vốn đầu tư được huy động từ các nguồn chủ yếu :

- Vốn ngân sách nhà nước.

- Vốn ODA.
- Vốn thu từ khai thác các hoạt động du lịch.
- Vốn huy động đóng góp của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

3.2. Kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững

3.2.1. Du lịch văn hóa bản địa ở Rio Blanco (Ecuador)

Do vị trí địa lý xa cách nên việc tiếp cận của khách du lịch tới khu vực này còn có nhiều khó khăn, chính vì vậy lượng khách du lịch tới đây còn chưa đáng kể. Người dân cộng đồng nơi đây còn chưa tin phát triển du lịch sinh thái bền vững sẽ đem lại lợi ích cho họ cũng như về khả năng tham gia của họ khi bắt đầu giới thiệu về ý tưởng dự án. Họ cảm thấy rụt rè khi tiếp xúc với khách nước ngoài. Tuy nhiên, sau một số buổi họp trao đổi giữa dân làng, họ đã đồng ý thử nghiệm dự án này.

Ngay sau khi quyết định, những người dân Rio Blanco đã thành lập một Ủy ban, bao gồm một chủ tịch và phó chủ tịch cộng đồng. Họ dựa vào mô hình du lịch sinh thái bền vững ở Capirona (một khu du lịch sinh thái gần đó) và cải tiến nó bằng các kinh nghiệm của mình. Trong năm đầu hoạt động, họ đã đón được 150 khách và thu được 6.000USD. Thay vì giữ doanh thu du lịch ở một quỹ chung để sử dụng cho các dự án của cộng đồng, họ đã phân phối đều cho mọi thành viên. Họ đầu tư lại khoảng 60% vào dự án - thức ăn, dầu ca nô và hoàn trả các khoản vay mua giường, chăn đệm, bát đĩa và các đồ đạc khác. Một sửa đổi nữa là các điểm đón khách ở đây được xây cách trung tâm cộng đồng khoảng 1km. Một phần là do khách thích ở gần rừng nguyên sinh hơn là gần các khu trung tâm, ngoài ra còn để xóa bỏ những nhu cầu không đáng có như rượu chè và mại dâm. Khi khách du lịch tới đây, việc nấu nướng, dọn dẹp và biểu diễn văn hóa được giao công bằng cho mọi người qua một lịch làm việc luân phiên. Qua đó, mỗi thành viên thường chỉ cần khoảng 4 giờ để phục vụ khách. Qua thực tế năm đầu tiên, hầu hết mọi người được phỏng vấn đều không còn rụt rè như trước. Họ có suy nghĩ tích cực về du lịch sinh thái, du lịch bền vững và tin

rằng du lịch có tác dụng tốt đến cộng đồng. Du lịch thực sự vừa giúp cộng đồng có ý thức trách nhiệm bảo tồn bản sắc văn hóa, gìn giữ các nét đẹp truyền thống, vừa tạo ra công việc và thu nhập cho họ.

3.2.2. Kinh nghiệm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của Malaysia

Malaysia là đất nước giàu tiềm năng du lịch với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, các giá trị văn hóa dân tộc đặc sắc hấp dẫn. Các yếu tố trên tạo thành một điểm độc đáo trong các sản phẩm du lịch của Malaysia.

Vào những năm gần đây, Chính phủ Malaysia đã đầu tư rất nhiều cho việc bảo tồn các khu rừng nguyên sinh, các khu bảo tồn quốc gia nhằm duy trì một môi trường trong lành và tính hấp dẫn cho các sản phẩm du lịch sinh thái của đất nước mình. Mặc dù vậy, bán đảo còn có một giá trị hấp dẫn khác đối với mỗi khách du lịch đến thăm, đây là nơi quy tụ của hầu hết các nền văn hóa nổi tiếng trên thế giới. Lịch sử đất nước đã ghi nhận sự tồn tại của các nền văn hóa của các quốc gia đã từng xâm chiếm quốc gia này như Bồ Đào Nha, Anh, Hà Lan, Chiêm Thành, Thái Lan, Nhật Bản và văn hóa Malay bản địa. Tất cả các dân tộc trên đều đã lưu lại các dấu ấn văn hóa để hình thành nên nền văn hóa của Malaysia ngày nay. Các giá trị văn hóa bản địa kết hợp với các giá trị văn hóa để hình thành nên nền văn hóa ngoại lai đã được nội địa hóa đã tạo thành một sản phẩm du lịch độc đáo khác của Malaysia - du lịch văn hóa bản địa.

Với những lợi thế như trên, Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch của Malaysia đã xác định mục tiêu phát triển chủ đạo của ngành du lịch là hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, duy trì đa dạng sinh học và phát huy bản sắc văn hóa Malay truyền thống nhưng không phủ nhận sự pha trộn của các dòng văn hóa ngoại lai nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch bền vững độc đáo.

Người dân Malaysia có truyền thống mến khách, ưa thích giao du kết bạn với mọi người và sẵn lòng mời bạn bè, khách du lịch bốn phương về nghỉ tại nhà của mình. Bên cạnh đó, đối với khách du lịch thì các khu nhà truyền thống của

thổ dân Malay luôn luôn là yếu tố thu hút, hấp dẫn họ. Chính vì vậy, chương trình du lịch nghỉ tại nhà dân tại khu làng Desa Murni, ngoại ô Kuala Lumpur được xây dựng như một phần trong hành trình du lịch trên đất nước Malaysia.

Bắt đầu từ năm 1988, chương trình du lịch này được Bộ Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch phê duyệt và tiến hành tại 5 làng: Desa Murni Sanggang, Desa Murni Sonsang, Desa Murni Kerbau, Desa Murni Ketam và Desa Murni Perangap. Chỉ với 90 phút đi ô tô từ trung tâm Kuala Lumpur là khách du lịch có thể tiếp cận được với khu làng này. Mục đích chính của chương trình du lịch nghỉ tại nhà dân nhằm giúp cho khách du lịch có điều kiện được tiếp xúc, trao đổi và trực tiếp tham gia vào đời sống sinh hoạt của cộng đồng người Malaysia bản địa và nhằm tạo điều kiện duy trì và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người dân Malaysia cũng như góp phần nâng cao mức sống cho người dân địa phương.

Trong năm đầu tiên, dự án nghỉ tại nhà dân tại 5 làng này chỉ thu hút được 10 người khách, tuy nhiên chỉ 10 năm sau số lượng các gia đình trực tiếp tham gia đón khách đã tăng lên hơn 100 gia đình đón tiếp một năm khoảng 3.000 đến 4.000 khách. Ban đầu, cơ cấu khách đến khu vực này chủ yếu là người Nhật - những người đã có thời gian dài đô hộ tại mảnh đất này, ngày nay số lượng khách du lịch đến từ Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ cũng bắt đầu tăng dần.

Khách du lịch tham gia vào chương trình du lịch nghỉ tại nhà dân được người dân bản địa đón tiếp nồng hậu, được mọi người trong khu làng coi như thành viên trong gia đình và trực tiếp tham gia vào các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân. Khách du lịch có thể được tham gia trực tiếp vào lễ cưới cổ truyền của người bản xứ trong vai trò của người làm chứng hoặc chủ hôn, tham gia vào các chương trình dã ngoại ngoài trời như câu cá, cắm trại... của học sinh phổ thông, tham gia vào các trò chơi cổ truyền của người bản xứ, hoặc tham gia vào chế biến các món ăn cho các thành viên trong gia đình.

Chương trình đón khách du lịch về nghỉ tại nhà dân tại khu làng Desa Murni được xây dựng đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn

hóa truyền thống của Malaysia phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Theo lời nhận xét của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch Malaysia Dato' Sabbaruddin Chik: “Sự thành công bước đầu của dự án Desa Murni đã đem lại các cơ hội phát triển mới cho nền công nghiệp du lịch của Malaysia cũng như lợi ích cho cộng đồng địa phương, là nền tảng quan trọng cho việc xây dựng các mô hình tương tự tại các làng quê trên toàn bộ lãnh thổ Malaysia”.

3.2.3. Du lịch nông thôn ở Hạ Casamance (Senegal)

Năm 1971, Chính phủ Senegal đã xây dựng một dự án phát triển du lịch cộng đồng với sự giúp đỡ của một tổ chức phi Chính phủ quốc tế thuộc hội các nước nói tiếng Pháp - Tổ chức Hợp tác về Văn hóa và Kỹ thuật (ACCT). Dự án này có tên là “Du lịch khám phá” nằm ở Hạ Casamance, nằm giữa Zambia và biên giới phía nam của Senegal. Đây là nơi định cư của bộ tộc Diola trong các ngôi làng truyền thống có một hệ sinh thái đa dạng và văn hóa dân gian phong phú, là nơi lý tưởng cho dự án thử nghiệm.

Để giảm bớt lượng khách đến trong các làng để hạn chế sự quá tải và các tác động về văn hóa - xã hội, các nhà trọ ở đây bị khống chế công suất, chỉ được đón tối đa 20 - 40 khách/lần và chỉ được xây dựng ở các làng có số dân bằng hoặc lớn hơn 1.000 người. Để giải quyết áp lực do lượng khách đến đông, dự án đã xem xét xây thêm các nhà trọ ở nơi khác chứ không cho phép tăng công suất ở các nhà trọ cũ. Việc điều hành và quản lý các nhà trọ do dân làng tự tổ chức dưới hình thức “hợp tác xã” với một ban lãnh đạo được bầu ra gồm các chức sắc trong làng có trách nhiệm phân bổ và phân phối doanh thu vào cuối năm. Điều hành các hoạt động hàng ngày là 2 nhóm nhỏ bao quát hoạt động phục vụ ăn uống nghỉ ngơi và phục vụ đi lại, vui chơi giải trí. Tiền công chi trả cho họ do cộng đồng quyết định. Hình thức tổ chức quản lý này đã tạo ra hoạt động kinh tế thực sự trong các làng, tập trung mạnh mẽ vào sự tham gia của người dân địa phương, đảm bảo lợi ích thu được từ du lịch tại các làng và cải thiện đời sống cho dân làng, đặc biệt ưu tiên cải thiện cơ sở vật chất cộng đồng, chủ yếu là y tế và giáo dục. Ví dụ, hợp tác xã ở Elinkine đã xây dựng một trạm y tế và một

trường học từ doanh thu du lịch của mình. Các hoạt động khác được quan tâm là trồng rau màu, nuôi gia súc, thả cá và làm hàng thủ công. Một hiệu quả tiềm ẩn khác về mặt xã hội của dự án là tạo ra việc làm cho thanh niên ngay tại địa phương nhờ đó ngăn chặn được tình hình di cư ra các thị trấn lớn để tìm việc làm. Chính phủ đã đưa ra biện pháp khuyến khích cho dự án bằng cách miễn thuế cho các nhà trọ này và giao trách nhiệm chi tiêu công cộng cho họ.

Nhìn chung dự án đã thành công với các khía cạnh: cải tiến hình thức phát triển du lịch truyền thống; tạo ra hoạt động kinh tế bền vững mà không làm mất đi tính thống nhất về xã hội, văn hóa và môi trường của cộng đồng, chi phí đầu tư thấp, giá cả phải chăng và lợi nhuận chuyển lại ngay cho cộng đồng, bản thân dân làng biết họ được hưởng lợi và khách du lịch biết tiền họ tiêu là cho dân làng; và cân nhắc thận trọng và tôn trọng truyền thống địa phương.

3.3. Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu theo hướng phát triển bền vững

3.3.1. Lựa chọn loại hình du lịch phù hợp với định hướng phát triển du lịch

Song song với phát triển du lịch làng nghề, cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề môi trường nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững, do đó cần tập trung di dời các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm (không khí, nước, tiếng ồn) nằm xen kẽ trong khu dân cư đến các khu sản xuất tập trung để xử lý vấn đề ô nhiễm, bảo đảm sức khỏe cộng đồng.

Cùng với những thay đổi tích cực, làng nghề cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có vấn đề phải bảo vệ môi trường làng nghề theo hướng phát triển bền vững. Hiện nay, các chất thải phát sinh đang gây ô nhiễm môi trường, tác động trực tiếp tới sức khỏe người dân. Các kết quả quan trắc trong thời gian gần đây cho thấy mức độ ô nhiễm có xu hướng gia tăng, nhất là ô nhiễm bụi tại. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn ở các làng nghề vẫn còn nhiều hạn chế, gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh.

Vì thế đã có giải pháp thực hiện làng nghề xanh :

Phát triển bền vững là quan điểm cơ bản của Đảng đối với mọi sự phát triển ở nước ta, trong đó có làng nghề. Làng nghề cần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

Một là, chú trọng các chính sách phát triển bền vững làng nghề. Sản xuất kinh doanh phải chú ý cải thiện và bảo vệ môi trường, không hy sinh lợi ích môi trường cho lợi ích kinh tế trước mắt. Nhanh chóng xây dựng, ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó cần quy định rõ trách nhiệm của địa phương, các ngành, lĩnh vực hoạt động làng nghề. Làng nghề tiến hành xây dựng các quy định về vệ sinh, môi trường dưới dạng các quy định, hương ước, cam kết bảo vệ môi trường của chính địa phương mình. Tăng cường hoạt động giám sát môi trường làng nghề và thực hiện kiểm kê nguồn thải; áp dụng công cụ kinh tế như phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn. Xây dựng tiêu chí "Làng nghề xanh" nhằm xếp loại cho các làng nghề bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững.

Hai là, quy hoạch không gian làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm nặng ra khỏi khu vực dân cư. Quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp nhỏ cần tránh xa khu dân cư và quy hoạch đồng bộ mặt bằng sản xuất, kết cấu hạ tầng như đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước, hệ thống thông tin, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn để xử lý tập trung. Quy hoạch khu vực sản xuất tùy thuộc vào đặc thù của các loại hình làng nghề như sản xuất gốm sứ, dệt nhuộm, tái chế giấy... Quy hoạch phân tán, sản xuất ngay tại hộ gia đình kết hợp điều kiện sản xuất với cải thiện vệ sinh môi trường mà không phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nói, mở rộng đường, xây nhà cao tầng, lưu giữ khung cảnh sản xuất, tính cổ truyền nhân văn của làng để có thể kết hợp với du lịch.

Ba là, tăng cường mạnh mẽ công tác quản lý môi trường tại các làng nghề. Những cơ sở mở rộng sản xuất phải thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và đầu

tư theo hướng công nghệ thân thiện với môi trường. Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý chất thải tại làng nghề cần bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành, công nghệ đơn giản, dễ vận hành, chuyển giao, vốn đầu tư, chi phí thấp, phù hợp với điều kiện sản xuất của làng nghề, ưu tiên công nghệ có khả năng tận thu, tái sử dụng chất thải. Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong làng nghề áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn để vừa giảm lượng phát thải, vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Cho vay ưu đãi với lãi suất thấp đối với các chủ cơ sở áp dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến tạo ít chất thải. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các dự án nghiên cứu về áp dụng sản xuất sạch hơn cụ thể cho từng loại hình làng nghề để có mô hình trình diễn nhân rộng.

Bốn là, phát hiện và xử lý trường hợp phát sinh các làng nghề gây ô nhiễm môi trường. Các địa phương và các làng nghề phải khẩn trương xử lý môi trường để được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để. Mặt khác, vẫn cần tăng cường thanh tra, kiểm tra để đưa vào "danh sách đen" làng nghề tiếp tục gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Yêu cầu các làng nghề triển khai áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm giảm thiểu ô nhiễm, xây dựng các lộ trình xử lý ô nhiễm và triển khai thực hiện theo đúng lộ trình được phê duyệt. Một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường không chỉ trong phạm vi làng xã mà lan rộng ra cả một khu vực. Vì vậy, việc xử lý ô nhiễm không chỉ giới hạn trong phạm vi làng nghề mà cần phải xử lý cả khu vực đã bị ô nhiễm.

Năm là, tổ chức các lớp đào tạo, trình diễn thử nghiệm áp dụng sản xuất sạch hơn cho các chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề. Khuyến khích các cơ sở sản xuất xử lý nước thải, khí thải, quản lý môi trường bằng cho vay ưu đãi hoặc giảm thuế. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề. Sự phát triển của làng nghề phải bảo đảm tính bền vững, hài hòa các mặt kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Do đó, một số loại hình làng nghề sẽ phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô sản xuất, một số khác cần được hạn chế, không khuyến khích phát triển và một số hoạt động, công nghệ cần được nghiêm cấm triệt để. Thí dụ, hạn chế phát triển

mới, mở rộng các cơ sở sản xuất tái chế chất thải nguy hại, nghiêm cấm sử dụng trong làng nghề những phương pháp sản xuất thủ công và thiết bị gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc sử dụng quặng có tính phóng xạ.

Sáu là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các làng nghề. Các hoạt động đào tạo, truyền nghề đã có truyền thống từ xưa với những hình thức khá đa dạng. Cần có những khảo sát, đánh giá nhu cầu cần đào tạo cho người lao động các làng nghề; đánh giá đội ngũ nghệ nhân, những người đang truyền nghề tại các làng nghề. Có kế hoạch cụ thể phối hợp giữa các làng nghề và các cơ sở dạy nghề có nghề tương đương để huy động đội ngũ giáo viên dạy nghề tham gia các khóa đào tạo nghề và tổ chức cho học viên thực hành nghề phù hợp. Chú trọng mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm và tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và phổ biến lòng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các làng nghề.

3.3.2. Khuyến khích hợp tác, đầu tư

Để tăng cường sự hợp tác, đầu tư của nhà nước cũng như các tổ chức chính phủ, phi chính phủ cần:

Vận dụng các cơ chế chính sách một cách linh hoạt, sáng tạo để khuyến khích và thu hút các nguồn lực đầu tư từ các tổ chức kinh tế nước ngoài, các tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong nước cho phát triển du lịch nhanh chóng đáp ứng các yêu cầu của quy hoạch. Cần coi trọng sự hợp tác của các bên liên quan trong việc nâng cao chất lượng của các dịch vụ trên mọi phương diện như kết cấu hạ tầng; cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành. Chú ý đảm bảo sự hài hòa về không gian cảnh quan, phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương.

Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương, quy hoạch phát triển của ngành du lịch và các cơ chế chính sách đầu tư chung của tỉnh cùng với những đặc điểm, đặc thù của du lịch để xác định rõ kế hoạch đầu tư cụ thể cho từng giai đoạn nhằm đảm bảo cho sự phát triển du lịch cộng đồng một cách bền vững.

Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch tuyên dụng lao động qua chính sách ưu đãi về thuế, ưu đãi về vay vốn tín dụng; đồng thời ban hành các chính sách ưu tiên người lao động về điều kiện làm việc, chế độ lương bổng và khen thưởng.

3.2.3. Nghiên cứu mô hình “Hợp tác xã du lịch”

Hợp tác xã là mô hình của những người có ít có điều kiện thành lập ra để hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Mô hình hợp tác xã du lịch thực chất nhằm cử ra một ban đại diện cho cộng đồng có tư cách pháp nhân có thể đứng ra thương lượng, giao kèo và ký kết hợp đồng với các đơn vị kinh doanh du lịch khác như các công ty lữ hành, các nhà hàng khách sạn. Làng gốm Chu Đậu có thể phát triển theo 1 số các mô hình hợp tác xã sau:

**** Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp***

- Xã viên: cá nhân, nghệ nhân, người có tay nghề làm hàng thủ công mỹ nghệ, các pháp nhân tham gia cung ứng và bao tiêu sản phẩm.

- Sản phẩm, dịch vụ: Hàng thủ công mỹ nghệ thuần khiết và hàng thủ công mỹ nghệ có gắn chi tiết hiện đại.

- Địa bàn: Gắn với các làng nghề, phố nghề, vùng đất nghề truyền thống, tạo lập nghề mới ở các vùng đô thị hoá, gia công, sản xuất sản phẩm truyền thống của các nền văn hóa trên thế giới và khu vực.

- Hình thức tổ chức kinh doanh: Hợp tác xã sản xuất tập trung cung cấp nguyên liệu qua xử lý, gia công các chi tiết đòi hỏi cơ giới và bí quyết, hỗ trợ đầu vào, đầu ra, đào tạo lao động theo phương thức truyền nghề.

- Vốn: Vốn góp, vốn vay, vốn của các chương trình bảo tồn, phát huy nghề truyền thống, vốn ứng trước...

- Công nghệ: Theo công nghệ truyền thống, tự động hóa một số khâu.

- Thị trường: Xuất khẩu là chính

- Nguồn hỗ trợ: Chương trình khuyến công, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại, du lịch của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ.

Lợi thế của Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp là lao động tại chỗ, đơn giá tiền lương không cao nhưng ổn định, nguồn nguyên liệu tại địa phương, lao động thủ công nên giá thành sản phẩm giảm, có sức cạnh tranh. Vấn đề là tạo mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế...Có thể xây dựng chương trình phát triển hợp tác xã này với sự hỗ trợ tín dụng, chuyên gia để đổi mới công nghệ và mở mang thị trường.

**Hợp tác xã du lịch*

Du lịch nhân dân, xã hội hóa du lịch ý nghĩa 2 chiều:

- Cung cấp dịch vụ: Hợp tác cá nhân, gia đình, pháp nhân có sự phân công, phân nhiệm, chia sẻ lợi ích để làm dịch vụ du lịch bao gồm đầu tư hạ tầng các địa điểm dịch, làm các chuyên du lịch (tuor), kinh doanh ở nơi khách đến, bán dụng cụ, thiết bị, hàng hóa du lịch, bán bảo hiểm và thực hiện dịch vụ bảo hiểm...

- Ví dụ, du lịch sinh thái, văn hoá, làng nghề, dưỡng bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền... cần liên kết các hộ đang sở hữu các giá trị vật chất và phi vật thể. Hợp tác xã có thể huy động vốn góp của xã viên đầu tư hạ tầng, quảng cáo tiếp thị, giới thiệu khách đến. Với cách đầu tư tập trung, tiếp thị tổng thể sẽ giảm chi phí cá biệt của mỗi hộ kinh doanh du lịch, mang lại hiệu quả trực tiếp cho xã viên kinh doanh phục vụ khách du lịch.

- Sử dụng dịch vụ du lịch: Nhu cầu số đông xã viên và người lao động được hợp tác xã du lịch thoả mãn với chi phí hợp lý.

- Xã viên sử dụng dịch vụ du lịch của hợp tác xã thường xuyên, ổn định được ưu đãi về giá mỗi chuyến du lịch. Hợp tác xã lấy lãi kinh doanh du lịch để giảm giá cho xã viên trong những chuyến tham quan, học hỏi kinh nghiệm làm du lịch ở nơi khác.

- Ý nghĩa kinh tế xã hội: Thực hiện được văn minh du lịch, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, đeo bám, làm phiền hà khách; tạo dựng hình ảnh, thương hiệu để tăng số lượng khách đến, ngày lưu trú, giá trị mua sắm, sử dụng dịch vụ.

** Hợp tác xã dịch cộng đồng*

- Xã viên: Những cá nhân, hộ, pháp nhân có những nhu cầu thường xuyên, giá trị nhỏ, hoặc những yêu cầu mang tính văn hóa truyền thống như lễ hội, tang lễ, cưới hỏi, thăm hỏi giúp đỡ khi đau ốm, gia đình có việc vui, buồn...

- Sản phẩm, dịch vụ: Các dịch vụ mà các tổ chức khác không muốn, không có khả năng đảm nhận do quy mô nhỏ và hiệu quả không cao. Hợp tác xã có thể phát phiếu thăm dò nhu cầu của cộng đồng dân cư để tính được nhu cầu chung, nhu cầu của mỗi nhóm sở thích... tiến tới tham gia đầu tư, quản lý khai thác các dịch vụ công cộng như hoạt động văn hoá, giáo dục cộng đồng, thể dục thể thao, tư vấn pháp luật, tư vấn đầu tư, tiêu dùng...

- Địa bàn: Gắn với một cụm dân cư nhất định.

- Hình thức tổ chức kinh doanh: Tập trung, sử dụng lao động là xã viên các cộng tác viên, người lao động tự do.

- Vốn: Vốn góp của xã viên, vốn vay, vốn ứng trước của khách hàng theo quý và cả năm, các khoản lệ phí của thành viên tham gia mỗi nhóm...

- Công nghệ: Áp dụng các công nghệ đạt tiện ích, giảm chi phí trên mỗi dịch vụ.

- Thị trường: Xã viên, khách hàng trên địa bàn.

- Nguồn hỗ trợ: Tận dụng các nguồn của Chính phủ, các nhà tài trợ theo chương trình dự án.

Liên kết các cơ sở, các hộ sản xuất ở làng nghề thành những cơ sở, những doanh nghiệp mạnh, theo mô hình tổ hợp tác hay các hợp tác xã đóng vai trò như là một người đỡ đầu, giúp các làng nghề tìm đầu vào, tiêu thụ và tìm kiếm thị trường cho sản phẩm. Khi làm được điều này, làng nghề sẽ có lực để bước ra, tìm hiểu thị trường và theo sát được nhu cầu của thị trường.

Các tổ hợp tác hình thành theo địa bàn dân cư có nhu cầu hợp tác sản xuất kinh doanh, trợ vốn, các tổ viên có mối liên hệ tình làng, nghĩa xóm, cùng sở thích, tự nguyện góp vốn, góp sức bầu ra tổ trưởng, thư ký (kế toán), có quy định nội bộ, hợp tác có thời hạn theo vụ việc hoặc ổn định lâu dài, có thông báo với ủy ban nhân dân cấp xã, một số có chứng thực để thuận lợi khi giao dịch với khách

hàng ở ngoài địa phương. Tổ hợp tác trọng chữ tín, chữ tình trong quan hệ kinh tế. Các tổ gắn với các đoàn thể như cựu chiến binh, phụ nữ, thanh niên, hội nghề nghiệp, các chương trình dự án quốc gia xoá đói, giảm nghèo, xây dựng giao thông nông thôn, chương trình tín dụng nhỏ... hình thành các tổ chuyên làm một, một số khâu dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, chung chia chi phí và kết quả do tổ thực hiện, giúp cho mỗi hộ thành viên tăng thêm việc làm, thu nhập, giảm thiểu rủi ro, các tổ tín dụng nhỏ cho vay từ 200000 đồng không phụ thuộc giờ hành chính, các thủ tục vay đơn giản theo mẫu quy định.

Không chỉ giúp giữ nghề truyền thống, hợp tác xã còn góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông nhân tại địa phương. Người thợ làm chiếu bây giờ không còn phải lo tìm đầu ra cho sản phẩm mà chỉ tập trung làm nghề, dồn tâm huyết dệt nên những sản phẩm chất lượng cao

3.2.4. Các nhóm giải pháp cụ thể

**** Về tài nguyên tự nhiên và nhân văn***

Du lịch là một ngành phát triển dựa vào tài nguyên là chính, trong đó bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, do vậy để phát triển du lịch bền vững thì vấn đề quan trọng được đặt ra là phải có biện pháp để vừa khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ cho phát triển du lịch, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái và duy trì được bản sắc văn hoá vốn có của địa phương. Điều 13 của Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên thế giới đã khẳng định “sự xuống cấp hoặc sự biến đổi một tài sản văn hóa và tự nhiên là một sự làm nghèo nàn di sản của tất cả các dân tộc trên thế giới”. Chính vì vậy, việc bảo tồn các giá trị này là vô cùng quan trọng không chỉ cho hoạt động du lịch mà còn cho cuộc sống của toàn thể nhân loại.

Trong các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng trên thế giới cũng như ở Việt Nam thì bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu. Để phát triển hơn nữa hiệu quả của mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu cần có những giải pháp cụ thể cho vấn đề tài nguyên và môi trường như sau:

Đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên: nằm trong huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương là nơi có nhiều di tích, danh lam thắng cảnh. Toàn huyện có nhiều di tích lịch sử đền, chùa, miếu, trong đó có 11 di tích được Nhà nước xếp hạng, mặt khác Nam Sách là một miền quê trù phú về phát triển cây vụ đông xuân, phát triển các làng nghề, phải kể đến 2 làng nghề là sấy rau quả ở Mạn Thạch Đê (xã Nam Trung) và làm hương (xã Quốc Tuấn). Đó là những tiềm năng để huyện có thể phát triển du lịch, văn hoá, thu hút khách tham quan, tìm hiểu lịch sử văn hoá dân tộc... Chu Đậu có được vị thế rất thuận lợi cho phát triển du lịch. Đặc biệt, huyện có Cầu Bình bắc qua sông Kinh Thầy nối liền Nam Sách với Chí Linh, nơi đây có điểm du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc, là một trong những địa điểm du lịch trọng điểm của toàn tỉnh Hải Dương. Với bề dày lịch sử và sự hấp dẫn về văn hóa làng nghề, làng gốm Chu Đậu đang trở thành điểm dừng chân của rất nhiều người muốn tìm đến với vẻ đẹp đậm chất làng quê hoang sơ mà rất thơ mộng. Tuy nhiên nếu không có biện pháp bảo vệ kịp thời thì rất có thể trong tương lai không xa khu du lịch sẽ mất dần đi vẻ đẹp giản dị vốn có của nó.

Trước mắt, tỉnh và huyện cần có những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường thông qua chương trình giáo dục. Phối hợp với các ngành giáo dục đưa giáo dục môi trường vào chương trình chính khóa và ngoại khóa của giáo dục phổ thông đồng thời với việc thường xuyên tổ chức các buổi họp cộng đồng. Nội dung giáo dục phải phù hợp với phong tục tập quán và lối sống văn hóa của người dân địa phương, sử dụng phương pháp đơn giản hóa ngôn ngữ và chuyển thể thành dạng ngôn ngữ mà người bình thường cũng có thể hiểu được. Cụ thể là:

- Nâng cao nhận thức của các đối tượng về các giá trị của tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, lịch sử hình thành, nét đẹp làng nghề...
- Giáo dục một số kỹ năng bảo vệ môi trường như: phòng chống cháy nổ, bảo vệ không gian sống, kỹ năng phân loại rác...
- Giáo dục về đạo đức môi trường và cách ứng xử thân thiện với môi

trường cho cả người dân và khách du lịch.

Về phương pháp thực hiện, tùy theo trình độ hiểu biết của mỗi đối tượng khác nhau để có cách giáo dục cho phù hợp nhất. Ví dụ, đối với học sinh, có thể lồng ghép chương trình học với các hoạt động ngoại khóa về môi trường và các điểm du lịch; đối với người dân địa phương thì phải chọn các phương pháp giáo dục truyền thống, hướng vào cộng đồng hay với khách du lịch, chúng ta có thể vừa giới thiệu cho khách vừa diễn giải về môi trường bằng ngôn ngữ của khách.

Ngoài ra, một biện pháp cần thực hiện ngay đó là xây dựng các thùng rác và nội quy bảo vệ môi trường và tôn trọng nên văn hóa bản địa trên các tuyến du lịch thuộc xã với nguyên tắc thân thiện với môi trường, cần có những giải pháp kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm thiểu nguồn rác thải và xử lý ô nhiễm môi trường:

- Thành lập các đội tu dưỡng các tuyến trekking, hệ thống nước, thu gom rác thải (có thể phân theo khu do các tổ chức như đoàn thanh niên, hội phụ nữ quản lý hoặc có thể vận động các hộ gia đình trực tiếp tham gia vào việc vệ sinh thường xuyên tại khu vực dân cư).

- Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm bảo vệ tài nguyên du lịch như xây dựng mô hình sử dụng biogas, sử dụng chất đốt làm tổn hại đến tài nguyên du lịch.

- Huyện nên bố trí các thùng đựng rác dọc con đường trên chuyến hành trình của khách.

Quán triệt sâu sắc chỉ thị số 07 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường giữ trật tự, trị an và vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan du lịch, đồng thời bổ sung vào các chương trình du lịch cộng đồng các hoạt động cụ thể như tạo điều kiện cho khách du lịch cùng nhân dân tham gia trồng cây lưu niệm, tham quan các lò gốm của làng, thu gom rác và vệ sinh làng, sửa sang trường học và các công trình công cộng khác. Để làm được điều đó cần xây dựng một chương trình du lịch độc đáo, hướng đến du lịch xanh và con người thân thiện.

- Bảo vệ và giữ gìn, đồng thời phát huy những giá trị văn hoá truyền thống

của địa phương: Giá trị văn hoá địa phương là một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng góp phần tạo nên bản sắc văn hoá riêng của một điểm du lịch. Chính vì vậy, huyện Nam Sách cần có các biện pháp cụ thể hơn trong việc giữ gìn và phát huy vốn văn hóa truyền thống của đảo:

+ Xây dựng và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các món ăn truyền thống và mang đậm bản sắc địa phương. Qua đó cũng là dịp để giới thiệu đến khách du lịch, đồng thời đây cũng là các sự kiện thu hút sự chú ý của du khách và người dân địa phương.

+ Nghiên cứu, khôi phục lại nét văn hóa truyền thống của cư dân làng gốm : lễ hội, các điệu múa, bài hát, thơ văn về gốm Chu Đậu. Xây dựng các đội văn nghệ dân gian thu hút sự tham gia của tất cả các hộ gia đình trong các xã, thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu học hỏi kinh nghiệm. Đây là đội văn nghệ nòng cốt cho phong trào văn hóa, văn nghệ của xã và sẽ là đội văn nghệ tham gia biểu diễn phục vụ khách.

+ Kêu gọi nhân dân tìm hiểu và tham gia về nghề gốm truyền thống của địa phương, từ đó vừa tạo cơ hội cho nghề gốm sẽ lan rộng, phát triển ,vừa tạo cơ hội phát triển kinh tế cho nhân dân.

Đồng thời cần tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp dân cư về trách nhiệm bảo tồn các di sản cũng như để người dân thấy được tầm quan trọng của công tác bảo tồn các giá trị truyền thống của dân tộc mình, cũng như họ sẽ biết cách để giữ gìn truyền thống ấy.

** Về yếu tố cộng đồng dân cư và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch*

Huyện Nam Sách có ưu thế nguồn lực dồi dào. Năm 2005, số người trong độ tuổi lao động chiếm 54,7% dân số huyện, số người tham gia hoạt động kinh tế chiếm 95% số người trong độ tuổi lao động, trong số đó có 33.3 đã được đào tạo nghề. Người dân Nam Sách lại có truyền thống hiếu học, cần cù, chịu khó, giàu nghị lực, có quyết tâm vươn lên trong phát triển kinh tế, sáng tạo trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể.

Đây chính là lợi thế để phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, phục vụ cho việc

phát triển sản xuất và kinh doanh của làng gốm Chu Đậu. Tuy nhiên chính những hạn chế về nguồn nhân lực hiện nay đang làm cản trở việc khôi phục làng gốm.

Những yêu cầu bức bách về nguồn nhân lực hiện nay đòi hỏi phải có một giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho gốm Chu Đậu một cách bền vững. Giải pháp cần chú trọng vào những nội dung sau:

- Trước tiên nên có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dài hạn bằng việc khơi dậy lòng tự hào của người dân Chu Đậu về nghệ thuật gốm độc đáo của cha ông mình. Xây dựng trường dạy nghề gốm miễn phí cho con em ngay tại địa phương. Hợp tác với các trường đại học mỹ thuật để đưa kiến thức về gốm Chu Đậu vào nội dung chương trình giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho gốm Chu Đậu.

- Bên cạnh đó, đảm bảo thu nhập cho công nhân là một việc làm hết sức quan trọng đối với việc duy trì và phát triển nguồn nhân lực nghề gốm Chu Đậu. Hiện nay mức lương trung bình của công nhân xí nghiệp gốm Chu Đậu chỉ vào khoảng 800 nghìn đồng/ người /tháng trong khi hàng hoá làm ra của xí nghiệp chủ yếu phục vụ xuất khẩu. Trong điều kiện kinh tế nông thôn còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay thì mức lương này là có thể chấp nhận được nhưng để người lao động gắn bó lâu dài với nghề và thu hút thêm một lượng lao động trẻ mới thì mức lương trên cần phải được nâng lên. Khi kinh tế được đảm bảo thì người lao động mới an tâm gắn bó và cống hiến cho nghề, tạo ra những sản phẩm chất lượng, góp phần tạo uy tín cho sản phẩm của xí nghiệp cũng như thương hiệu gốm Chu Đậu.

- Ban hành những chính sách thu hút người tài từ những địa phương, làng nghề gốm khác về phục vụ cho việc sản xuất, kinh doanh gốm Chu Đậu. Tạo điều kiện để họ phát triển kinh doanh sản xuất, tuyển dụng lao động, trao đổi những kinh nghiệm về sản xuất quản lý điều hành công việc. Khi người dân được tạo điều kiện thuận lợi để kinh doanh sản xuất thì đồng thời sẽ giải quyết được công ăn việc làm cho lao động tại địa phương, góp phần phát triển nghề gốm Chu Đậu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch làng

nghề. Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nghệ nhân sản xuất giỏi các mặt hàng gồm Chu Đậu mỹ nghệ truyền thống. Hàng năm nên tổ chức “Lễ hội làng nghề” để tôn vinh các nghệ nhân, tăng tính hấp dẫn và thu hút sự chú ý của khách du lịch. Có kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng đội ngũ thuyết minh viên du lịch từ những nghệ nhân, người thợ ở làng nghề. Mở những khoá đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ làm công tác phục vụ khách hàng. Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về lợi ích của du lịch làng nghề để họ tham gia tích cực vào các hoạt động đón tiếp khách du lịch, cũng như ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của sản phẩm làng nghề và văn hóa đặc sắc địa phương, tạo môi trường văn minh, lịch sự, hấp dẫn khách du lịch khi đến thăm quan làng nghề gồm Chu Đậu.

Ngoài ra, cũng phải cần có những biện pháp để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, như:

- Có các dự án về các khu vui chơi, nhà hàng, khách sạn... thu hút vốn đầu tư của nhà nước cũng như các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để tăng cường cơ sở hạ tầng cho làng gồm Chu Đậu phục vụ du lịch.

- Đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải du lịch, bảo vệ môi trường, đảm bảo tính bền vững cũng như nâng cấp vệ sinh lương thực, thực phẩm, vệ sinh sinh hoạt tại các hộ gia đình để phục vụ khách tốt hơn.

** Thị trường khách du lịch*

Khách du lịch đến với làng nghề thường “ một đi không trở lại” , đây là tình trạng chung cho hầu hết các làng nghề tại Việt Nam bởi lý do nhàm chán. Vậy để khách du lịch quay trở lại với làng nghề cần: Hoàn thiện quy hoạch hệ thống các làng nghề phục vụ du lịch và đẩy mạnh đầu tư nhằm hoàn thiện đồng bộ để hình thành ở mỗi làng nghề là một điểm đến. Trong đó, ưu tiên cải tạo và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho làng nghề gắn với chương trình văn hóa nông thôn mới, tập trung vào hệ thống công trình giao thông đi lại... quá trình đầu tư có tính đến sự phù hợp của hệ thống đối với cảnh quan tự nhiên của các làng nghề nhằm thu hút khách du lịch.

Nâng cao hoạt động của làng nghề gắn với hoạt động du lịch. Lựa chọn một số hình thức du lịch đang thu hút khách để định hướng đầu tư các dịch vụ du lịch, hình thành nên các phòng trưng bày (hay bảo tàng làng nghề) các trạm thông tin và hướng dẫn du lịch. Ưu tiên việc đầu tư các thiết chế văn hóa thể thao để duy trì và tăng cường các hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng làng nghề phục vụ khách. Tích cực tuyên truyền văn hóa du lịch tới từng hộ dân để từng bước đẩy mạnh hoạt động du lịch cộng đồng tại làng nghề, hướng đến tự các làng nghề tổ chức và điều hành các hoạt động du lịch. tiếp tục đầu tư vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia để trùng tu, tôn tạo các di tích gắn với lịch sử làng nghề. Phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống như các phong tục, tập quán riêng có của nghề gốm Chu Đậu.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá về du lịch làng nghề như tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm, hội chợ du lịch trong nước và quốc tế. Giới thiệu thông tin chi tiết về các sản phẩm làng nghề trên các tạp chí, các phương tiện thông tin đại chúng, các sách báo, ấn phẩm mà khách du lịch thường quan tâm theo dõi. Đẩy mạnh việc trưng bày, giới thiệu sản phẩm ở các thành phố, đô thị lớn là nơi tập trung nhiều khách du lịch. Các cửa hàng trưng bày này có thể kết hợp giới thiệu về những truyền tích, giai thoại về các vị tổ sư, những người thợ cùng với kinh nghiệm kết tinh trí tuệ nét đẹp văn hóa của những làng nghề.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về du lịch để hình thành một đội ngũ du lịch tại chỗ theo hai hướng: Hình thành đội ngũ quản lý và điều hành hoạt động du lịch tại làng nghề, huy động cộng đồng dân cư tại làng nghề tham gia vào quá trình hoạt động du lịch. Trong đó, ưu tiên vinh danh những nghệ nhân và khuyến khích những nghệ nhân này trực tiếp hướng dẫn khách du lịch tham gia vào quá trình hướng dẫn sản xuất sản phẩm cho các khách du lịch.

Đa dạng hóa sản phẩm làng nghề, tập trung sản xuất các mặt hàng có giá trị nghệ thuật, phù hợp với thị hiếu của khách du lịch. Hầu hết khách du lịch khi đi du lịch ít khi mua các sản phẩm có kích thước và trọng lượng lớn. Họ thường có xu hướng mua các sản phẩm vừa và nhỏ, độc đáo, lạ mắt, có giá trị nghệ thuật

để làm đồ lưu niệm hoặc làm quà cho người thân. Làng nghề gốm Chu Đậu cần tìm hiểu nắm bắt được nhu cầu này của khách du lịch để tạo ra các sản phẩm phù hợp. Đối với một số làng nghề, khi khách du lịch tới tham quan các cơ sở sản xuất có thể hướng dẫn họ tự làm một số sản phẩm đơn giản. Khách du lịch thường tìm hiểu quy trình sản xuất, cách làm và đặc biệt thích tự tay mình làm được một sản phẩm nào đó dù rất đơn giản dưới sự hướng dẫn của các nghệ nhân hay những người thợ ở đây. Khi đó những trải nghiệm mà khách du lịch có được sẽ càng có giá trị và ấn tượng mạnh mẽ về chuyến đi. Nó cũng sẽ tạo nên sự khác biệt, điểm nhấn độc đáo của chuyến tham quan.

Liên kết xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các công ty du lịch của tỉnh và các địa phương khác để xây dựng sản phẩm, thường xuyên cập nhật thông tin và có nguồn khách ổn định. Các đơn vị kinh doanh lữ hành cần phối hợp cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức tốt các tua du lịch làng nghề để thông qua khách du lịch có thể quảng bá sản phẩm bằng hình thức truyền miệng từ người này sang người khác.

** Về cơ chế, chính sách và công tác quản lý*

Cơ chế chính sách:

Chính sách phát triển du lịch cộng đồng có tác động mạnh tới xóa đói, giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, hướng tới công bằng và phát triển đồng đều giữa các vùng, miền, địa phương, giá trị thụ hưởng du lịch được nâng cao, sản phẩm du lịch đa dạng hơn, hiệu quả du lịch thiết thực có địa chỉ.

Các chính sách phát triển du lịch mang tính ưu tiên, có mối liên quan hữu cơ với nhau, cần được ban hành và thực hiện đồng bộ gắn với những điều kiện tiên quyết. Chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển du lịch là các bước thực hiện chính sách do vậy cần có đủ những điều kiện cần thiết để chính sách được thực thi hiệu quả. Sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các địa phương quyết định đến sự thành công của các chính sách.

Xây dựng đội ngũ nhân lực. Trước hết, đó là đội ngũ những người quản lý du lịch làng nghề: Họ cần có tầm nhìn cũng như những kiến thức mới về du lịch làng nghề; say mê với công việc, luôn đổi mới, không chịu dừng lại ở những cách làm cũ, sáo mòn (đang khá phổ biến ở nhiều tổ chức du lịch làng nghề), mà luôn luôn sáng tạo những sản phẩm mới, cách làm mới hấp dẫn khách du lịch hơn.

Việc bồi dưỡng, đào tạo hướng dẫn viên đang rất cần thiết, kể cả về nghiệp vụ và ngoại ngữ, song quan trọng là am hiểu về làng nghề. Chú trọng đào tạo hướng dẫn viên là những con em các làng nghề, là những người tâm huyết, gắn bó với làng nghề, hiểu biết sâu sắc những vấn đề cần giới thiệu với khách du lịch.

Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo du lịch làng nghề. Cuối cùng, để thực hiện những giải pháp cần thiết nhằm khai thác và phát huy tiềm năng du lịch làng nghề, rất cần nâng cao tầm nhìn của người quản lý đi đôi với đổi mới công tác điều hành, chỉ đạo du lịch làng nghề.

Công tác quản lý nhà nước:

Cần tập trung vào các việc như: hoàn chỉnh quy hoạch làng nghề, trong đó có quy hoạch du lịch, tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch có sự kết hợp giữa các ngành liên quan, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch (như việc cấp visa cho khách du lịch nước ngoài), tăng cường đầu tư cho xúc tiến du lịch, cho kết cấu hạ tầng làng nghề, khắc phục ô nhiễm môi trường... Khuyến khích hơn nữa các công ty tư nhân, coi đây là một nhân tố chủ yếu trong việc phát triển du lịch làng nghề xứng tầm và đạt hiệu quả cao hơn.

Sự kết hợp giữa Nhà nước, bản thân các làng nghề và của khu vực tư nhân là rất cần thiết để ngành “công nghiệp không khói” này mang lại thêm hiệu quả hơn nữa cho công cuộc phát triển đất nước.

Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ công tác khôi phục lại các lò gốm truyền thống. Trong khai thác du lịch làng nghề, các doanh nghiệp du lịch đưa khách đến thăm quan cần thực hiện phân chia lợi nhuận thu được

qua các hình thức đóng góp xây dựng đối với cộng đồng làng nghề và trả lương cho những nghệ nhân, thợ thủ công và thuyết minh viên ở các cơ sở để họ yên tâm với nghề. Du lịch làng gốm Chu Đậu sẽ thực sự hấp dẫn, có hiệu quả khi các cấp ủy, chính quyền địa phương và ngành du lịch quan tâm tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách đúng đắn, thiết thực và mang tính chiến lược lâu dài. Bên cạnh đó là chú trọng công tác quảng bá, thu hút khách, nâng cao chất lượng sản phẩm và đội ngũ những người làm công tác du lịch làng nghề.

**Về sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính phủ*

Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ để khôi phục, phát triển nghề gốm truyền thống ở thôn Chu Đậu tiến tới phát triển cho thương hiệu gốm Chu Đậu và phát triển du lịch làng gốm như sau :

- Nhà nước cần ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích khôi phục làng nghề gốm Chu Đậu theo xu hướng phát huy thế mạnh của làng về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kết hợp với truyền thống kinh doanh, văn hoá và xã hội gắn với bảo vệ môi trường, tái sinh các nguồn lợi thiên nhiên. Các hình thức khuyến khích có thể là hỗ trợ kinh phí đào tạo nghệ gốm nhân trẻ, hỗ trợ thông tin thị trường miễn phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tăng cường khuyến khích sản xuất thông qua các chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, đào tạo nghề cho các đơn vị tham gia sản xuất gốm Chu Đậu...

- Đề ra chính sách khuyến khích phát triển làng nghề gốm Chu Đậu, kết hợp công nghệ truyền thống với các kỹ thuật mới hiện đại thích hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các tổ chức đại diện cho giới kinh doanh và cơ quan thương mại của Nhà nước hỗ trợ về thông tin thị trường, giá cả, công nghệ và đào tạo các nghệ nhân gốm, chủ kinh doanh các kiến thức về thị trường, quản lý, tài chính, đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích thợ trẻ nối nghiệp nghề truyền thống, và giới thiệu sản phẩm gốm Chu Đậu với thị trường bên ngoài .

- Cải tiến hệ thống thông tin thị trường, giá cả nhằm hỗ trợ các đơn vị tham gia sản xuất kinh doanh sản xuất gốm Chu Đậu, nắm bắt tốt hơn những thay đổi về thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Hỗ trợ về nghiên cứu phát triển

sản phẩm mới, cải tiến công nghệ cho phù hợp với điều kiện mới nhằm nâng cao hàm lượng truyền thống, tính đặc sắc của sản phẩm gốm Chu Đậu nhưng vẫn mang hơi thở của thời đại.

- Ban hành một số chính sách khuyến khích về vốn, tín dụng và thuế đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gốm Chu Đậu. Hỗ trợ vốn phát triển ở giai đoạn đầu cho những lò gốm mới thành lập. Cung cấp tín dụng thương mại dài hạn đối với các hộ làm nghề để họ có điều kiện mở mang cơ sở sản xuất, cải tiến phương thức quản lí, điều hành kinh doanh.

- Xúc tiến xây dựng các trung tâm hỗ trợ tư vấn cho các cá nhân đơn vị tham gia kinh doanh sản xuất gốm Chu Đậu và tiến tới hoà nhập làng gốm Chu Đậu với các hội làng nghề khác để huy động các nguồn lực bên ngoài Nhà nước vào sự phát triển của làng nghề. Đồng thời có những quy hoạch hoàn thiện về kết cấu hạ tầng cơ sở, điện, nước, viễn thông, hệ thống xử lí nước thải...nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và du lịch làng nghề, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân làng gốm Chu Đậu.

3.3. Một số khuyến nghị

Để kinh tế và du lịch của làng gốm truyền thống Chu Đậu phát triển một cách bền vững cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ từ người dân phía làng nghề đến chính sách vĩ mô từ phía Nhà nước.

3.3.1. Với chính quyền địa phương

Bản thân các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, xí nghiệp tại địa phương phải biết liên kết lại với nhau để hình thành những cơ sở, những doanh nghiệp mạnh ở ngay trong làng để tăng sức cạnh tranh với sản phẩm của các làng nghề khác. Các cơ sở, xí nghiệp sản xuất kinh doanh cũng nên chú trọng đến việc tiếp thị, quảng bá cho hình ảnh thương hiệu gốm Chu Đậu, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, bảo vệ môi trường cảnh quan, các di tích lịch sử, khảo cổ...để phát triển một cách bền vững.

Tuy nhiên, thiết nghĩ vấn đề quan trọng là các chính sách vĩ mô từ phía nhà nước để tạo điều kiện cho làng nghề gốm Chu Đậu phát triển. Lâu nay, Nhà nước với các chính sách, nguồn vốn của mình chỉ luôn chú trọng đến các doanh

ng nghiệp lớn, đặc biệt là doanh nghiệp quốc doanh, mà lơ là các cơ sở sản xuất nhỏ ở làng nghề. Chỉ khi nào Nhà nước quan tâm hơn đến thành phần kinh tế tư nhân nhỏ ở làng nghề bằng các giải pháp cụ thể như ban hành những chính sách thông thoáng, nguồn vốn dễ tiếp cận, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ đào tạo nghề cho con em địa phương, giúp đỡ giải quyết vấn đề cơ sở hạ tầng, nạn ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải...thì làng nghề gốm Chu Đậu mới phát triển đồng bộ được. Khi đó bộ mặt vùng quê thuần nông ven sông Thái Bình này sẽ đổi thay toàn diện và nghề làm gốm truyền thống sẽ được phục dựng và phát triển lên một tầm cao mới, không những trở thành một trung tâm sản xuất gốm lớn của phía Bắc, mà còn sẽ hình thành một khu du lịch sinh thái – làng nghề hấp dẫn khách du lịch thập phương.

3.3.2. Với các công ty du lịch

Đối với các công ty du lịch cần phải :

- Rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển làng nghề, gắn quy hoạch làng nghề với những điểm du lịch văn hóa, du lịch tự nhiên của xã và của huyện để đa dạng hóa lịch trình, tạo ra những tour hấp dẫn và có sức cạnh tranh cao. Hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng và bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan làng nghề đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Nên lựa chọn những gia đình còn giữ được nghề gốm truyền thống, có mặt bằng rộng để có thể giới thiệu cho khách du lịch tham quan hoặc tham gia vào một số công đoạn của quá trình sản xuất. Tùy theo điều kiện cụ thể, có thể thành lập phòng giới thiệu sản phẩm chung hoặc ở từng hộ gia đình để tạo hệ thống dịch vụ, bán sản phẩm, đồ lưu niệm cho khách du lịch, giúp tăng thu nhập cho nhân dân trong vùng. Ngoài ra, làng gốm Chu Đậu cũng cần có quy hoạch chi tiết các khu vực bãi đỗ xe, khu ăn uống, vệ sinh công cộng...để tạo nên các chương trình du lịch trọn gói và các dịch vụ liên hoàn.

- Hoàn thiện sản phẩm du lịch theo hướng bảo tồn và phát triển sản phẩm các làng nghề, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách đến tham quan. Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tiến mẫu mã sản phẩm tạo ra hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu

dùng. Mặt khác cần duy trì các mẫu sản phẩm truyền thống mang đặc thù của làng nghề. Thực tế hiện nay, nhiều khách du lịch muốn đến tận làng nghề để tham quan, tìm hiểu xem cách thức của người xưa sản xuất làm ra sản phẩm như thế nào và hơn thế nữa họ muốn được trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ấy, thậm chí đó là một sản phẩm theo ý tưởng, mẫu thiết kế riêng cho khách du lịch. Đáp ứng được những nhu cầu đó, làng nghề gốm Chu Đậu sẽ là điểm dừng chân thú vị và độc đáo cho khách du lịch trong nước lẫn quốc tế, đây là kỷ niệm thú vị với họ, tránh sự nhàm chán, đơn điệu cho khách du lịch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá, thu hút khách và giúp làng nghề gốm Chu Đậu tiêu thụ sản phẩm, duy trì sản xuất. Xây dựng và đưa các thông tin liên quan đến làng nghề như quá trình sản xuất, lịch sử phát triển, các truyền thuyết lên website của các công ty, xí nghiệp sản xuất kinh doanh gốm Chu Đậu và internet. Xuất bản các ấn phẩm chuyên về làng nghề gốm Chu Đậu, phân phát trong các hội chợ, hội thảo, phòng thông tin du lịch ở sân bay, nhà ga, khách sạn. Tổ chức đoàn khảo sát giới thiệu sản phẩm cho các công ty lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa. Tăng cường quảng bá du lịch làng nghề gốm Chu Đậu trên các báo, tạp chí, truyền hình trong và ngoài tỉnh để thu hút khách du lịch trong nước. Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận để đa dạng hóa lịch trình điểm đến của tour. Phối hợp những điểm du lịch làng nghề gốm Chu Đậu với những điểm du lịch văn hóa, lịch sử, lễ hội của tỉnh Hải Dương và của Hà Nội, du lịch biển Hải Phòng và Quảng Ninh để tạo ra những tour du lịch hấp dẫn, thu hút khách du lịch. Một điểm quan trọng khi đến các làng nghề, khách tham quan thường có thói quen mua các đồ của địa phương làm kỷ niệm, chính điều đó đã góp phần quan trọng trong việc quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút khách du lịch cho làng nghề gốm Chu Đậu.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, khóa luận đã nghiên cứu và đưa ra các định hướng về: Không gian du lịch, sản phẩm du lịch, phát triển nguồn nhân lực cùng với định hướng về vốn đầu tư trong thời gian tới đối với du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu.

Cùng với đó là đề xuất một số giải pháp để giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu.

KẾT LUẬN

Du lịch cộng đồng ở làng nghề đang ngày càng thu hút và có sức hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Mô hình du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu - Hải Dương được sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh Hải Dương quan tâm đầu tư, hỗ trợ và đang được triển khai và bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định. Bên cạnh cảnh quan thiên nhiên vừa giản dị vừa nên thơ như một bức tranh sơn thủy hữu tình, những nét văn hóa truyền thống của người dân nơi đây rất cần được khôi phục, bảo tồn và phát triển không chỉ phục vụ du lịch mà còn cần có sự bảo tồn đúng mức để đảm bảo tính bền vững trong tương lai cho du lịch cộng đồng Chu Đậu.

Do đó, sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào hoạt động du lịch có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của làng gốm. Những kết quả thu được bước đầu đã phần nào khẳng định được sự thành công của mô hình này trong tương lai. Mặc dù còn nhiều bất cập cần giải quyết, song đây có thể coi là mô hình thí điểm về du lịch cộng đồng để từ đó tỉnh Hải Dương có thể nhân rộng ra các xã khác trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của hoạt động du lịch tỉnh Hải Dương nói chung và của địa phương triển khai mô hình nói riêng. Khách du lịch đến với làng gốm Chu Đậu hôm nay không chỉ được tham quan các sản phẩm gốm sứ mà còn được hòa mình vào cuộc sống sinh hoạt của người dân nơi đây.

Với mong muốn hoạt động du lịch cộng đồng tại làng gốm Chu Đậu phải đảm bảo sự phát triển một cách bền vững đối với cộng đồng địa phương thì cần sự chung tay góp sức xây dựng và phát triển của tất cả mọi người. Đây cũng chính là mục tiêu phát triển bền vững mà làng gốm Chu Đậu sẽ đạt được trong thời gian không xa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Thế Đạt (2003), *Du lịch và du lịch sinh thái*, NXB Lao Động Hà Nội.
2. Tăng Bá Hoành (1999) ,*Góm Chu Đậu*, Bảo tàng tỉnh Hải Dương.
3. Nguyễn Đình Hoè, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Trần Thị Mai (2005),*Định nghĩa, đặc trưng và các quan điểm phát triển du lịch cộng đồng*, Đại học Huế.
6. Võ Quế (2006), *Du lịch Cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng, tập 1*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
7. Bùi Văn Vượng (2002), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin.
8. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2007), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Bùi Thị Hải Yến (2010), *Bước đầu nghiên cứu phát triển du lịch cộng đồng*, Tạp chí Du lịch số 4/2010.

Nước ngoài

- 11.Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas, *Community Based Sustainable Tourism A Reader*, 2000
12. *Responsible Ecological Social Tours*, Thailand, 1997

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh về làng gốm Chu Đậu và hoạt động du lịch cộng đồng tại đây



Cổng vào làng gốm cổ Chu Đậu



Cổng vào xí nghiệp gốm Chu Đậu



Công nhân đang làm việc tại xí nghiệp gốm Chu Đậu



Giới thiệu gốm Chu Đậu với khách nước ngoài



Gắn biển 1000 năm Thăng Long cho gôm Chu Đâu



Gôm Chu Đâu được trưng bày tại lễ hội giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản



Nhà triển lãm gốm Chu Đậu



Khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu làng gốm Chu Đậu